

Marc Joulin

ĐỨC MARIA

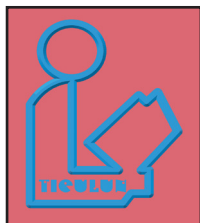
MẸ CHÚA GIÊSU

*Petite
encyclopédie
moderne
du
christianisme*

DESCLÉE DE BROUWER

ĐỨC MARIA MẸ CHÚA GIÊSU

MARC JOULIN



Lời Giới Thiệu

Sách viết về Maria, mẹ của Chúa Giêsu, nhiều vô số. Tại sao lại giới thiệu thêm một cuốn nữa ? Chẳng phải mọi điều về đề tài này đã được nói hết rồi sao ? Nhưng người ta cũng có thể nói như vậy về những cuốn sách liên quan đến Chúa Giêsu Kitô, thế mà bộ sách «Bách khoa hiện đại nhỏ về Kitô giáo» vẫn giới thiệu một cuốn rất hay và sáng tỏ của Jean-Noël Bezançon. Vậy tại sao không thử một cách tiếp cận cùng tinh thần như thế về mẹ của Chúa Giêsu, người giữ một vị trí quan trọng trong phụng vụ cũng như trong lời cầu nguyện cá nhân của các tín hữu Công giáo và Chính thống giáo ? Ở đây không phải là viết lại một chuyên khảo uyên bác về thần học Maria, cũng không phải để khích lệ lòng đạo đức, mà là trình bày ngắn gọn những điều Giáo hội Công giáo tin và dạy về Maria. Bài viết này có thể hữu ích cho các giáo lý viên và nhà giáo dục, cho các tín hữu mong muốn làm sáng tỏ đức tin và thực hành của mình, tại sao không dành cho cả những người giảng thuyết quan tâm đến sự chặt chẽ về giáo lý trong sự đơn giản của nội dung và hình thức ?

Người ta cũng mong muốn có thể giúp những người không phải Công giáo hiểu được chính xác những điều

Giáo hội dạy và những gì còn là quan điểm tự do hoặc chưa rõ ràng. Do đó, phần đầu tiên chú trọng vào việc xem xét kỹ lưỡng các văn bản Kinh Thánh liên quan đến mẹ của Chúa Giêsu, cả theo cách chúng được viết lẫn cách chúng được đọc, hiểu và giải thích trong những thế hệ Kitô hữu đầu tiên.

Phần thứ hai cố gắng theo dõi sự phát triển chậm rãi của lòng đạo đức và giáo lý về Maria qua đời sống và giáo huấn của Giáo hội qua nhiều thế kỷ. Các văn kiện gần đây của Công đồng Vatican II và các vị giáo hoàng cuối cùng như Phaolô VI và Gioan Phaolô II đã được sử dụng rộng rãi. Thực vậy, chúng đã định vị, làm rõ và soi sáng nhiều khía cạnh vốn còn nằm trong bóng tối.

Trong một nghiên cứu mong muốn được trung thực và thẳng thắn, một số khó khăn được nêu lên, chẳng hạn bởi các nhà tư tưởng Tin lành hoặc những người đề cao sự chặt chẽ về lịch sử hoặc thần học, đã không bị bỏ qua. Cuối cùng, nghiên cứu giáo lý Công giáo về Maria chắc chắn dẫn đến việc suy ngẫm về vai trò của Giáo hội, cả trong quyền giảng dạy lẫn trong những biểu hiện tự phát nhất của dân Chúa.

Chúng tôi đã chọn đặt niềm tin nơi Giáo Hội, là Đấng đã trao truyền cho chúng tôi Thánh Kinh và một Truyền Thống sống động liên quan đến chính Đức Kitô Giêsu

và Mẹ Người. Trong cuốn sách nhỏ này, người ta sẽ chỉ tìm thấy một hành trình tìm kiếm chân lý khiêm tốn trong cách tiếp cận và mong muốn được tiếp cận bởi đông đảo độc giả. Chắc chắn không có ý định nào che giấu niềm tin Công Giáo của chúng tôi; như Chúa Giêsu đã nói: “Hễ Có thì phải nói Có, Không thì phải nói Không!” Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng trước sự bao la của mầu nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa, từ đó phát sinh mầu nhiệm về Đức Maria, nhiều lúc chúng ta chỉ có thể lắp bắp như trẻ thơ. Nhưng Nước Thiên Chúa được hứa ban cho những tâm hồn đơn sơ và trẻ nhỏ.

M. J.

I
ĐỨC MARIA
TRONG KINH THÁNH

Chúng Ta Đều Biết Mẹ Người !

Quả thật, có những người đương thời với Chúa Giêsu đã từng quen biết gia đình Người. Như lời chép trong sách Tin Mừng theo Thánh Máccô : «Ông này chẳng phải là bác thợ mộc, con bà Maria đó sao ?» (Mc 6, 3). Và trong sách Tin Mừng theo Thánh Gioan : «Đây chẳng phải là ông Giêsu, con Thánh Giuse đó ư ? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả mà !» (Ga 6, 42). Thế nhưng, các chứng nhân đầu tiên chỉ lưu lại cho hậu thế rất ít chi tiết cụ thể và những dữ liệu lịch sử chính xác. Khi nhìn vào vị thế quan trọng mà Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, đã và đang chiếm giữ trong lòng đạo đức của các tín hữu Công giáo và Chính thống giáo, sự thiếu vắng những thông tin chi tiết này quả là điều đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, vị trí cao quý ấy của Đức Trinh Nữ Maria đã được hình thành cách tiệm tiến qua niềm tin cậy, lời cầu nguyện và lòng sùng kính chân thành của cộng đoàn tín hữu, ngay cả trước khi các nhà thần học bắt đầu nghiên cứu và hệ thống hóa các tín điều về Người.

Các Công Đồng và Đức Giáo Hoàng qua nhiều thời đại đã chính thức công nhận, giải thích và làm sáng tỏ những điều mà dân Chúa đã tôn kính từ lâu. Trước những hình thức sùng đạo bình dân đôi khi thiên về tình cảm hơn là nền tảng thần học vững chắc, các ngài

luôn tỏ ra quan tâm đặc biệt để không bao giờ tách rời Đức Maria khỏi người Con duy nhất của Mẹ là Chúa Giêsu Kitô. Công Đồng Vatican II đã nêu gương sáng về phương cách này khi dành riêng một văn kiện quan trọng về Đức Maria, nhưng đặt trong khuôn khổ Hiến Chế về Giáo Hội, tức là công trình cứu độ của Đức Kitô, dưới tựa đề : «Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, trong mầu nhiệm Đức Kitô và Giáo Hội.»

Trong bốn sách Tin Mừng, mặc dù tất cả đều nhắc đến Đức Maria, nhưng có hai thánh sử đã dành cho Mẹ một sự quan tâm đặc biệt : Thánh Luca và Thánh Gioan. Chúng ta không rõ các ngài đã dựa vào những nguồn tài liệu nào. Riêng về Thánh Luca, có lẽ ngài đã tiếp nhận được một số lời kể từ chính Đức Maria, vì có những sự kiện ngài thuật lại chỉ có Mẹ là nhân chứng duy nhất. Tuy nhiên, việc những lời này được truyền đạt qua trung gian nào và bằng cách thức ra sao thì không nên suy đoán cách vô căn cứ. Điều cốt yếu là tìm hiểu ý định của Thánh sử khi ngài trình bày về nguồn gốc và thời thơ ấu của Chúa Giêsu, và do đó, về người Mẹ thánh thiện của Người.

Lời Thiên thần Truyền Tin Cho Đức Maria

Bà Ê-li-sa-bét có thai được sáu tháng, thì Thiên Chúa sai sứ thần Gáp-ri-en đến một thành miền Ga-li-lê, gọi là Na-da-rét, gặp một trinh nữ đã thành hôn với một người tên là Giu-se, thuộc dòng dõi vua Đa-vít. Trinh nữ ấy tên là Ma-ri-a. Sứ thần vào nhà trinh nữ và nói: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.” Nghe lời ấy, bà rất bối rối, và tự hỏi lời chào như vậy có nghĩa gì. Sứ thần liền nói: “Thưa bà Ma-ri-a, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giê-su. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đa-vít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Gia-cóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận.” Bà Ma-ri-a thưa với sứ thần: “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!” Sứ thần đáp: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa. Kìa bà Ê-li-sa-bét, người họ hàng với bà, tuy già rồi, mà cũng đang cưu mang một người con trai: bà ấy vẫn bị mang tiếng là hiếm hoi, mà nay đã có thai được sáu tháng. Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.” Bấy giờ, bà Ma-ri-a nói: “Vâng, tôi đây là

nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.” Rồi sứ thần từ biệt ra đi.

Còn về Thánh Gioan, dù không đi sâu vào những vấn đề liên quan đến cấu trúc tác phẩm của ngài, chúng ta nhận thấy thánh sử tự giới thiệu mình như chứng nhân trực tiếp của những sự kiện ngài thuật lại, điều này xét về lý thuyết hoàn toàn khả dĩ, bởi ngài không đề cập đến việc giáng sinh hay thời thơ ấu của Chúa Giêsu.

Cách thức đơn giản nhất là bắt đầu bằng việc nghiên cứu kỹ lưỡng bản văn của Thánh Luca.

Mối Quan Tâm Của Thánh Luca

Rõ ràng khi biên soạn đoạn văn mà chúng ta gọi là Tin Mừng Truyền Tin, Thánh Luca đã biết rõ hồi kết của cuộc đời Chúa Giêsu, và độc giả của ngài cũng đã biết, ít là những sự kiện chính yếu. Như ngài đã thuật lại sau này trong sách Công Vụ Tông Đồ, Thánh Luca đã nghe bài giảng nổi tiếng của Thánh Phêrô với người Do Thái tại Giêrusalem vào sáng ngày Lễ Ngũ Tuần : «Chúa Giêsu mà quý vị đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô» (Cv 2, 36). Ngài đã đồng hành với Thánh Phaolô trong nhiều cuộc hành trình truyền giáo và đã nghe vị Tông Đồ rao giảng «Tin Mừng về Con Thiên Chúa, Đấng sinh

bởi dòng dõi vua Đavít theo huyết nhục, Đấng đã được đặt làm Con Thiên Chúa với quyền năng theo Thánh Thần, nhờ sự phục sinh từ cõi chết, đó là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta» (Rm 1, 3-4). Bởi thế, cái nhìn của ngài về những sự kiện liên quan đến nguồn gốc của Chúa Giêsu đã được soi sáng bởi đức tin. Ngài có hai mối quan tâm chính: trước hết là giúp độc giả hiểu rằng Giêsu Nadarét thực sự là Đấng Cứu Thế mà Thiên Chúa đã hứa ban cho dân Israel, đồng thời, vì ngài viết không phải cho người Do Thái mà cho các tín hữu gốc Hy Lạp từng theo ngoại giáo, ngài muốn chứng tỏ rằng Chúa Giêsu không chỉ là một vị vua thuộc dòng Đavít dành riêng cho người Do Thái, mà thực sự là Con Thiên Chúa đến để trị vì mọi dân tộc.

Cách thức Thánh Luca nói về Thân Mẫu Chúa Giêsu được định hình và soi sáng bởi mục đích này. Ngài chỉ đề cập đến Mẹ như một phương thế để làm nổi bật Con của Mẹ, tuy nhiên ngài luôn bày tỏ thái độ hết sức tôn kính, thậm chí có thể nói là lòng ngưỡng mộ trước đức tính đơn thành và lòng tin son sắt của Mẹ. Rõ ràng Thánh sử đã chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những trình thuật Kinh Thánh Cựu Ước kể về nguồn gốc các vị anh hùng trong lịch sử Israel. Có lẽ ngài đã nhớ đến câu chuyện về sự ra đời của Isaac, con trai ông Abraham và bà Sara vốn hiếm muộn (Sáng Thế 15, 18 và 21),

cũng như Samuel được sinh ra bởi bà Anna, một phụ nữ từng son sẻ, mà bài ca tạ ơn của bà chắc chắn đã gợi hứng cho kinh Magnificat của Đức Maria (1 Samuel 2). Trong sách Thủ Lãnh (13, 3), người phụ nữ sẽ trở thành mẹ của Samson cũng đón nhận tin báo về việc thụ thai con mình theo cách tương tự như lời truyền tin cho Đức Maria. Theo cùng một lối văn và chịu ảnh hưởng ít nhiều từ các khuôn mẫu này, Thánh Luca đã thuật lại việc thiên thần báo tin về sự ra đời của Gioan Tẩy Giả,

Đặc điểm riêng các Tin Mừng thời thơ ấu

Hai chương đầu Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu và Lu-ca được viết theo một thể văn đặc biệt : trình thuật về thời thơ ấu của nhân vật vĩ đại. Mục đích là khám phá trước nhân cách và sứ mệnh của vị ấy qua vài giai thoại thuở thiếu thời. Các tác giả được tự do sáng tạo, đôi khi xa rời những chi tiết lịch sử cụ thể. Trường hợp Chúa Giêsu, chắc chắn Người đã được sinh ra và có một tuổi thơ ! Lịch sử theo nghĩa này hiển nhiên hiện hữu. Nhưng việc Thánh Mát-thêu dùng hình ảnh các nhà chiêm tinh để loan báo tính phổ quát trong sứ mệnh của Chúa Giêsu không có gì lạ. Cảnh trốn sang Ai Cập, hay đúng hơn là cuộc xuất hành khỏi Ai Cập của Hài Nhi Giêsu, minh họa rõ niềm xác tín của Thánh sử : Chúa Giêsu chính là Mô-sê mới, Đáng được Thiên

Chúa sai đến để cứu dân Người.

Còn nơi Thánh Lu-ca, tất cả những ai nói về Chúa Giêsu đều nhân danh Thiên Chúa, bởi họ được tràn đầy Thánh Thần. Các tước hiệu dành cho Hài Nhi Giêsu chính là những danh xưng mà cộng đoàn tín hữu dùng để tôn vinh Đấng Phục Sinh trong phụng vụ : Đức Kitô, Chúa Tể, Con Vua Đavít, Ánh Sáng trần gian, Ngôn Sứ của Đấng Tối Cao. Ở đây, ta cảm nhận rõ ảnh hưởng của niềm tin phục sinh trên các trình thuật này. Cách thể phụng tự của Kitô hữu hiện diện rõ nét trong hai chương đầu Tin Mừng Luca.

Marc Sevin, Tạp chí Fêtes et saisons,
số 446, Nhà xuất bản Le Cerf, tháng 6 năm 1990.

vị Tiền Hô tương lai của Chúa Giêsu, Đấng mà người ta sẽ gọi là Gioan Tẩy Giả. Tất cả những hồi ức Kinh Thánh này giúp Thánh sử chúng ta nhận ra nơi các biến cố ngài thuật lại sự hoàn thành một ý định nhiệm mầu của Thiên Chúa đã được chuẩn bị từ nhiều thế kỷ.

Thời gian và địa điểm

Thánh Luca xác định rằng mọi sự khởi đầu tại Nadarét, một thành miền Galilê. Thực ra, Nadarét khi ấy chỉ là một thôn làng nhỏ bé chẳng mấy ai biết tới, và chưa

từng được nhắc đến trong các trình thuật Kinh Thánh. Nơi này tọa lạc ở phía bắc Palestine, cách hồ Tibêria khoảng ba mươi cây số về phía tây.

Về niên đại, Thánh sử chỉ ghi vắn tắt : «Vào thời Hêrôđê làm vua xứ Giuđê.» Đây chính là Hêrôđê Đại đế, một bạo chúa tàn bạo liên minh với đế quốc Rôma, đã trị vì từ năm 37 đến năm 4 trước Công nguyên. Là người say mê xây dựng, ông đã khởi công tái thiết Đền Thờ Giêrusalem. Thánh Luca còn nói thêm về việc Chúa Giêsu sinh ra tại Bêlem : «Trong thời kỳ Quiriniô làm tổng trấn xứ Xyria.» Các văn khố Rôma quả thật có lưu lại dấu tích về nhân vật Quiriniô này, nhưng những dữ liệu liên quan đến ông rất khó, nếu không muốn nói là không thể, hài hòa được với thông tin do Thánh sử cung cấp. Tuy nhiên, các sử gia hiện đại ước tính rằng Chúa Giêsu có thể đã giáng sinh vào khoảng năm 8-6 trước Công nguyên, do việc thiết lập niên đại này vào thế kỷ thứ VI đã có sai sót trong tính toán.

Thiên thần Gabriel được Thiên Chúa sai đến

Trong nhiều trình thuật Kinh Thánh cổ xưa, khi Thiên Chúa muốn truyền đạt với con người, Ngài thường sử dụng một sứ giả được gọi là Thiên thần của Đức Chúa. Vị sứ giả này đôi khi được miêu tả như một thực thể ánh sáng và lửa, nhưng thường xuyên hơn là mang hình

dáng một con người hoặc hiện thân bí ẩn nào đó, như ba vị lữ khách mệt mỏi đã được tổ phụ Abraham tiếp đón (Sáng Thế 18). Trong các trình thuật muộn hơn, các thiên thần này còn được đặt những danh xưng mang ý nghĩa biểu tượng về sứ mệnh của mình, và họ tiết lộ danh xưng ấy cho những ai đón nhận họ. Chẳng hạn, ông Tôbia được thiên thần Raphael, tên có nghĩa là «Thiên Chúa chữa lành», hướng dẫn. Ngôn sứ Đanien đón nhận những thị kiến khó giải thích, cho đến khi thiên thần Gabriel, «Sức Mạnh của Thiên Chúa», giải nghĩa cho ông : vị này loan báo rằng thời cuối cùng đã gần kề và Đấng Mêsia sắp ngự đến (Đanien 8,15-18 ; 9, 21-22 ; 10, 9-11). Theo Thánh Luca đã, Thiên thần Gabriel tự xưng là sứ giả của Thiên Chúa khi hiện ra với ông Dacaria, cha của Gioan Tẩy Giả, và báo tin ông sẽ được một người con trai (Lc 1, 19).

Tại Nadarét, sự việc đã diễn ra thế nào ? Biết bao họa sĩ đã cố gắng tái hiện lại khung cảnh ấy, nhưng chẳng phải đó chỉ là ước đoán ngây thơ sao ? Mấy lời ngắn ngủi trong Tin Mừng chủ yếu chuyển tải một sứ điệp hơn là miêu tả một cuộc gặp gỡ. Thiên Chúa đã tỏ mình ra với Đức Maria, Mẹ đã lắng nghe và đáp lời Ngài. Mọi chi tiết khác đều là thứ yếu và không được biết đến.

Một Trinh Nữ Tên là Maria

Vậy là tại Nadarét có một thiếu nữ tên là Maria. Cha mẹ của Mẹ là ai, và Mẹ đang sống trong gia đình họ như lẽ thường, chúng ta không rõ. Theo truyền thống từ thế kỷ II, cha mẹ Mẹ được gọi là ông Gioakim và bà Anna, nhưng những truyền thống này chỉ cho thấy lòng sùng kính sớm dành cho thân mẫu Chúa Giêsu, chứ không có giá trị lịch sử.

Thánh Luca nói rõ thiếu nữ ấy là một trinh nữ. Cũng vậy, Thánh Matthêu, trong trình thuật song song khi kể lại sự kiện từ góc nhìn của Thánh Giuse, khẳng định mình bạch rằng hai người chưa chung sống. Mẹ đã đính hôn, một nghi thức thời đó mang giá trị pháp lý như hôn nhân thực sự, chứ không chỉ là lời hứa suông. Theo tục lệ, sau lễ đính hôn, cô gái thường ở lại nhà cha mẹ một thời gian dài ngắn tùy trường hợp. Bởi lẽ, họ có thể đính hôn từ rất trẻ, và hôn nhân chỉ được hoàn hợp khi cô đến tuổi khoảng mười lăm. Dụ ngôn Mười Trinh Nữ ám chỉ tập tục này (Mt 25).

Tên của thiếu nữ ấy là Maria. Trong tiếng Do Thái và tiếng Aram, ngôn ngữ phổ biến quanh vùng Mẹ sinh sống, tên Mẹ là Miryam, một danh xưng quen thuộc trong Kinh Thánh, như tên chị ông Môsê, người đã cứu em mình bên bờ sông Nin. Danh xưng này có ý nghĩa

biểu tượng không ? Nhiều cách giải thích đã được đưa ra. Trong đó, hai nghĩa hợp lý nhất là Bà Chúa, Nữ Vương hoặc Người được Thiên Chúa yêu mến. Dĩ nhiên, lòng đạo đức Kitô giáo đã thêm dệt thêm nhiều ý nghĩa từ đó, nhưng sử gia vẫn giữ thái độ dè dặt.

Hãy Vui Lên

Lời đầu tiên của Thiên thần với Đức Maria thường được dịch khá bình thường trong tiếng Pháp là «Je vous salue» (Kính chào Bà), dựa theo tiếng Latinh Ave, như một công thức xã giao. Nhưng từ ngữ Hy Lạp trong bản văn của Thánh Luca mang sắc thái mạnh mẽ và phong phú hơn. Nguyên văn phải dịch là «Hãy vui lên», và nó gắn liền với những căn rễ sâu xa trong Kinh Thánh. Sách Ngôn sứ Isaia (12, 6) viết :

Hỡi thiếu nữ Sion, hãy reo hò mừng rỡ, vì Đức Thánh của Israel, Người thật vĩ đại, ngự giữa ngươi.

Và sách Ngôn sứ Dacaria (2,14) cũng ghi:

Hỡi thiếu nữ Sion, hãy hân hoan reo hò, vì này Ta đang đến để ở giữa ngươi - sấm ngôn của Đức Chúa.

Còn nhiều đoạn khác cũng gợi lên niềm vui của những lời hứa Đấng Mêsia và việc Thiên Chúa ngự giữa dân Ngài, được nhân cách hóa qua hình ảnh «thiếu nữ Sion» hay thành thánh Giêrusalem. Qua đó, Thiên thần đã gọi Đức Maria là hiện thân của «thiếu nữ Sion», khi cụ Thiên Chúa dùng để thiết lập Nước Ngài trên trần gian. Đáng chú ý, Thánh Luca đã gần như trích nguyên văn lời ngôn sứ Xôphônia (3, 14-17) để chuyển tải sứ điệp của Thiên thần :

Hỡi thiếu nữ Sion, hãy reo vui ! Hỡi Israel, hãy trở lại hò reo ! Hỡi thiếu nữ Giêrusalem, hãy hân hoan và nhảy mừng hết tâm hồn ! Đức Chúa là Vua Israel, đang ngự giữa người.

[...]

Đừng sợ, hỡi Sion !

Chúa ngự giữa lòng người,

Người là Đấng Cứu Độ oai hùng !

Theo nguyên ngữ Do Thái, cụm từ «ngự giữa người» có thể dịch chính xác là «trong lòng người» hoặc «trong dạ người». Điều này ứng nghiệm trọn vẹn nơi lời Thiên thần nói với Đức Maria : «Chúa ở cùng Trinh Nữ», báo trước : «Này Trinh Nữ sẽ thụ thai trong lòng». Như vậy, Đức Maria chính là hiện thân của «thiếu nữ Sion». Mẹ

sẽ cưu mang chính sự hiện diện nhiệm mầu nhưng chân thật của Thiên Chúa, Đấng ẵm mình trong Hài Nhi mà Thiên thần loan báo, Đấng sẽ mang danh Giêsu, nghĩa là Đấng Cứu Độ.

Niềm vui đích thực, thứ niềm vui các ngôn sứ đã hứa, là ân ban của Thiên Chúa, một hồng ân. Do đó, có thể dịch là «Ân sủng đổ xuống Trinh Nữ», một lời loan báo mà Thiên thần còn làm rõ hơn khi thêm : «Đầy ân sủng» và «Đừng sợ, hỡi Maria, vì Trinh Nữ đẹp lòng Thiên Chúa». Trong Kinh Thánh, ân sủng chính là sự đoái thương của Thiên Chúa, là lựa chọn Ngài dành cho những ai Ngài muốn trao tặng tình yêu. Vậy là Thiên thần đang báo tin cho thiếu nữ trẻ miền Galilê, chắc hẳn thuộc hàng cùng khó nhất trong những người nghèo, rằng Thiên Chúa đã chọn Mẹ để tràn đổ tình thương sung mãn. Ân sủng Thiên Chúa không bao giờ là vô hiệu, nó đã tác động nơi Đức Maria và sẽ tiếp tục biến đổi Mẹ thành tâm hồn tinh thức đón nhận thánh ý từ sứ giả Thiên Quốc.

Thế nhưng, khi nghe lời chào của Thiên thần, «Mẹ bối rối và tự hỏi lời chào như thế có ý nghĩa gì.» Đối với một thiếu nữ Do Thái thấm nhuần truyền thống Môsê, Thiên Chúa không phải là Đấng thân mật, nhưng là Đấng con người phải tôn kính đến mức không dám thốt

lên Danh Thánh Ngài, dù chính Ngài đã mặc khải Danh ấy cho tôi tớ Môsê. Vậy mà giờ đây, Thiên Chúa của tổ phụ Mẹ, Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Giacóp, Đấng đã giải phóng dân Ngài khỏi ách nô lệ Ai Cập và đưa họ về từ cuộc lưu đày khắc nghiệt ở Babylon, Đấng đã hứa ban Đấng Mêsia Cứu Thế, Đấng còn vĩ đại hơn Đavít để quy tụ dân Ngài, lật đổ kẻ quyền thế khỏi ngai vàng và cho người đói khát được no đầy, chính Thiên Chúa Chí Thánh ấy đang ngỏ lời với Mẹ. Mẹ có thể cảm thấy kinh hoàng như ngôn sứ Isaia khi lần đầu gặp gỡ Thiên Chúa đã thốt lên : «Khôn thân tôi, tôi chết mất!» Nhưng trái tim trong trắng của người thiếu nữ Maria không mang mặc cảm bất xứng như vị ngôn sứ. Mẹ chỉ xúc động và tìm cách lý giải. Trên hết, Mẹ ngỡ ngàng vì Thiên Chúa đoái nhìn đến phận hèn tôi tớ của Mẹ, như Mẹ sẽ thốt lên sau này khi trào dâng niềm vui trước mặt người chị họ Êlisabét. Ngay lập tức, sứ thần trấn an và soi sáng cho Mẹ.

Thiên thần báo tin Đức Maria sẽ thụ thai một người con. Với ai am tường truyền thống Do Thái, lời tiên báo này không quá kỳ lạ như thoát tưởng, vì Đức Maria có thể nhớ lại những gì đã được báo trước cho bà Sara, bà Anna và mẹ của Samson. Trước hết, thiên thần khẳng định tính nhân loại trọn vẹn của việc sinh hạ này : «Này Trinh Nữ sẽ thụ thai trong lòng, trong dạ mình.» Ở đây

có thể thấy lời diễn đạt đặc trưng của ngôn ngữ Sêmit, nhưng cũng có thể xem đây như lời chuẩn bị cho điều mà các nhà thần học sau này sẽ gọi là tính hiện thực của Mầu nhiệm Nhập Thể : Chúa Giêsu sẽ là một con người thực sự, chứ không phải như một số người sau này tưởng tượng, chỉ là hình bóng con người, một hữu thể thiêng liêng khoác lột nhân loại. Là Con Thiên Chúa, Người cũng thực sự là Con Người, hoàn toàn liên đới với toàn thể nhân loại.

Nhưng khi Thiên Chúa sai thiên thần loan báo việc sinh hạ, ắt hẳn đứa trẻ ấy sẽ có một vận mệnh phi thường. Đứa con của Đức Maria cũng vậy : «Người sẽ nên cao cả và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ phụ Người. Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời, và triều đại Người sẽ vô cùng vô tận.» Chúa Giêsu được gọi là «cao cả» như người ta nói «Thiên Chúa cao cả». «Cao cả» đồng nghĩa với «thánh thiện» ; thiên thần nói Chúa Giêsu sẽ là «một Đấng Thánh». Mà thánh thiện chính là bản tính của Thiên Chúa. Nói «Thiên Chúa thánh thiện» chính là tuyên xưng «Thiên Chúa là Thiên Chúa», hàm chứa trong đó mọi sự phong phú và nhân hậu, quyền năng và sự sống, sự siêu việt và mầu nhiệm nơi Thiên Chúa. Chúa Giêsu sẽ cao cả và thánh thiện bởi Người thực sự là Con Thiên Chúa theo

nghĩa viên mãn nhất. Khi nói Người sẽ «được gọi» là Con Đấng Tối Cao không hề làm giảm đi tính hiện thực của mối tương quan phụ tử này, trái lại còn nhấn mạnh hơn nữa, bởi theo quan niệm Do Thái, danh xưng biểu lộ chính cốt lõi của con người, nơi thâm sâu nhất của hữu thể.

Khi nhắc đến ngai vàng Đavít và nhà Giacóp, sứ thần Thiên Chúa gọi lên niềm hy vọng kỳ diệu của Israel : Hài Nhi này chính là Đấng Mêsia Vua mà bao kẻ nghèo hèn mong đợi, Đấng sẽ thiết lập công lý và tự do đích thực cho Dân Chúa vốn bao thế kỷ bị áp bức.

Việc ấy sẽ xảy ra cách nào ?

Lời chất vấn của Đức Maria với sứ thần mãi mãi khiến chúng ta phải suy tư. Đức Maria dù trên thực tế chưa, nhưng theo luật đã là hiền thê của Thánh Giuse. Theo lẽ thường, Mẹ hẳn phải nghĩ mình sẽ có những quan hệ vợ chồng hợp pháp với ông, những quan hệ được Thiên Chúa chúc phúc và muốn cho hôn nhân, bởi trong toàn bộ truyền thống Kinh Thánh, việc sinh sản là dấu chỉ Thiên Chúa đoái thương. Dù đứa con này có được định sẵn một sứ mạng phi thường, thậm chí mang trong mình mối tương quan thần linh nhiệm mầu, điều đó cũng không hề mâu thuẫn với lẽ tự nhiên. Thế nhưng, Mẹ vẫn kiên quyết đặt câu hỏi : «Việc ấy sẽ xảy

ra thế nào , vì tôi không hề biết đến người nam ?» Trong Kinh Thánh, «biết đến» mang ý nghĩa chính xác là có quan hệ vợ chồng. Từ câu hỏi này, ta có thể kết luận rằng Mẹ đã hiểu, qua lời thiên thần hoặc nhờ linh hứng của Chúa Thánh Thần, rằng Mẹ sẽ phải từ bỏ việc hoàn hợp hôn nhân với thánh Giuse.

Nhiều nhà chú giải cho rằng Mẹ đã có sẵn ý định hiến dâng trọn vẹn cho Thiên Chúa trong bậc đồng trinh. Một số nhà nghiên cứu Kinh Thánh cũng cố quan điểm này bằng cách chỉ ra rằng công thức dùng thì hiện tại : «Tôi không biết đến người nam» cũng có thể hiểu ở thì tương lai : «Tôi không có ý định biết đến người nam, tôi sẽ không biết đến người nam.» Xã hội Do Thái quả thực có những hình thức tận hiến khổ hạnh bao hàm việc từ bỏ hôn nhân, như trường hợp nhóm Esseni tại Qumran, nhưng những tập tục này chỉ dành cho nam giới và Qumran lại cách xa Galilê ; có lẽ Đức Maria chưa từng nghe nói đến những điều ấy.

Phải chăng nhờ một ân sủng đặc biệt, Thiên Chúa đã linh hứng cho vị trinh nữ trẻ này hiến dâng trọn vẹn tâm hồn và thể xác cho một mình Ngài ? Có lẽ vậy, vì tình yêu Thiên Chúa hoàn toàn tự do ; và khó có thể giải thích bản văn theo cách khác. Nhưng nếu thế, tại sao Mẹ lại đã nhận lời hôn ước với Thánh Giuse ? Và liệu

bản thân ngài có thể chấp nhận một dự định như vậy và mình hẳn hợp tác chẳng ? Tại sao không ? Trong ngài, ân sủng của Thiên Chúa cũng có thể tác động. Tuy nhiên, có vẻ khôn ngoan khi nhận biết sự thiếu hiểu biết của chúng ta và không đưa ra những giả thuyết đạo đức nhưng không thể kiểm chứng.

Nếu chúng ta tìm kiếm thêm chút ánh sáng, cần nhớ rằng Tin Mừng không thể truyền lại từng lời trong cuộc đối thoại giữa Đức Maria và thiên thần. Thánh Luca đã biên soạn bản tường thuật khoảng bảy mươi năm sau sự kiện, và điều ngài muốn cho độc giả biết chính là đức tin của các tông đồ, những người ngài đã từng làm môn đệ, và đức tin của cộng đoàn Kitô hữu nơi ngài sinh sống. Như một nhà chú giải uy tín viết : “Đối với Thánh Luca, đó là một tín điều rằng số phận của Đức Maria là trọn đời đồng trinh. Ngài tin chắc rằng Đức Maria thực sự đã giữ mình đồng trinh suốt đời, cả sau lẫn trước khi sinh Chúa Giêsu. Những lời ngài đặt trên môi Đức Maria không gì khác hơn là một lời khẳng định minh nhiên và có chủ ý về sự đồng trinh trọn đời của Đức Maria, được tuyên bố sau sự kiện, rất lâu sau khi mọi việc xảy ra.” Và cùng tác giả tiếp tục : “Dựa trên cách giải thích của chúng tôi, hoàn toàn có thể duy trì quan điểm rằng ban đầu Đức Maria đã dự tính một cuộc hôn nhân bình thường với Thánh Giuse, và nói

rằng ý định giữ mình đồng trinh chỉ xuất hiện từ thời điểm Nhập Thể. Điều này đủ để Thánh Luca đặt ý định ấy vào chính lúc Truyền Tin ¹.” Người ta có thể nói thêm rằng cách đọc như thế về bản văn của Thánh Luca hoàn toàn không mâu thuẫn với đức tin của mọi Kitô hữu vào sự linh hứng của Kinh Thánh bởi Chúa Thánh Thần. Điều này bảo đảm tính chính xác của sứ điệp, nhưng không nhất thiết phải đúng từng chi tiết, và rất cuộc chính Giáo Hội trong truyền thống cùng giáo huấn được hun đúc qua bao thế kỷ mới hướng dẫn chúng ta trong việc phân định điều cốt yếu này.

Lời đáp của sứ giả Thiên Chúa chứa đựng lời hứa về một sự thụ thai lạ lùng sẽ gìn giữ sự đồng trinh của Đức Maria : ‘Chúa Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà. Vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa.’ Như vậy, sự đồng trinh của Đức Maria được Thánh Luca khẳng định rõ ràng, nhưng được trình bày không phải như một đặc ân riêng cho Người, mà như một dấu chỉ không thể chối cãi về thần tính của Con Người.

1 John Mc Hugh, *Mẹ Chúa Giêsu trong Tân Ước*, Le Cerf, 1977, tr. 239

Này đây, một trinh nữ sẽ thụ thai

Tin Mừng theo Thánh Matthêu cũng dẫn chúng ta đến kết luận tương tự. Thánh Giuse quả thực là bối rối trước việc Đức Maria mang thai. Nhiều tác giả thời xưa như thánh Giêrônimô, thánh Augustinô, thánh Gioan Kim Khẩu vào thế kỷ IV, đã nghĩ rằng Đức Maria không hề nói gì về việc thụ thai nhiệm mầu này. Khi nhận thấy tình trạng của Mẹ, thánh Giuse có lẽ đã nghi ngờ Mẹ bất trung, hoặc tìm cách rút lui khỏi tình huống mà ngài không thể hiểu nổi bằng việc ly dị.

Nhưng bản văn không nói chính xác như thế. Ngay từ đầu, bản văn khẳng định Đức Maria có thai bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, không cần giải thích thêm. Vì thế, thánh Giuse hẳn phải biết điều này và có lẽ là do chính Đức Maria nói ra. Thánh Matthêu gọi thánh Giuse là người công chính, nghĩa là người có đức tin và nhân cách cao thượng. Biến cố này làm đảo lộn dự định hôn nhân của ngài, và ngài nghĩ phải từ bỏ hoàn toàn để mặc Thiên Chúa dẫn dắt Đức Maria. Là một người Do Thái cẩn trọng, ngài e sợ mọi biểu hiện của Thiên Chúa chí thánh và muốn lánh mặt. Vì không muốn gây tổn hại cho Đức Maria, ngài quyết định giữ kín việc này. Đức Maria sẽ ra sao nếu không có ngài ? Thánh Matthêu không nói ! Có lẽ thánh Giuse mong đợi một sự can

thiếp khác của Thiên Chúa cho người thiếu nữ ? Quả thật, điều đó đã xảy ra, nhưng không như ngài tưởng. Sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ngài : ‘Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về : vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần, bà sẽ sinh con trai, và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu...’ Chính Thánh

Truyền tin cho ông Giuse

Đây là gốc tích Chúa Giêsu Kitô. Bà Maria, mẹ Người, đã thành hôn với ông Giuse. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo. Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng : «Này ông Giuse, con vua Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai, và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ.» Tất cả sự việc này xảy ra là để ứng nghiệm lời Chúa phán qua miệng ngôn sứ : Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuen, nghĩa là «Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta.» Khi tỉnh giấc, ông Giuse làm như sứ

thần Chúa dạy và đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu.

(Mt 1,18-25)

Giuse sẽ đặt tên cho con trẻ ; điều này cho thấy vai trò của ngài đã được vạch rõ : ngài phải cư xử như cha của con trẻ. Và quả thật sự việc đã xảy ra như vậy : «Ông Giuse đã đón vợ về nhà», nhưng hoàn toàn tôn trọng nơi Mẹ công trình của Thiên Chúa : «Ông không ăn ở với bà» Thánh Matthêu nhấn mạnh.

Và vị thánh sử đã chú giải theo cách thức rất Do Thái, khi nhìn thấy trong mỗi biến cố sự ứng nghiệm lời hứa của Thiên Chúa : «Tất cả chuyện này xảy ra là để ứng nghiệm lời Chúa phán qua miệng ngôn sứ : Này đây Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuen, nghĩa là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta.»

Lời sấm này được trích từ sách ngôn sứ Isaia (7, 14). Đối với vị ngôn sứ, lời này mang ý nghĩa gì ? Không nghi ngờ gì, nó ám chỉ một biến cố trong triều đình vua chúa tại Giêrusalem vào đầu thế kỷ VIII trước Công

nguyên. Vị ngôn sứ loan báo cho vua Akhát của Giuđa về việc hạ sinh một người con trai, chính là vị vua sẽ kế vị cha mình dưới tên Ezekia, một vị vua mà ngôn sứ Giêrêmia đã có thể nói : «Ông đã làm điều đẹp lòng Chúa và đặt trọn niềm tin tưởng nơi Ngài.» Bản văn Do Thái nguyên thủy ghi rõ : «Người thiếu nữ đang mang thai.» Người thiếu nữ này là một trong những người vợ của nhà vua, và việc sinh nở này chẳng có gì là lạ lùng, nhưng sẽ là một dấu chỉ, Isaia nói, một dấu chỉ về lòng nhân hậu của Thiên Chúa, bởi vị hoàng tử nhỏ này nhờ sự công chính và đức tin sẽ trở thành «Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta». Một dấu chỉ mời gọi người ta nhìn vượt trên bề ngoài. Trong việc hạ sinh đầy hạnh phúc này, vua Akhát và thần dân được mời gọi nhận ra sự che chở của Thiên Chúa trên vương quốc Giuđa, ngay khi vương quốc anh em miền Bắc là Israel, đắm chìm trong tà thần và suy đồi, đang bị phó mặc cho quân thù. Nhưng vị ngôn sứ còn nhìn xa hơn thế. Khi dân tộc của ngài đang bị đe dọa bởi thảm họa của những cuộc chiến tranh triền miên, ngài cảm nhận rằng Thiên Chúa sẽ gửi đến cho họ một Đấng Mêsia Vua, dòng dõi vua Đavít như Êdêkia, Đấng sẽ thiết lập công lý và hòa bình cho muôn dân bằng việc canh tân Giao Ước vĩnh cửu giữa Thiên Chúa và những người thiện tâm.

Theo sau ngôn sứ Isaia, các bậc hiền nhân Israel dần dần nhận ra trong lời tiên tri về Emmanuel lời loan báo một cuộc hạ sinh vượt qua mọi quy luật thông thường. Bản dịch Kinh Thánh sang tiếng Hy Lạp đầu tiên, do các học giả Do Thái ở Alexandria thực hiện vào thế kỷ I trước Công nguyên, đã đưa vào từ ngữ chính xác «trinh nữ» khi dịch lời sấm của Isaia để chỉ người mẹ của Đấng được mong đợi. Những dịch giả này muốn bày tỏ niềm xác tín rằng Thiên Chúa sẽ ban cho dân Ngài một Đấng Mêsia mà ngay từ cách thức thụ thai phi thường đã biểu lộ sự can thiệp quyết định của Thiên Chúa vào lịch sử nhân loại. Khi nhập thể từ một trinh nữ được Thánh Thần, nguồn mạch sự sống, làm cho thụ thai, Người sẽ thực sự là Emmanuel, Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta, Vua Mêsia Trung Gian của Giao Ước Mới giữa Thiên Chúa và công trình sáng tạo của Ngài. Qua đó, ta hiểu được tại sao thánh Matthêu, khi biên soạn Tin Mừng vừa với tư cách là người Do Thái chính thống vừa là môn đệ nhiệt thành của Đức Kitô Giêsu, mời gọi độc giả nhận ra nơi Chúa Giêsu Đấng Emmanuel mà những người trung tín và khiêm hạ nhất trong dân Thiên Chúa hằng mong đợi, và hệ quả là nhận biết nơi Đức Maria, vị Trinh Nữ sẽ hạ sinh Đấng Cứu Thế.

Đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể

Theo Thánh Luca, Thiên thần tiếp tục giải thích và đưa ra cho Đức Maria một dấu chỉ để củng cố niềm tin nơi Mẹ. Thiên thần báo tin rằng người chị họ Êlisabét của Mẹ, dù đã cao niên và son sẻ, cũng đã thụ thai một người con trai và nay đã mang thai được sáu tháng. Thánh Luca đã thuật lại sự kiện này trong những trang đầu của Tin Mừng (1, 5-25). Trước đó, trong suốt năm tháng, bà Êlisabét đã giấu kín việc mình có thai, điều này lý giải tại sao Đức Maria không hay biết.

Sứ điệp của Thiên thần kết thúc bằng một lời khẳng định đầy uy lực, mời gọi Đức Maria sống trọn vẹn đức tin và lòng tín thác : «Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể !» Lời này gợi nhớ lời đã phán với tổ phụ Abraham và bà Sara sau khi Thiên thần báo tin về sự ra đời của Isaac : «Có điều gì mà Thiên Chúa không làm được chẳng ?» (St 18, 14). Nơi Đức Maria, mọi lời hứa từ thời Abraham qua bao vị ngôn sứ và hiền nhân Israel được ứng nghiệm cách vượt quá mọi mong đợi.

Những lời tiên tri ấy được diễn đạt qua hai khuynh hướng chính. Một số nhấn mạnh rằng Đấng Mêsia phải là «Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta», và nơi Đức Maria, sự hiện diện này được biểu lộ cách tuyệt vời hơn cả cột mây lửa đã dẫn đường dân Do Thái trong cuộc Xuất

Hành.

Những người khác lại cho rằng điều cốt yếu là Đấng Mêsia phải là người kế vị hợp pháp của vua Đavít. Thánh Matthêu đã nhấn mạnh điểm này hơn cả Thánh Luca. Ngài bắt đầu trình thuật bằng một gia phả mang tính biểu tượng hơn là lịch sử, nhưng vô cùng ý nghĩa. Khởi đi từ tổ phụ Abraham, gia phả này nêu rõ tên vua Đavít và kết thúc bằng một công thức rất tế nhị : «Giacóp sinh Giuse, bạn của Đức Maria, từ nơi bà Chúa Giêsu được sinh ra, Đấng gọi là Kitô.» Như đã nói, trong truyền thống Israel, việc nhận làm con nuôi có giá trị ngang với con đẻ. Chúa Giêsu, con của Đức Maria, được sinh ra trong hôn nhân hợp pháp với ông Giuse, hậu duệ xa xôi và nghèo khó của dòng dõi vương giả, vẫn có thể được tuyên xưng là «Con Vua Đavít».

Này tôi là nữ tỳ của Chúa

Nhiều nhà chú giải cho rằng trong lời thiên thần nói với Đức Maria có hàm ý tùy thuộc vào sự ưng thuận của Mẹ. Một số tác giả, cả xưa lẫn nay, trong đó vị nổi bật nhất là thánh Bernardô, đã hình dung cả chính Thiên Chúa và toàn thể triều thần thiên quốc đang chờ đợi câu trả lời này, câu trả lời mà toàn bộ kế hoạch cứu độ nhân loại của Thiên Chúa tùy thuộc. Như thế, tự do của Đức Maria được tôn trọng. Nhưng nếu xem xét kỹ,

bản văn không gọi lên tất cả những điều đó. Thiên thần chỉ truyền đạt cho Đức Maria một sứ điệp, một thông điệp từ nơi Thiên Chúa, và dường như mọi sự đã được quyết định : ‘Bà sẽ thụ thai, bà sẽ sinh hạ...’ Đức Maria được tràn đầy ân sủng Thiên Chúa đến nỗi sự ưng thuận của Mẹ dường như đã được tiền định. Tự do của Mẹ không hề tại việc lựa chọn giữa các khả năng, nhưng là sự hòa hợp trọn vẹn của toàn thể con người Mẹ với thánh ý Thiên Chúa. Bởi lẽ, tự do đích thực không chỉ là sự lựa chọn, mà còn có thể là sự đón nhận cách sáng suốt và quyết tâm chính bản thân mình như Thiên Chúa đã dự định trong tình yêu của Ngài. Đức Maria đã khám phá ra ý nghĩa cuộc đời mình một cách rõ ràng, và từ viễn tượng đó, Mẹ đã tìm thấy hạnh phúc. Mẹ đón nhận điều đó cách tự nhiên bằng trí khôn, ý chí và con tim.

Điều này được diễn tả thật đơn sơ trong lời đáp của Mẹ với sứ giả Thiên Chúa : ‘Này tôi là nữ tỳ của Chúa.’ Công thức này thoát tiên có vẻ biểu lộ sự khiêm nhường. Nhưng không được quên rằng trong Israel, ‘tôi tớ của Chúa’ cũng là một danh hiệu vinh quang. Điều này đã được nói về tổ phụ Abraham và ông Môsê. Khi nhận mình là nữ tỳ của Chúa, Đức Maria vui mừng và tạ ơn vì vinh dự được trao ban. Và Mẹ tiếp tục bằng việc hiến dâng mình cho tác động của Chúa Thánh Thần : ‘Xin vâng như lời thiên thần truyền !’ Đây là tiếng reo vui

đầy hy vọng.

Người ta đã nhận ra nơi những lời này biểu lộ đức tin và lòng mến Chúa nơi Mẹ. Quả thật, chúng hòa điệu với giới răn trọng nhất trong Lễ Luật mà hân Mẹ đã thuộc nằm lòng : ‘Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người.’ Qua đó, Đức Maria bày tỏ lời ‘Xin Vâng’ xuất phát từ tận đáy lòng đối với Thiên Chúa và dâng hiến trọn cuộc đời, dù rõ ràng Mẹ không biết Thiên Chúa sẽ dẫn đưa Mẹ tới đâu và bằng con đường nào. Nhưng đối với Mẹ, đó không thể là sự chấp nhận cách thụ động và miễn cưỡng.

Chúa Giêsu sẽ dạy các môn đệ biến lời cầu nguyện ‘Xin Ý Cha thể hiện’ thành lời nguyện hằng ngày. Đức Maria hân cũng đã học và thường xuyên lặp lại lời nguyện này. Có nhiều cách để thốt lên lời ấy. Có thể nói với tiếng thở dài chấp nhận vì không còn cách nào khác. Có thể thưa lên cách mạnh mẽ, đầy trông cậy, biến thánh ý Chúa thành ý muốn của mình, thành niềm vui, và dốc toàn lực thực hiện điều mình đã nhận ra thuộc kế hoạch của Thiên Chúa. Các sách Tin Mừng cho thấy Đức Maria trong thái độ thứ hai này. Thánh Luca kể rằng Mẹ ‘vội vã lên đường’ tới miền núi để thăm người chị họ Êlisabét, và khi đó Mẹ đã cất lên bài Magnificat

như một khúc ca khải hoàn. Về sau, Mẹ theo chân Con mình trên khắp nẻo đường Galilê, rồi Giuđê, và cho đến tận Giêrusalem, nơi Mẹ sẽ tìm thấy sức mạnh để trung kiên đến cùng và đón nhận trong tư thế hiên ngang lời tối hậu của Con Mình : “Mọi sự đã hoàn tất !”

Đáng được chúc phúc hơn mọi người nữ

Thiên thần đã báo cho Đức Maria một tin khiến Mẹ kinh ngạc, nhưng lại quen thuộc với độc giả Tin Mừng Luca vì đã được thuật lại ngay từ phần mở đầu : “Và này, bà Êlisabét, người họ hàng của chị, cũng đã thụ thai một người con trai trong lúc tuổi già, và nay đã mang thai được sáu tháng, người mà thiên hạ vẫn gọi là son sẻ.” Rồi sứ giả của Thiên Chúa biến đi. Dễ hiểu là Đức Maria đã lên đường gặp bà Êlisabét, dù bản văn không nêu rõ lý do. Các nhà chú giải Kitô giáo thường nghĩ đến lòng bác ái sẵn sàng của Mẹ dành cho người chị họ đang mỗi mòn vì thai kỳ muộn màng. Cũng thật tự nhiên khi người thiếu nữ trẻ tuổi ấy tìm đến người chị lớn tuổi hơn để được nâng đỡ và thấu hiểu. Hơn là vội vàng kiểm chứng lời sứ thần, Mẹ hẳn đã muốn chia sẻ với Êlisabét, người cũng được ân sủng Thiên Chúa đoái thương, mẫu nhiệm kỳ diệu của Người. Và Thánh Luca nhấn mạnh vai trò của Chúa Thánh Thần trong mọi sự.

Cuộc thăm viếng của bà Maria với bà Êlisabét

Hồi ấy, bà Maria vội vã lên đường, đến miền núi, vào một thành thuộc chi tộc Giuđa. Bà vào nhà ông Dacaria và chào bà Êlisabét. Vừa nghe lời chào của Maria, đứa con trong bụng bà Êlisabét liền nhảy lên, và bà được tràn đầy Thánh Thần. Bà kêu lớn tiếng và nói:

*“Em được chúc phúc hơn mọi người nữ,
và người con em đang cưu mang cũng được chúc
phúc!*

*Bởi đâu tôi được Thân Mẫu Chúa tôi đến viếng thăm?
Vì này, khi lời em chào vừa lọt vào tai tôi,
thì đứa con trong bụng đã nhảy lên vui sướng.
Phúc thay người đã tin rằng
những gì Chúa phán cùng em sẽ được thực hiện !”*

Tin Mừng theo Thánh Luca 1, 39-45

Bản dịch Kinh Thánh
của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ

Đức Maria lên đường “vội vã”. Truyền thống ghi nhận nơi ở của ông Dacaria là làng Ain Karim, cách Giêrusalem khoảng sáu cây số về phía tây. Như vậy, Đức Maria phải vượt qua quãng đường hơn một trăm cây số, men theo con đường gập ghềnh xuyên qua những ngọn đồi cao vùng Samaria và Giuđê. Đi bộ, cuộc hành

trình kéo dài bốn hoặc năm ngày. Thật khó tin rằng Mẹ đi một mình ; có lẽ Mẹ đã cùng đoàn người hành hương hay thương buôn nào đó đồng hành.

«Mẹ vào nhà ông Dacaria và chào bà Êlisabét.» Câu chuyện của Thánh Luca mang dáng dấp một Hiện Xuống đầu tiên: bà Êlisabét được tràn đầy Thánh Thần, và cùng với bà là đứa con trong lòng. Đây là lời xác nhận lời Thiên Thần đã báo với ông Dacaria : «Thánh Thần sẽ ngự đầy trong nó ngay từ khi còn trong lòng mẹ !» Ngài đã bắt đầu thực hiện sứ mạng là tỏ bày và loan báo về Chúa Giêsu. Qua cử động của đứa trẻ, bà Êlisabét nhận ra dấu chỉ của niềm vui. Và «bà cất tiếng kêu lớn», như một vị ngôn sứ được linh hứng sắp thốt lên lời của Chúa. Hình thức lời sấm này giống như khởi đầu một bài thánh ca có nhịp điệu ; gợi nhớ cách thức những phụ nữ dũng cảm góp phần cứu dân mình đã được ca tụng trong Kinh Thánh.

Như trong sách Giuditha có chép : «Hỡi con, Chúa Tối Cao ban phúc cho con hơn mọi phụ nữ trên địa cầu ! Chúc tụng Thiên Chúa là Chúa Tể, Đấng đã dẫn con...» (13, 18), hoặc : «Con là vinh quang của Giêrusalem, là niềm kiêu hãnh tuyệt vời của Israel, là nguồn hãnh diện lớn lao của dân tộc chúng ta.» (15, 9). Không chắc rằng Thánh Luca, và ngay cả bà Êlisabét, đã biết đến sách

Giuditha, nhưng những điểm tương đồng này đã được các Giáo Phụ sau này khai triển. Các ngài cho chúng ta thấy cách trình thuật của Thánh Luca đã hòa quyện vào truyền thống Do Thái để nêu bật hình ảnh Đức Maria như người nữ tỳ khiêm hạ của Chúa, Đấng mà Thiên Chúa đã dùng cách đặc biệt để diễn tả «thiếu nữ Sion» có khả năng cộng tác vào ơn cứu độ của dân Người.

«Em được chúc phúc hơn mọi người nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc !» Lời ca tụng này được Thánh Luca đặt trên môi miệng bà Êlisabét, rất có thể đã là lời các tín hữu hát lên vào thời ngài biên soạn Tin Mừng. Bởi với ngài, điều quan trọng không phải từng chữ trong cuộc đối thoại giữa Đức Maria và bà Êlisabét, mà là ý nghĩa thâm sâu của cuộc gặp gỡ này. Tương tự, khi bà Êlisabét gọi Đức Maria là «Mẹ Chúa tôi». Bà đã nói lên điều đó dưới tác động của Chúa Thánh Thần, dù có lẽ chưa thấu hiểu hết tầm quan trọng của danh xưng này, vì «Chúa» là danh hiệu dành riêng cho Thiên Chúa của người Do Thái. Nhưng làm sao không nhận ra rằng «Chúa tôi» chính là lời tuyên xưng đức tin đầu tiên của các tín hữu trước Đức Kitô phục sinh, khi thần tính Người tỏ hiện rõ ràng : như lời tông đồ Tôma trước Đấng vẫn còn mang dấu tích cuộc khổ nạn : «Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con!», hay như Thánh Phaolô nói với tín hữu Philípphê về sự

hiếu biết «Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi». Như vậy, lời chào của bà Êlisabét như khúc dạo đầu cho lời tuyên tín trọng đại đầu tiên của các môn đệ Chúa Giêsu: «Người này quả thật là Con Thiên Chúa» (Mc 15, 39). Cách tự nhiên, lời chào ấy đi kèm với lời chúc phúc và lời cảm phục dành cho Mẹ Người. Các tín hữu đã không lâu khi từ đó dùng những lời của bà Êlisabét làm lời cầu nguyện phổ biến nhất, bởi họ hiểu rằng, dù không diễn đạt minh nhiên, khi chào kính Mẹ, họ cũng bày tỏ đức tin vào Con Mẹ. Và danh hiệu «Maria, Mẹ Chúa tôi» chính là tước hiệu đầu tiên Giáo Hội sơ khai trao tặng cho Đấng mà sau này người ta sẽ dám gọi cách hợp lý là «Mẹ Thiên Chúa».

Phúc thay kẻ đã tin !

Bà Êlisabét kết thúc lời chào bằng một lời ngợi khen mang tính cá nhân hơn, liên quan đến thái độ đáp trả của Đức Maria trước ân phúc Thiên Chúa. Đức Maria được tuyên xưng là «có phúc» nhờ đức tin của Mẹ. Có thể hiểu đoạn văn này theo hai cách :

Cách thứ nhất : «Phúc thay người đã tin rằng những gì Chúa phán cùng mình sẽ được thực hiện» (theo bản dịch của Kinh Thánh Giêrusalem).

Cách thứ hai : «Phúc thay người đã tin : những điều Chúa phán cùng mình sẽ được thực hiện» (theo bản dịch của Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ).

Theo cách hiểu thứ nhất, đức tin của Đức Maria đặc biệt hướng về sứ điệp của Thiên Thần. Theo cách hiểu thứ hai, chính nhờ thái độ đức tin mà Đức Maria được ca tụng. Có thể hiểu rằng chính nhờ đức tin của Mẹ mà ý định của Thiên Chúa được thực hiện nơi Mẹ. Qua đó, Đức Maria trở thành mẫu mực của người môn đệ tin tưởng, điều sẽ được thể hiện cách kín đáo nhưng kiên định trong phần còn lại của Tin Mừng, cả nơi Thánh Luca lẫn Thánh Gioan.

Bởi thế, cách hiểu thứ hai mang ý nghĩa phong phú hơn cách hiểu thứ nhất. Đức Maria thật sự diễm phúc vì đã tin, nghĩa là đã đặt trọn niềm tín thác nơi Thiên Chúa, dù không được biết trước những gì Thiên Chúa sẽ yêu cầu.

Sứ điệp của Thiên Thần thật ngắn gọn và súc tích, Đức Maria đã đón nhận với sự đơn thành và tín thác, bởi ngay từ thuở niên thiếu và trong sự trung thành với giáo huấn của tổ tiên, như một người con đích thực của dân tộc mình, Mẹ đã đặt toàn bộ cuộc đời dưới dấu ấn đức tin. Toàn bộ thái độ ấy của Mẹ như báo trước lời khẳng định quan trọng của Thánh Phaolô về «sự vâng

phục của đức tin» (Rm 1, 5).

Bài Ngợi Khen (Magnificat)

Để đáp lại lời chào của bà Êlisabét, Đức Maria cất lên bài ca tạ ơn và hoan hỉ. Một lần nữa, ta có thể tự hỏi làm sao Thánh Luca biết được và ghi lại bài ca này. Giả thuyết hợp lý nhất để diễn tả tâm tình của Đức Maria,

Bài Ngợi Khen (Magnificat)

*Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa,
thần trí tôi hớn hở vui mừng
vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi.*

*Phận nữ tỳ hèn mọn,
Người đoái thương nhìn tới;
từ nay, hết mọi đời
sẽ khen tôi diễm phúc.*

*Đáng Toàn Năng đã làm cho tôi
biết bao điều cao cả,
danh Người thật chí thánh chí tôn!*

*Đời nọ tới đời kia,
Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người.*

*Chúa giờ tay biểu dương sức mạnh,
đẹp tan phường lòng trí kiêu căng.*

*Chúa hạ bệ những ai quyền thế,
Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường.*

*Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư,
người giàu có, lại đuổi về tay trắng.*

*Chúa độ trì Ít-ra-en, tôi tớ của Người,
như đã hứa cùng cha ông chúng ta,*

*vì Người nhớ lại lòng thương xót
dành cho tổ phụ Áp-ra-ham
và cho con cháu đến muôn đời.*

Tin Mừng theo Thánh Luca 1, 46-55
Bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ

dựa trên những gì đã được nghe thuật lại về Mẹ, thánh sử đã sử dụng và chuyển thể một bài thánh ca vốn đã được các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi hát lên, và có lẽ đã được quy cho chính Đức Maria, ít là về mặt tinh thần.. Bài thơ thiêng liêng này ca ngợi ơn cứu độ Thiên Chúa dành cho những kẻ khiêm nhường và nghèo khó, theo như lời các ngôn sứ đã hứa qua bao thế hệ. Đây

không phải là một sáng tác hoàn toàn mới mẻ, nhưng là sự tổng hợp các câu thánh vịnh và những đoạn Kinh Thánh khác. Người ta có thể nhận ra khoảng hai mươi đoạn tương đồng, những trích dẫn nguyên văn hoặc những hồi ức khác nhau. Tất cả đều có thể áp dụng trước hết cho cộng đoàn Kitô hữu tại Palestine, nhưng càng thích hợp hơn nữa với người nữ tỳ khiêm hạ mà Thiên Chúa đã muốn dùng làm khí cụ của Người bằng cách tuân đổ ân sủng. Câu thơ mang tính cá nhân nhất là câu thứ hai :

«Người đã đoái nhìn phận nữ tỳ hèn mọn,
từ nay muôn thế hệ sẽ khen tôi có phúc !»

Bản văn nói đích xác về «sự hèn mọn của nữ tỳ Người». Trong truyền thống các ngôn sứ, thường được nhắc lại trong các Thánh Vịnh, sự hèn mọn, khiêm nhường, nghèo khó là những từ ngữ nhấn mạnh sự yếu đuối của dân Ít-ra-en trước kẻ thù và nhu cầu lớn lao của họ về sự trợ giúp và lòng thương xót của Thiên Chúa. Và toàn thể dân tộc cũng chính là «tôi tớ của Thiên Chúa». Khi Đức Maria diễn tả những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện nơi mình, Mẹ cũng nghĩ đến những điều Ngài đã làm cho dân Ngài. Cách tự nhiên, Mẹ đồng hóa mình với «thiếu nữ Sion», hình ảnh biểu tượng của Dân Chúa. Vì thế, Mẹ có thể được tôn vinh

là «Đấng đầy ơn phúc» qua mọi thể hệ mà không đánh mất chút nào sự khiêm nhường, bởi qua Mẹ và trong Mẹ, toàn thể dân tộc được mời gọi đến hạnh phúc. Điều này báo trước mối tương quan sau này giữa Đức Maria và Giáo Hội, dân mới của Thiên Chúa.

Cuối cùng, bài ca của Đức Maria kết thúc bằng cách nhắc đến hình ảnh vĩ đại của tổ phụ Abraham, người bạn của Thiên Chúa, kẻ đầu tiên đã nhận được lời hứa giao ước kỳ diệu nhất với Chúa. Đức Maria nhận mình thuộc dòng dõi Abraham, là người thừa kế của ngài, và trong niềm vui, Mẹ chiêm ngưỡng sự viên mãn của lời hứa dành cho tổ phụ mình vì lợi ích của dân tộc. Như lời Chúa Giêsu sẽ nói : thời mới đã đến, Nước Thiên Chúa đã gần kề.

Bêlem

Câu chuyện về cuộc viếng thăm của Đức Maria với bà Êlisabét kết thúc cách giản dị : «Đức Maria ở lại với bà độ ba tháng, rồi trở về nhà mình.» Như vậy, có lẽ Mẹ đã không ở lại chờ đến ngày sinh của thánh Gioan Tẩy Giả mà Thánh Luca sẽ thuật lại tỉ mỉ sau đó.

Giáng Sinh của Chúa Giêsu

Thời ấy, hoàng đế Augustô ra chiếu chỉ truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ. Đây là cuộc kiểm tra đầu tiên, được thực hiện thời Quirinô làm tổng trấn xứ Syria. Mọi người đều phải về nguyên quán để khai tên tuổi. Ông Giuse cũng rời thành Nadarét, miền Galilê, lên thành vua Đavít tên là Bêlem, miền Giuđê - vì ông thuộc gia tộc và dòng dõi vua Đavít - để khai tên cùng với người bạn đính hôn là Maria đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì đến ngày Maria sinh con. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

Luca 2, 1-7

Theo trình thuật của Thánh Luca, «nhà» của Đức Maria là Nadarét, còn theo Thánh Matthêu thì là nhà ông Giuse, nhưng bà không ở lại đó lâu. Thánh Luca viết rằng đôi vợ chồng phải lên đường đến Bêlem để thực hiện cuộc kiểm tra dân số do nhà cầm quyền Rôma tổ chức. Với kiến thức lịch sử hiện tại, không thể xác định chính xác thời điểm diễn ra cuộc kiểm tra này. Nếu Thánh Luca nhắc đến sự kiện này, là vì ngài rất quan tâm đến việc đặt Chúa Giêsu trong dòng chảy lịch sử nhân loại, nhưng chúng ta buộc phải thừa nhận rằng về

điểm này các nguồn tư liệu đều không rõ ràng. Thánh Matthêu không nhắc đến Nadarét và cũng xác nhận Chúa Giêsu sinh ra tại Bêlem mà không nêu lý do cụ thể. Tuy nhiên, cả hai đều nhấn mạnh rằng Bêlem chính là thành vua Đavít. Ngôn sứ Mikha trong một lời sấm nổi tiếng, được Thánh Matthêu trích dẫn, đã tiên báo rằng Đấng Mêsia, một Đavít mới, sẽ sinh ra tại Bêlem (Mk 5, 1).

Thánh Luca đã ghi lại một trình thuật sinh động về hoàn cảnh Chúa giáng sinh, nhưng Đức Maria lại lui về vị trí thứ yếu ; trọng tâm của thánh sử hướng về Hài Nhi. Một vài chi tiết được ghi nhận, sau này được truyền thống Kitô giáo thêm dặt nhiều : chỗ trọ không đủ chỗ trong phòng khách và việc đặt Hài Nhi trong máng cỏ. Cần lưu ý rằng không hề có đề cập đến quán trọ, thậm chí cả việc sinh con trong chuồng súc vật. Có thể dịch : «Họ không có chỗ trong phòng khách», nên đã tìm đến một góc nhà nông để tĩnh lặng. Thánh Luca không nhấn mạnh đến cảnh nghèo khó của hai ngài. Thánh sử chủ yếu lưu tâm đến những dấu chỉ báo trước Hài Nhi này chính là Đấng Cứu Độ, Kitô và Chúa tể.

Sau khi các mục tử đến viếng thăm : «Mọi người đều kinh ngạc... Riêng Đức Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng» (Lc 2,

19). Thánh Luca sẽ lặp lại công thức tương tự khi thuật lại việc cả gia đình trở về Nadarét : «Mẹ Người thì hằng ghi nhớ tất cả những điều ấy trong lòng» (2, 51).

Cuộc Kiểm Tra Dân Số

Có người có lẽ sẽ thắc mắc : Thừa thánh sử, việc hoàng đế Augustô truyền kiểm tra dân số khắp thiên hạ, hay việc ông Giuse cùng với Đức Maria, người bạn đính hôn đang mang thai, phải lên tên vào sổ, rồi Chúa Giêsu chào đời trước khi cuộc kiểm tra ấy kết thúc, những điều ấy có ích gì cho tôi ? Nhưng nếu suy xét kỹ, ta sẽ thấy nơi đây một dấu chỉ vĩ đại : một dấu chỉ thần bí. Trong cuộc kiểm tra dân số toàn cầu ấy, Chúa Giêsu Kitô cũng phải được ghi danh. Tên Người phải cùng được liệt kê với mọi người đương thời, để Người thánh hóa thế gian và biến sổ kiểm tra kia thành sổ trường sinh. Nhờ đó, những ai được ghi tên cùng Người và tin vào Người, tên họ cũng sẽ được ghi trên trời.

Origène (khoảng năm 250), In Lucam hom. 12,
«Sources chrétiennes» 87, Le Cerf, tr. 199.

Thánh sử đã phác họa cho độc giả hình ảnh Đức Maria như một tâm hồn chiêm niệm và thình lặng, một lần nữa hiện lên như một tín nữ khiêm hạ bình an chiêm ngưỡng công trình của Thiên Chúa.

Trong Đền Thờ Giêrusalem

(Lc 2, 22-39)

Thánh Luca mô tả Đức Maria và thánh Giuse tuân giữ Lễ Luật Do Thái một cách trung thành. Các ngài cho cắt bì cho Hài Nhi vào ngày thứ tám sau khi sinh. Phép cắt bì đối với người Do Thái là dấu chỉ ghi khắc trong xác thịt các bé trai, biểu tượng của Giao Ước Thiên Chúa đã thiết lập với dân Ngài. Qua đó, song thân biểu lộ sự đón nhận thánh ý Thiên Chúa trên con trẻ và trên chính mình.

Sau đó, Đức Maria và thánh Giuse tiến lên thành thánh: «Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy theo Luật Môsê, hai ông bà đem Hài Nhi lên Giêrusalem để tiến dâng cho Chúa.» Thánh Luca là người Hy Lạp nên chỉ am hiểu một phần các tập tục Do Thái. Theo Luật, chỉ người mẹ phải được thanh tẩy bằng lễ vật dâng bốn mươi ngày sau khi sinh con. Luật quy định cho người nghèo lễ vật là một cặp chim gáy. Đó cũng chính là lễ vật của Đức Maria. Đồng thời, song thân cũng chu

toàn một nghi thức khác : lễ chuộc con trai đầu lòng. Việc cử hành nghi lễ này tại Đền Thờ Giêrusalem thay vì Bêlem mang một ý nghĩa biểu tượng mà thánh Luca nhấn mạnh : Con Thiên Chúa tiến vào Nhà của Cha Người ; ba mươi năm sau, Người sẽ trở lại nơi đây vào đúng thời khắc dâng hiến lễ tế đích thực nơi thập giá.

Khi song thân bước vào Đền Thờ, một vị lão thành tên là Simêon gặp gỡ các ngài. «Thánh Thần ngự trên ông», thánh Luca ghi nhận ; đó là cách nói thường dùng để chỉ các ngôn sứ. Việc thánh sử nhấn mạnh vai trò của Thánh Thần giúp ta hiểu rằng cuộc gặp gỡ này không phải ngẫu nhiên, nhưng là sự ứng nghiệm thánh ý Thiên Chúa. Simêon bồng Hài Nhi trên tay và cất lời ca tạ tự phát, như Đức Maria trong bài Magnificat hay ông Dacaria khi thánh Gioan Tẩy Giả chào đời. Ông bày tỏ niềm hoan lạc vì giờ đây có thể yên tâm lìa đời : mắt ông đã thấy «ơn cứu độ Chúa đã dọn sẵn trước mặt muôn dân, là ánh sáng soi đường cho dân ngoại.» Ngay cả Đức Maria trong bài Magnificat cũng chỉ hình dung sứ mạng con mình trong phạm vi dòng dõi Abraham. Simêon tiên báo xa hơn, chính vì muôn dân, tức các dân ngoại, mà Hài Nhi này sẽ trở nên ánh sáng và ơn cứu độ. Trước khi Con mình rao giảng, Đức Maria, người con gái Israel, đã được mời gọi mở rộng tâm hồn đến tâm vũ trụ. Thánh Luca ghi lại sự ngỡ ngàng đầy xúc động

của các ngài : «Cha mẹ Hải Nhi kinh ngạc vì những lời ông nói về Người.»

Thánh Phaolô nói về Mẹ Chúa Giêsu

*Khi thời gian tới hồi viên mãn,
Thiên Chúa đã sai Con mình tới,
sinh làm con một người nữ,
sinh dưới chế độ Lê Luật,
để chuộc những ai sống dưới chế độ Lê Luật,
hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử.*

(Thư gửi tín hữu Galát 4, 4)

Cụm từ «sinh làm con một người nữ» chỉ nhấn mạnh việc Chúa Giêsu thực sự thuộc về dân Israel, là dân sống dưới Lê Luật Môsê. Khác với môn đệ thánh Luca, thánh Phaolô dường như không quan tâm nhiều đến gia đình Chúa Giêsu. Ngài chỉ nêu bật một điều, Chúa Giêsu, Đấng thường được khẳng định là Con Thiên Chúa, cũng hoàn toàn thuộc về nhân loại chúng ta.

Nhưng Simêon quay thẳng sang Đức Maria mà nói tiên tri : «Kìa, trẻ này được đặt lên khiến nhiều người Israel ngã xuống hay đứng lên. Người sẽ là dấu hiệu bị chống đối. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà. Nhờ thế, ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người sẽ lộ ra.» Quả thật, Chúa Giêsu sẽ được một số người Israel đón nhận, nhưng cũng bị nhiều kẻ khác chối từ, và Đức Maria sẽ đau đớn tột cùng trước bi kịch này. Là con cái trong dân tộc mình, Mẹ sẽ chứng kiến hàng lãnh đạo Israel kết án chính Con Mẹ. Và sự hiện diện của Mẹ dưới chân thập giá sẽ như một cuộc sinh hạ mới trong đau thương, để ứng nghiệm lời ngôn sứ Isaia, mọi người phàm sẽ thấy ơn cứu độ của Thiên Chúa, chư dân lũ lượt kéo về ánh sáng của Ngài, và các quốc gia hướng về bình minh vừa ló rạng. Những lời tiên tri của Simêon đủ khiến người mẹ trẻ khiếp sợ. Nhưng một dấu chỉ an ủi đã được ban đến. Bà Anna, một nữ tiên tri cao niên đã dâng mình phụng sự Chúa, xuất hiện ca tụng Thiên Chúa và «bà nói về Hài Nhi cho tất cả những ai đang mong chờ ơn cứu chuộc Giêrusalem». Một lần nữa, Thánh Thần chiếu tỏa mầu nhiệm nơi Chúa Giêsu. Và Đức Maria chính là người đầu tiên đón nhận ánh sáng trong đêm tối.

Thánh Luca kết thúc trình thuật cách giản dị : «Hai ông bà trở về miền Galilê, đến thành của mình là Nadarét. Hải Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hồng ân Thiên Chúa ở cùng Người.»

Trình thuật theo Thánh Matthêu (chương 2)

Về thời thơ ấu của Chúa Giêsu, thánh Matthêu và thánh Luca đã ghi lại những biến cố khác nhau. Thánh Matthêu thuật lại việc các nhà chiêm tinh từ phương Đông đến viếng thăm tại Bêlem. Có lẽ họ là những nhà thiên văn từ Babylon, hoặc những thương nhân từ Syria. Họ hẳn đã biết phần nào về niềm mong đợi Đấng Mêsia của người Do Thái. Thánh Matthêu mời gọi chúng ta nhận ra nơi cuộc viếng thăm này dấu chỉ tính phổ quát trong sứ mạng của Chúa Giêsu. Trong trình thuật này, ngài chỉ nhắc đến Đức Maria một lần : «Họ nhìn thấy Hải Nhi với Mẹ Người là bà Maria.» Đối với Mẹ, có lẽ cuộc viếng thăm bất ngờ này cũng là một dấu chỉ mới của Thiên Chúa, nhưng thánh Matthêu không đề cập đến tâm tư của Mẹ.

Giống như trong trình thuật của thánh Luca, chúng ta lại thấy lời tiên báo về sự chia rẽ và bách hại : lòng ghen tương mê tín của vua Hêrôđê đã gây nên cuộc tàn sát các hải nhi tại Bêlem, buộc thánh Giuse và Đức Maria phải đưa Hải Nhi trốn sang Ai Cập. Trong biến cố này,

thánh Giuse đóng vai trò chính yếu như phân sự người gia trưởng. Chính ngài được thiên thần báo mộng khi phải lên đường cũng như khi trở về. Thánh Matthêu khéo léo gợi ý rằng Hài Nhi và song thân đang tái hiện cách biểu tượng cuộc Xuất Hành vĩ đại của dân Israel.

Sau đó, thánh sử thuật lại việc Thánh Gia trở về Nadarét sau khi Hêrôđê băng hà. Tại Galilê, các ngài được an toàn hơn ở Bêlem, nơi một người con cũng tàn bạo như Hêrôđê đang trị vì. Những năm tháng thịnh lạng bắt đầu, vừa đối với Chúa Giêsu, vừa đối với Đức Maria.

Một lễ Vượt Qua tại Giêrusalem (Lc 2, 41-51)

Năm mười hai tuổi, tuổi trưởng thành theo luật Do Thái, Chúa Giêsu cùng cha mẹ lên Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua. Sau lễ, các ngài lên đường trở về cùng đoàn hành hương Galilê, nhưng cậu thiếu niên đã lưu lại, có lẽ cách kín đáo, trong khuôn viên Đền Thờ. Sau ba ngày tìm kiếm, các ngài gặp lại Người «đang ngồi giữa các thầy dạy, vừa nghe họ, vừa đặt câu hỏi. Ai nghe Người nói cũng ngạc nhiên về trí thông minh và những lời đối đáp của Người. Khi thấy con, hai ông bà sửng sốt, và mẹ Người nói với Người : ‘Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy ? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con !’ Người đáp : ‘Sao

cha mẹ lại tìm con ? Cha mẹ không biết là con có bốn phần ở nhà Cha con sao ?' Nhưng hai ông bà không hiểu lời Người vừa nói.» Có lẽ cậu thiếu niên đã tham gia vào nhóm môn sinh của một vị thầy như thường thấy tại Giêrusalem.

Lời đáp của Người với mẹ khá khó hiểu, nhưng đó là những lời đầu tiên của Chúa Giêsu được ghi lại trong Tin Mừng, và chúng nói về Đấng Người gọi là Cha của Người, chính là Thiên Chúa. Thánh Luca nói rõ : «Cha mẹ Người không hiểu lời Người vừa nói.» Nhưng ngài thêm : «Riêng mẹ Người thì hằng ghi nhớ tất cả những điều ấy trong lòng.» Phải chăng đây là cách thánh sử ám chỉ rằng tất cả những gì ngài viết về nguồn gốc và thời thơ ấu của Chúa Giêsu đều bắt nguồn từ chính ký ức trung thành của Mẹ ? Dù sao, chi tiết này về sự khó hiểu của Mẹ trước Con mình cũng cho thấy Hải Nhi hầu như không tâm sự với Mẹ như đôi khi người ta vẫn sốt sắng hình dung. Mãi đến sau khi chịu phép rửa, Người mới lại nói về Cha của Người, và Đức Maria khi ấy sẽ được mời gọi lắng nghe Người cùng với các môn đệ. Và cũng như các môn đệ, có lẽ Mẹ chỉ thực sự thấu hiểu sứ điệp của Chúa Giêsu sau biến cố Vượt Qua cuối cùng, cuộc khổ nạn và phục sinh của Người, khi Người phán cùng bà Maria Mađalêna : «Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, cùng Thiên Chúa

của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em» (Ga 20, 17).

Trong lúc chờ đợi, Thánh Gia trở về Nadarét : «Còn Chúa Giêsu ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta.»

Ai là mẹ tôi ? (Mt 12,46-50)

Một đoạn văn ngắn trong Tin Mừng gọi lên sự hiện diện của Đức Maria trong đời sống công khai của Chúa Giêsu :

«Người còn đang nói với đám đông, thì bà mẹ và anh em Người đứng bên ngoài, tìm cách nói với Người. Có kẻ thưa Người rằng : ‘Thưa Thầy, có mẹ và anh em Thầy đang đứng ngoài kia, tìm cách nói chuyện với Thầy.’ Người bảo kẻ ấy rằng : ‘Ai là mẹ tôi ? Ai là anh em tôi ?’ Rồi Người giơ tay chỉ các môn đệ mà nói : ‘Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi. Vì phàm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi.’»

Đoạn trình thuật này, cũng được ghi lại trong Tin Mừng theo thánh Máccô và thánh Luca, khiến chúng ta ngỡ ngàng. Phải thừa nhận rằng ở đây, Chúa Giêsu không tỏ ra chút quan tâm hay kính trọng nào mà người ta thường mong đợi nơi một người con đối với mẹ mình.

Thực ra, với lối nói mạnh mẽ và đầy nghịch lý, đặc trưng trong những câu nói đanh thép của Người, những lời này trước hết mang một bài học dành cho toàn thể thánh giả hơn là chỉ nhắm đến Đức Maria. Chúng ta không nên hiểu theo nghĩa đen, cũng như không ai hiểu theo nghĩa đen câu : «Nếu mắt ngươi làm có cho ngươi sa ngã, thì hãy móc nó mà ném đi» (Mt 5, 29). Đức Maria đã thưa : «Này tôi là tôi tớ Chúa» (Lc 1, 38). Vì thế, Mẹ có thể hiểu rằng Chúa Giêsu muốn dành trọn vẹn cho công việc của Cha Người với tất cả sự nghiêm túc và khắt khe, đồng thời chính Mẹ cũng phải tiếp tục sống trong thinh lặng của một đức tin khiêm hạ, hoàn toàn lắng nghe Lời của Con mình.

Thánh Luca, người cũng thuật lại sự việc này, còn ghi thêm một trình thuật khác tương đồng về tinh thần (11, 27) : «Khi Người đang nói, thì giữa đám đông có một phụ nữ cất tiếng nói với Người : ‘Phúc thay người mẹ đã cưu mang và cho Thầy bú mớm !’» Đây là lối nói phương Đông, có thể dịch là : «Mẹ của Thầy thật diễm phúc vì có được người con như Thầy !» Trước lời ca ngợi quá đỗi ngây thơ ấy, Chúa Giêsu đáp lại, có lẽ với chút bực dọc mà chúng ta có thể đoán qua giọng điệu sắc bén : «Đúng hơn phải nói rằng : Phúc thay kẻ lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa !» Chúng ta không biết liệu Đức Maria có mặt lúc đó nhưng nếu lời ấy được

thuật lại cho Mẹ, hẳn Mẹ đã ghi nhớ và suy niệm. Lời ấy không trực tiếp nhắm đến Mẹ, nhưng trước hết dành cho những ai gắn bó với Con Mẹ cách quá hời hợt. Thực ra, ngay từ thuở thiếu thời, Đức Maria đã đón nhận lời Thiên Chúa và đem ra thực hành bằng việc hoàn toàn phó thác theo thánh ý Ngài : «Xin vâng như lời sứ thần truyền» (Lc 1, 38). Lời đáp với thiên thần đã trở thành chương trình sống của Mẹ. Chị họ Êlisabét từng nói với Mẹ : «Em thật có phúc vì đã tin» (Lc 1, 45), và đó chính là điều Chúa Giêsu nhắc lại cách kín đáo và nghịch lý, nhưng hẳn Mẹ đã thấu hiểu.

Những người được gọi là anh em Chúa Giêsu

Các bản văn vừa trích dẫn có nhắc đến «anh em của Chúa Giêsu». Liệu có thể kết luận rằng sau khi Chúa Giêsu được hạ sinh cách lạ lùng mà vẫn giữ trọn đức đồng trinh, Đức Maria và thánh Giuse đã có những người con khác qua đời sống hôn nhân bình thường? Thật vậy, trong Tin Mừng theo thánh Máccô (6, 3) có ghi : «Ông ta không phải là bác thợ mộc, con bà Maria, và anh em với các ông Giacôbê, Giôxét, Giuđa và Simon sao ? Chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta đây sao ?» Và trong bản văn của thánh Matthêu (13, 55-56) : «Ông này chẳng phải là con bác thợ mộc sao ? Mẹ ông không phải là bà Maria, và anh em ông không phải

là các ông Giacôbê, Giôxép, Simon và Giuđa đó sao ?
Và chị em ông không phải đều ở giữa chúng ta sao ?»
(Mt 13, 55-56).

Tuy nhiên, các tín hữu đã hiểu lời Đức Maria đáp lại thiên thần : «Tôi không biết đến việc vợ chồng» (Lc 1, 34) như một xác nhận về sự trọn đời đồng trinh của Mẹ, được gìn giữ cả sau khi sinh Chúa Giêsu. Chúng ta tìm thấy dấu vết của niềm tin này ngay trong các văn bản thế kỷ I, và mãi đến thế kỷ IV mới nổi ra tranh luận về vấn đề này, chúng ta sẽ trở lại sau.

Chỉ xét ở bình diện Kinh Thánh, cần lưu ý rằng chính thánh Máccô, sau khi thuật lại cái chết của Chúa Giêsu (Mc 15, 40 ; xem thêm Mt 27, 56), đã chỉ rõ ông Giacôbê và ông Giôxép không phải là con của Mẹ Chúa Giêsu, mà của một bà Maria khác, theo thánh Gioan, có lẽ là vợ ông Clopas (Ga 19, 25).

Mặt khác, cũng theo thánh Gioan (19, 25-27), khi hấp hối, Chúa Giêsu đã trao phó Mẹ mình cho «môn đệ Người yêu mến», thường được đồng nhất với thánh Gioan, con ông Dêbêđê và một phụ nữ được thánh Matthêu nhắc đến hai lần, có thể là bà Salômê, người cũng hiện diện trên núi Sọ. «Môn đệ đó đã rước Mẹ về nhà mình.» Điều này dường như cho thấy Đức Maria không có người con nào khác, bởi trong xã hội Israel

thời đó, nơi người mẹ góa được tôn kính đặc biệt, lẽ ra một trong các con trai của Mẹ phải đảm nhận việc này, chứ không phải một người ngoài gia tộc, dù tình thân giữa họ có khăng khít đến đâu.

Nhiều nghiên cứu phức tạp đã được thực hiện về vấn đề khó giải thích này trong các bản văn Tin Mừng². Dù nhiều nhà chú giải Công giáo khẳng định, nhưng dường như danh xưng «anh em» không phải là cách gọi phổ biến để chỉ tất cả thành viên trong một thị tộc hay gia đình. Tuy nhiên, nó có thể được dùng để chỉ những người thân cận : anh em cùng cha khác mẹ, anh em nuôi, hoặc thậm chí anh em họ sống chung trong một gia đình. Kinh Thánh cũng ghi nhận một vài trường hợp tương tự. Những người được gọi là anh chị em của Chúa Giêsu trong các sách Tin Mừng, dù không phải là con ruột của Đức Maria, có thể là họ hàng gần của Người. Có giả thuyết cho rằng thánh Giuse đã có con trong cuộc hôn nhân trước. Điều này không phải không thể, nhưng không có bằng chứng xác thực. Chính Chúa Giêsu cũng nói cách chung chung về «thân thuộc» của Người (Mc 6, 4).

Những người thân này biết rõ Chúa Giêsu, nhưng không hiểu được mầu nhiệm nơi Người và phần đông

2 Xem tác phẩm đã dẫn của J. Mc Hugh, tr. 278-298.

không tin vào sứ mạng của Người. Một số thậm chí còn cho rằng Người đã mất trí (Mc 3, 21). Tuy nhiên, vài người trong số họ đã theo Người, nổi bật nhất là ông Giacôbê, vị «giám mục» đầu tiên của Giêrusalem, được sách Công Vụ và thánh Phaolô gọi là «anh em của Chúa».

Tóm lại, không có luận cứ thuyết phục nào từ Thánh Kinh có thể phủ nhận niềm xác tín của các tín hữu Công giáo và Chính thống giáo rằng Đức Maria, Mẹ Chúa Cứu Thế, đã giữ gìn sự đồng trinh trọn vẹn sau khi sinh Chúa Giêsu và cho đến khi qua đời. Đối với họ, Mẹ đã trở thành «Đức Trinh Nữ Rất Thánh». Danh hiệu này đủ để diễn tả sự sẵn sàng hoàn toàn của Mẹ trong bàn tay Thiên Chúa, đồng thời khẳng định tính độc nhất trong tư cách làm Con Thiên Chúa của Người.

Đức Maria tại tiệc cưới Cana (Ga 2, 1-12)

Tin Mừng Gioan không đề cập đến sự giáng sinh hay thời thơ ấu của Chúa Giêsu. Tuy nhiên, trong khi khẳng định Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, thánh Gioan vẫn biết tên người đã nuôi dưỡng Người, như lời tông đồ Philípphê nói với Nathanaen : «Đáng mà sách Luật Môsê và các ngôn sứ nói tới, chúng tôi đã gặp : đó là ông Giêsu, con ông Giuse, người Nadarét» (Ga 1, 46). Và ngài cũng thuật lại lời kêu của những người Do

Thái không tin : «Ông này chẳng phải là Giêsu, con ông Giuse đó sao ? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả» (Ga 6, 42). Hai lần thánh Gioan cho thấy người mẹ này đóng vai trò quan trọng bên Con mình : trong tiệc cưới tại Cana và dưới chân thập giá ở Giêrusalem.

Tin Mừng Gioan là một tác phẩm được biên soạn rất công phu, mỗi trình thuật đều mang ý nghĩa biểu tượng và thần học sâu sắc. Nếu Đức Maria được đặt bên cạnh Con mình như thế, ấy là bởi thánh Gioan nhận thấy sự hiện diện của Mẹ mang ý nghĩa đức tin quan trọng cho tất cả những ai đón nhận lời chứng của ngài.

«Có tiệc cưới tại Cana miền Galilê.» Trong truyền thống Kinh Thánh, tiệc cưới là biểu tượng tình yêu Thiên Chúa dành cho dân Ngài, bữa tiệc cưới là dấu chỉ niềm vui Nước Trời hằng mong đợi ; chàng rể chính là Thiên Chúa hoặc Đấng Mêsia Vua. Từ một sự kiện đời thường là đám cưới làng quê, thánh Gioan đưa ra một cách đọc sâu xa nhằm dẫn đến hành vi đức tin : «Chúa Giêsu đã tỏ bày vinh quang của Người, và các môn đệ đã tin vào Người.» Đó sẽ là kết luận của toàn bộ trình thuật.

«Mẹ Chúa Giêsu cũng có mặt ở đó.» Từ Nadarét đến Cana chỉ vài cây số, trong những ngôi làng nhỏ như thế, mọi người đều quen biết nhau. «Chúa Giêsu và các

môn đệ cũng được mời dự tiệc cưới.» Ít nhất một trong số các ông là Nathanaen, vốn quê quán tại Cana. «Khi thấy thiếu rượu», đằng sau sự cố này, cần nghĩ đến rượu tiệc cưới trong Giao Ước đầu tiên giữa Thiên Chúa với dân Ngài : Giao Ước ấy đã trở nên lỗi thời khi xuất hiện chàng rể đích thực là Chúa Giêsu, Sứ Giả của Thiên Chúa. Mẹ Người nói : «Họ hết rượu rồi.» Mẹ đã nhận thấy sự thiếu thốn, và với lòng bác ái tinh tế, Mẹ báo cho Con biết nỗi khó xử của bạn bè : biết đâu Người có thể tìm mua thêm từ vườn nho lân cận ?

Chúa Giêsu đáp : «Bà muốn tôi điều gì ?» Lời đáp này không dễ hiểu đối với chúng ta. Dịch sát từng chữ phải là: «Giữa bà và tôi có liên hệ gì chẳng ?» Mang sắc thái phủ nhận, gần như từ chối. Có thể hiểu : «Bà có nhận ra điều bà đang yêu cầu tôi không ?» Và với vẻ trang trọng, Người gọi mẹ mình là «Bà», cách xưng hoàn toàn khác thường giữa con với mẹ. Tương tự, Người cũng sẽ gọi Mẹ là «Bà» khi ở trên thập giá. Dường như Người không nói với Mẹ theo mối dây máu mủ ruột thịt, mà như nói với người phụ nữ nhờ ân huệ Thánh Thần, nhờ đức tin và lòng trung tín, đã trở thành môn đệ đích thực của Người, người mà Người liên kết với dấu lạ đầu tiên trong sứ vụ cũng như sẽ liên kết với hy lễ tối cao của Người. Qua đó, Đức Maria hiện lên như mẫu mực tiêu biểu cho mọi tín hữu.

Chúa Giêsu thêm : «Giờ của tôi chưa đến.» Trong Tin Mừng Gioan, «giờ» của Người luôn là giờ khổ nạn và vinh quang. Người biết rõ cử chỉ tại Cana này sẽ đẩy Người vào một hành trình đầy thử thách, nên dường như Người do dự giây lát. Một số nhà chú giải, để giải quyết mâu thuẫn bề ngoài giữa lời từ chối của Chúa Giêsu với diễn biến tiếp theo, đã đề nghị đọc là : «Giờ của tôi đã đến rồi chẳng ?» Lời nhắc nhở của Đức Maria có lẽ đã thúc đẩy Người hành động để «tỏ bày vinh quang» của mình.

Mẹ Người nói với gia nhân : «Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.» Bà hoàn toàn tín thác nơi Con mình để Người tìm ra giải pháp. Lời này thường được trích dẫn để diễn giải vai trò của Đức Maria đối với những ai chạy đến cùng Mẹ : Mẹ không có sứ mạng nào khác ngoài việc dẫn đưa họ đến với Con Mẹ, Đấng Cứu Độ duy nhất.

Câu chuyện tiếp theo đã quá quen thuộc. Những chum nước dùng cho nghi lễ thanh tẩy của người Do Thái tượng trưng cho Giao Ước cũ. Chúng được đổ đầy tràn ngập rượu ngon nhất, thứ rượu báo trước Giao Ước mới mà Chúa Giêsu sẽ thiết lập cho những ai tin vào Ngài. Hồng ân rượu nồng trong niềm vui khai mở cho hồng ân Máu Thánh, dấu chỉ của tình yêu vĩ đại nhất.

«Và các môn đệ đã tin vào Người.» Còn Đức Maria ? Không thể nghi ngờ. Thánh Gioan ghi lại hình ảnh Mẹ lặng lẽ theo Chúa Giêsu đến nơi Người chọn làm «bản doanh» đầu tiên, Capharnaum, thành phố sầm uất bên bờ hồ Tibêria.

Đức Maria dưới chân Thập Giá (Ga 19, 25-27)

«Đứng gần thập giá Chúa Giêsu, có thân mẫu Người, chị của thân mẫu, bà Maria vợ ông Clopas, cùng bà Maria Magdala. Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương đứng bên, Chúa Giêsu nói với thân mẫu rằng : ‘Thưa Bà, đây là con của Bà.» Rồi Người nói với môn đệ : ‘Đây là mẹ của anh.’ Và từ giờ đó, môn đệ đã đón Mẹ về nhà mình.»

Đức Maria, cùng một số phụ nữ khác, đứng vững dưới chân Thập Giá. Đứng, chứ không phải gục ngã như nhiều hình ảnh thường miêu tả. Điều này cho thấy Mẹ giữ tư thế của một người nữ can trường, mạnh mẽ và đầy lòng tin.

Chúa Giêsu nhìn thấy Mẹ Người, Người dõi mắt về Mẹ và lên tiếng. Vài lời ấy đã trở nên vô cùng trọng đại với các tín hữu, bởi chúng chứa đựng sứ điệp cuối cùng của Thầy Chí Thánh. «Thưa Bà», Người gọi như tại tiệc Cana, khi lần đầu «bày tỏ vinh quang». «Thưa Bà»

thay vì «Mẹ». Người phụ nữ này trở thành Mẹ Người nhờ lòng tin. Một lần nữa, Người hướng đến tư cách người tin hơn là người mẹ, nhưng lại trao phó cho Mẹ một thiên chức mẫu tử mới : «Đây là con của Bà.» Mẹ không chỉ là Mẹ riêng của Người nữa, mà trở thành Mẹ người môn đệ. Và chắc chắn, môn đệ này đại diện cho tất cả những ai tin vào Người. Thánh Gioan muốn gọi mở cho độc giả về sự mở rộng vai trò làm Mẹ của Đức Maria, trong trình thuật, ngài không viết «mẹ Người» mà hai lần gọi đơn giản là «người mẹ», như thể muốn nói rằng tình mẫu tử của Mẹ giờ đây mang chiều kích phổ quát.

Chúa Giêsu tiếp tục nói với môn đệ : «Đây là mẹ của anh.» Ngài trao Gioan cho Mẹ, cũng như trao Mẹ cho Gioan. Đức Maria - một phụ nữ nghèo khó và đã cao niên. Xét theo lẽ tự nhiên, chính Mẹ cần được người bạn của Con Mẹ chăm sóc, vì Mẹ không có người con nào khác. Chúng ta cảm phục tấm lòng hiếu thảo của Đấng chịu khổ hình. Và sự việc đã xảy ra như thế : Gioan đã đón Mẹ về nhà mình.

Truyền thống Kitô giáo còn nhìn xa hơn thế. Theo gương người môn đệ Chúa Giêsu yêu mến, mỗi tín hữu được mời gọi đón nhận Mẹ vào nhà mình, nghĩa là dành cho Mẹ một vị trí trong đời sống đức tin và kinh nguyện.

Đức Maria trong nhà Tiệc Ly (Công Vụ Tông Đồ 1, 14)

Các sách Tin Mừng không ghi lại việc Chúa Giêsu hiện ra với Mẹ Người sau khi phục sinh. Những điều được nói về việc này đều chỉ là suy đoán.

Sau khi Chúa Giêsu lên trời về cùng Chúa Cha, các Tông Đồ trở về Giêrusalem tụ họp trong ‘một phòng trên lầu’, sau này được gọi là nhà Tiệc Ly, vì người ta cho rằng nơi đây cũng chính là nơi Chúa Giêsu dùng bữa tối cuối cùng, Bữa Tiệc Ly. Thánh Luca cẩn thận liệt kê tên mười một vị để nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc tụ họp này, khai sinh Hội Thánh Chúa Kitô, cộng đoàn các môn đệ được Chúa Giêsu quy tụ. ‘Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Chúa Giêsu, và với anh em của Người.’

Những người anh em của Chúa Giêsu, thân nhân gần gũi nhất của Người, cũng hiện diện nơi đây, có lẽ là bốn vị mà Thánh Máccô và Thánh Matthêu đã nêu tên: Giacôbê, Giôxép, Simon và Giuđa. Chính họ cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong buổi đầu phát triển của Giáo Hội sơ khai.

Giữa những vị này, những con người đạo hạnh đang liều mạng sống trước sự thù ghét của giới lãnh đạo Do Thái và Rôma, có sự hiện diện của Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu. Như thế, Mẹ được thông phần vào sứ mạng truyền giáo non trẻ của Giáo Hội qua lời cầu nguyện và đức tin. Dù chỉ được nhắc đến vắn tắt, nhưng điều này gợi lên một sự dự phần đặc biệt của Mẹ vào nền tảng và sứ vụ của Giáo Hội, điều mà nền thần học sau này sẽ làm sáng tỏ. Ôn Chúa Thánh Thần trong ngày Lễ Ngũ Tuần, mà chúng ta có thể tin rằng Mẹ đã lãnh nhận cách dồi dào cùng với các Tông Đồ và những phụ nữ hiện diện, đã thánh hiến Mẹ trở thành Mẹ trong lòng Hội Thánh, như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã tuyên xưng: ‘Mẹ của Giáo Hội’.

Người Phụ Nữ mặc áo mặt trời

Với một văn phong có thể làm độc giả thời nay ngỡ ngàng, cùng vô vàn hình ảnh và biểu tượng mà nhiều điều vượt quá sự hiểu biết của chúng ta, Sách Khải Huyền, tức Sách Mặc Khải, chứa đựng trước hết một sứ điệp đầy hy vọng dành cho các cộng đoàn Tiểu Á đang chịu những cơn bách hại đầm máu vào cuối thế kỷ thứ nhất.

Người Phụ Nữ và Con Mãng Xà

Một điềm lớn lao xuất hiện trên trời : một Người Nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao. Bà có thai, kêu la đau đớn vì sắp sinh. Rồi có điềm khác xuất hiện trên trời: một Con Mãng Xà đỏ như lửa, có bảy đầu mười sừng, và trên mỗi đầu đều có vương miện. [...]

Con Mãng Xà đứng chực sẵn trước mặt Người Nữ sắp sinh, để khi bà sinh xong là nuốt ngay con bà. Bà sinh được một người con trai, là Đấng sẽ dùng trượng sắt mà chặn dắt muôn dân. Con Bà được đưa ngay lên tận Thiên Chúa, đến tận ngai Người. Còn Người Nữ thì trốn vào sa mạc, nơi Thiên Chúa đã dọn sẵn cho bà chỗ ở.

Khi thấy mình bị quăng xuống đất, Con Mãng Xà liền đuổi theo Người Nữ đã sinh ra người con trai ấy. Nhưng Người Nữ được ban cho đôi cánh đại bàng để bay vào sa mạc, đến nơi ẩn náu của mình, mà tránh xa Con Rắn; tại đó, bà được nuôi dưỡng một thời gian, hai thời gian, và nửa thời gian. Con Rắn phun nước tựa dòng sông từ miệng nó ra, để cuốn Người Nữ đi. Nhưng đất đã cứu giúp Người Nữ: đất há miệng nuốt dòng sông do Con Mãng Xà phun ra. Bây giờ Con Mãng Xà nổi giận với Người Nữ, và đi giao chiến với những người con còn

lại của bà, là những kẻ tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và giữ lời chứng của Chúa Giêsu.»

Khải Huyền, chương 12

Văn chương Do Thái đã ghi nhận nhiều tác phẩm được viết theo lối này. Tác phẩm được cho là của Thánh Gioan chứa đựng nơi chương 12 một sứ điệp mà nhiều người nhận ra những ám chỉ về Đức Trinh Nữ Maria.

Đôi lập với trình thuật xưa trong Sách Sáng Thế nơi Con Rắn cắn dỗ chiến thắng bà Evà, người nữ đầu tiên, giờ đây xuất hiện một Người Nữ khoác mặt trời, tức là được bao phủ bởi vinh quang Thiên Chúa ; bà sẽ chiến đấu đến cùng để chiến thắng Con Mãng Xà, hình ảnh của mọi thế lực sự dữ. Đây chính là Thiếu Nữ Sion, biểu tượng của dân tộc Messia, và mười hai ngôi sao trên đầu bà tượng trưng cho mười hai chi tộc Giacóp, những hình ảnh biểu trưng cho tính phổ quát trong thế giới mới được Đức Kitô khai mở. Người Nữ này trong cơn đau đớn đã sinh hạ một người con sẽ là Đấng Messia Vua, do đó trước hết bà đại diện cho dân tộc nơi Đấng Messia xuất thân. Cuộc sinh nở đau đớn này hàm chứa lời ám chỉ về cuộc Khổ Nạn của Đức Kitô. Người Con ấy được đưa lên tận ngai Thiên Chúa nhờ sự Phục Sinh và Tôn

Vinh của Người. Nhưng khi chiêm ngưỡng Người Nữ vinh quang mà bị bách hại này, làm sao không nghĩ đến Mẹ Maria Đấng đã chia sẻ những thử thách với Con mình ? Sau hết, người con ấy còn là hình ảnh của Dân Thiên Chúa mới đang đương đầu với cơn bách hại dữ dội của đế quốc Rôma, Hội Thánh non trẻ của các môn đệ Chúa Giêsu.

Ba hình ảnh đan xen vào nhau : bà Evà, Đức Maria và Giáo Hội. Giáo Hội hiện lên hàng đầu như đối tượng đón nhận lời hứa về chiến thắng cuối cùng, chủ đề xuyên suốt sách Khải Huyền. Nhưng sự hiện diện cách kín đáo của Đức Maria, Mẹ Đấng Messia, cho thấy ngay từ sớm, các tín hữu đã nhìn nhận nơi Mẹ một vị trí đặc biệt quan trọng : Mẹ chính là người tín hữu mà trong mọi cuộc chiến chống lại Con Rắn cám dỗ và hủy diệt, đã thể hiện trọn vẹn lòng trung thành với Thiên Chúa và niềm hy vọng vững vàng nơi chiến thắng của Đức Kitô và Giáo Hội.

II

ĐỨC MARIA

TRONG GIÁO HỘI

Đức Maria và các thể hệ Kitô hữu đầu tiên ³

Khẳng định đầu tiên về Đức Maria trong các văn bản cổ xưa nhất liên quan đến đức tin vào việc Người Con của Mẹ được thụ thai đồng trinh. Đây được nhìn nhận như dấu chỉ thần tính của Chúa Giêsu. Vì thế, Thánh Ignatiô thành Antiôkia, vị Giám mục tử đạo vào đầu thế kỷ thứ II, đã tuyên xưng cách dứt khoát : «Chúa Giêsu thực sự được sinh bởi một Trinh Nữ».

Thánh Justinô, tử đạo khoảng năm 163, và đặc biệt là Thánh Irênê (qua đời khoảng năm 202), đã đặt song song bà Evà và Đức Maria. Theo Thánh Irênê, Đức Kitô đến thế gian để tái sinh công trình của Thiên Chúa đã bị Adam làm hư hỏng : ‘Bởi thế, trong khi bà Evà khi còn đồng trinh đã bất tuân và trở nên nguyên nhân sự chết cho chính mình và toàn thể nhân loại, thì Đức Maria, Trinh Nữ vâng phục, đã trở nên nguyên nhân ơn cứu độ cho chính Mẹ và toàn thể nhân loại. [...] Vì điều mà bà Evà đã trói buộc bởi sự vô tín, Đức Maria đã tháo cởi bằng đức tin.’

³ Để tìm hiểu sâu hơn về lịch sử và giáo lý liên quan đến Đức Maria, xem : R. LAURENTIN, Khái luận Thần học về Đức Maria, Nxb. Lethielleux, Paris 1959 - tác phẩm mà những trang này mang ơn nhiều.

Nhưng sự đồng trình của Đức Maria, có lẽ chính vì được nhìn nhận như dấu chỉ của hành động nhưng không của Thiên Chúa, đã thu hút sự quan tâm của dân Chúa ngay cả nơi những tầng lớp bình dân nhất. Mỗi quan tâm phổ biến này giải thích thành công phi thường của một tác phẩm không có giá trị lịch sử, nguy thư Giacôbê Tiền Phúc Âm. Đây là văn bản được biên soạn lần đầu vào giữa thế kỷ II, dựa theo các Phúc Âm thánh Luca và thánh Matthêu, nhưng thêm vào vô số chi tiết kỳ diệu và phép lạ. Đức Maria chiếm vị trí quan trọng trong đó. Danh xưng song thân của Mẹ được nêu rõ : Thánh Anna và Thánh Gioankim. Văn bản khẳng định ngay cả sự ra đời của Mẹ cũng do phép lạ, và với nhiều chi tiết khó tin, rằng sự đồng trình thể lý của Mẹ được bảo toàn trọn vẹn ngay cả khi sinh Con. Văn bản này là nguồn gốc của vô số truyền thuyết tồn tại mãi đến tận thời Trung Cổ, và nhiều chi tiết trong các tác phẩm điêu khắc, hội họa cùng kính màu tại các nhà thờ chính tòa sẽ không thể hiểu nổi nếu không có nó. Tuy nhiên, Giáo Hội chưa bao giờ công nhận đây là tài liệu chính thức, dù ở phương Tây hay phương Đông. Tuy nhiên, vào thời điểm xuất hiện, tác phẩm này cho thấy các tín hữu với lòng đơn sơ mong muốn hiểu biết hơn về Mẹ Chúa Giêsu, đã thêm thắt nhiều yếu tố kỳ diệu vào những gì sau này, qua quá trình thanh lọc và những tranh luận sôi

nổi giữa các nhà thần học vĩ đại của thế kỷ IV và V, sẽ hình thành nền tảng giáo lý Kitô giáo về Đức Maria.

Một cách kín đáo hơn nhưng vẫn thể hiện lòng sùng kính chân thành, hình ảnh Mẹ Chúa Giêsu bắt đầu xuất hiện trong các tác phẩm nghệ thuật. Tại Rôma, trong hang toại đạo Priscilla, có thể chiêm ngưỡng bức họa trên tường phía trên một ngôi mộ, khắc họa Đức Maria đang ngồi bồng ẵm Hài Nhi Giêsu. Tác phẩm này có niên đại từ thế kỷ thứ II. Một số hình ảnh khác, có lẽ muộn hơn đôi chút, cũng mô tả Đức Maria như Đấng bảo trợ những ai an nghỉ tại nơi này.

Lời ca ngợi sự đồng trinh trọn đời của Đức Maria, vốn được gọi mở trong Tin Mừng theo Thánh Luca, đặc biệt được phát triển trong các cộng đoàn đan tu. Những nhà khổ tu Kitô giáo đầu tiên đã từ bỏ mọi sự để theo Chúa Kitô ; việc khước từ hôn nhân và gia đình là phần trong ‘cuộc xuất thế’ của họ. Họ xem đức đồng trinh như điều kiện để hiến dâng trọn vẹn bản thân cho Thiên Chúa. Chẳng bao lâu, họ đã nhận ra nơi Đức Maria, Đấng trọn đời đồng trinh, một mẫu gương hoàn hảo. Có lẽ chính một trong số họ là tác giả của lời kinh cổ xưa nhất kính Đức Maria mà chúng ta được biết, đó là kinh *Sub Tuum* (Dưới bào che), mà một mảnh bản sao đã được tìm thấy trên giấy cói Hy Lạp có niên đại đầu

thế kỷ IV, hoặc có lẽ còn xưa hơn.

Khoảng năm 382, một cuộc tranh luận nổ ra. Một người tên Helvidius đặt lại vấn đề về sự đồng trinh trọn đời của Đức Maria sau khi sinh Chúa Giêsu. Các luận điểm của ông đã bị Thánh Giêrônimô bác bỏ qua một cuộc tranh luận sôi nổi, đồng thời cũng bị Thánh Ambrôsiô, Giám mục Milan, phê phán với thái độ ôn hòa và khôn ngoan hơn. Quan điểm của Thánh Ambrôsiô sau đó đã được toàn thể Giáo hội Tây phương chấp nhận.

Tại phương Đông, vấn đề chủ yếu được đặt ra là về sự thánh thiện của Đức Maria. Liệu Mẹ có thể phạm tội sau khi sinh Con mình không ? Một số Giám mục và nhà giảng thuyết cho rằng Mẹ có thể đã thiếu lòng tin vào một số thời điểm trong cuộc đời. Nhưng sau Công đồng Êphêsô (431), tất cả đều đồng thuận trong việc tôn nhận sự thánh thiện của ‘Đấng Toàn Tinh Tuyền’. Ngay từ thế kỷ IV, Thánh Êpiphaniô, Giám mục đảo Síp, đã khẳng định : ‘Thánh Nữ Trinh Maria chưa từng biết đến tội xấu, đam mê hay hành động xấu nào : Mẹ luôn hoàn toàn thanh sạch.’ Được Công đồng long trọng xác nhận, giáo lý này đã trở thành tín điều chung của toàn thể Giáo hội.

Lời kinh kính Đức Maria cổ xưa nhất

Sub Tuum Praesidium

Bản dịch theo văn bản Latin :

*Dưới bào che của Mẹ,
chúng con tìm nương ẩn,
Lạy Thánh Mẫu Thiên Chúa.
Xin chớ khinh chê lời van nài
khi chúng con lâm cảnh gian truân,
nhưng từ mọi hiểm nguy,
xin giải thoát chúng con luôn mãi,
Ôi Trinh Nữ vinh quang và diễm phúc.*

Do cách chấm câu không rõ ràng, có thể đọc là :

*Từ mọi hiểm nguy xin giải thoát chúng con,
Ôi Đáng Trọn Đồi Đồng Trinh,
Vinh quang và diễm phúc.*

Văn bản Hy Lạp nguyên thủy tìm thấy trên giấy cói
Ai Cập thế kỷ III :

*Dưới sự bảo vệ của Mẹ,
chúng con chạy đến nương nhờ,
Lạy Mẹ Thiên Chúa.
Xin đừng khước từ lời cầu khẩn khốn cùng,*

*nhưng xin cứu chúng con khỏi hiểm nguy,
Ôi Đáng Thanh Khiết và Diễm Phúc.*

Mẹ Thiên Chúa

Cùng lúc được tôn vinh là «Đáng Trọn Đồi Đồng Trinh», Đức Maria còn được tôn kính với tước hiệu «Mẹ Thiên Chúa» (tiếng Hy Lạp : Theotokos). Danh xưng này dường như đã phổ biến từ thế kỷ thứ III. Lập luận theo sau thật đơn giản : «Chúa Giêsu là Thiên Chúa, Đức Maria là Mẹ Chúa Giêsu, vậy Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa.»

Nhưng vào đầu thế kỷ IV, một số nhà thần học băn khoăn : Liệu có thể nói Thiên Chúa có mẹ không ? Chẳng phải cần phân biệt nơi Chúa Giêsu nhân tính thuần túy với thần tính, tránh lẫn lộn hai thực tại sống động này sao ? Tốt hơn nên nói Đức Maria là Mẹ Đức Kitô và dừng lại ở đó. Thế nhưng, ngay từ Phúc Âm Thánh Luca, bà Êlisabét đã gọi Đức Maria là «Mẹ Chúa tôi», mà theo truyền thống Do Thái, «Chúa» là tước hiệu thần linh.

Cuộc tranh luận bùng nổ khi một vị giáo phẩm cao cấp của Giáo Hội, Thượng phụ Constantinople Nestorius,

công khai giảng dạy rằng cần phân biệt rõ ràng nơi Chúa Giêsu thần tính và nhân tính ; một linh mục trong giáo phận của ngài còn nói thêm rằng do đó không thể gọi Đức Maria là Theotokos, Mẹ Thiên Chúa. Sự việc gây chấn động lớn, thậm chí là gương mù gương xấu. Vị Thượng phụ Alexandria đầy nhiệt huyết là Cyrilô, rồi Đức Giáo hoàng Rôma, Đức Cêléstinô lên tiếng phản đối, và Hoàng đế Théodose đã triệu tập một Công đồng gồm tất cả các Giám mục Đông phương và Tây phương. Công đồng nhóm họp năm 431 tại Êphêso, thành phố lớn của Tiểu Á được Thánh Phaolô và Thánh Gioan yêu mến. Các luận điểm của Nestorius bị kết án. Công đồng xác định rõ : nơi Chúa Giêsu, bản tính Thiên Chúa và bản tính loài người cùng hiện hữu, nhưng được hợp nhất trong một Ngôi Vị duy nhất. Chúa Giêsu vừa là con người trọn vẹn vừa là Thiên Chúa thật, và Mẹ của Người có thể được gọi là ‘Mẹ Thiên Chúa’.

Quyết định của Công đồng đã khơi dậy niềm hân hoan lớn lao trong toàn thể dân Chúa. Đặc biệt tại Rôma, Đức Giáo hoàng Xyste III đã dâng kính Đức Maria đại vương cung thánh đường vừa được hoàn thành vào thời điểm đó, ngày nay vẫn được gọi là Đền thờ Đức Bà Cả. Đây là thánh đường cổ xưa nhất ở Tây phương được đặt dưới sự bảo trợ của Mẹ Thiên Chúa.

Cho đến ngày nay, vấn đề này đôi khi vẫn được đem ra bàn luận, nhất là trong các môi trường tiếp xúc với cộng đồng Tin Lành. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Luther và hầu hết các nhà cải cách cùng thời, ngoại trừ Calvin với lập trường dè dặt hơn, đều muốn bảo tồn toàn bộ giáo huấn của các Công đồng đầu tiên và không ngần ngại sử dụng tước hiệu Mẹ Thiên Chúa để chỉ Đức Maria. Như Zwingli, nhà cải cách lớn người Thụy Sĩ ở Zurich, đã tuyên bố : «Tôi chưa bao giờ nghĩ, càng không dạy hay công khai nói điều gì về Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Đấng Cứu Độ chúng ta, điều gì bất kính, vô đạo, bất xứng hay xấu xa... Đối với tôi, chỉ cần trình bày cho các tín hữu đạo đức và đơn thành xác tín rõ ràng của tôi về Mẹ Thiên Chúa: Tôi tin vững vàng, theo lời Thánh Kinh, rằng Trinh Nữ thanh khiết này đã sinh hạ cho chúng ta Con Thiên Chúa, và Mẹ vẫn mãi mãi là một Trinh Nữ tinh tuyền và vẹn toàn cả trong lúc sinh con lẫn sau này ⁴.»

Trong thời đại chúng ta, một tác giả thuộc cộng đoàn đại kết Taizé là Max Thurian viết : «Gọi Maria là ‘Mẹ Thiên Chúa’ chính là cách diễn tả thích đáng nhất nhiệm Nhập Thể của Thiên Chúa làm người ⁵.»

4 Trích dẫn bởi Max Thurian, *Đức Maria Mẹ Chúa, hình ảnh Giáo Hội*, NXB Cerf, 1980, tr. 121.

5 Sđd, tr. 133.

Trên thực tế, đa số người Tin Lành đã không dừng lại ở đó mà giảm thiểu vị trí và vai trò của Đức Maria trong biểu lộ đức tin và đời sống cầu nguyện của họ. Công thức nổi tiếng : *Soli Deo Gloria*, Chỉ dành vinh quang cho Thiên Chúa, đã khiến họ loại trừ mọi hình thức tôn kính, nếu không nói là sự tôn trọng, đối với Mẹ Chúa Giêsu.

Max Thurian nhận định với vẻ hối tiếc : «Không cường điệu hóa lập trường của các nhà Cải cách, và không chấp nhận mọi điểm trong đó là hợp lệ, nhưng phải thừa nhận rằng vào thời của họ, vấn đề về Đức Maria đã cởi mở và tự do hơn nhiều so với ngày nay ⁶.»

Một số tín hữu Công giáo cũng khó nhận ra tầm quan trọng của những định tín tại Công đồng Êphêô. Phải thừa nhận rằng các định tín này được diễn đạt bằng ngôn ngữ triết học Hy Lạp đương thời, mà ngày nay phần nào đã trở nên xa lạ với chúng ta. Ngay từ thế kỷ V, các Đức Giáo hoàng và Giám mục đã nhắc lại và làm sáng tỏ những định tín này, và chúng được tái khẳng định tại Công đồng Chalcedon năm 451. Để sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu hơn cho thời đại chúng ta, chúng ta có thể dùng một hình ảnh so sánh, dù không hoàn hảo như mọi phép so sánh, nhưng có thể giúp chúng ta diễn

⁶ Sđd, tr. 137.

tả ở mức độ hữu hạn về mẫu nhiệm thần linh mà trước đó chúng ta chỉ có thể lấp bấp.

Chúng ta thường nói một đứa trẻ mang những nét giống cha hoặc mẹ về thể chất hay tính cách. Tùy theo từng đặc điểm, chúng ta có thể nhận xét : «Con này giống mẹ quá !» hoặc «Y hệt cha nó !». Tuy nhiên, đứa trẻ luôn là con của cả cha lẫn mẹ. Người mẹ thực sự là mẹ của một nhân vị độc nhất mà đứa trẻ đại diện. Cũng vậy, nơi Chúa Giêsu, chúng ta có thể nhận ra những gì đến từ Thiên Chúa, và những gì được trao ban bởi Đức Maria, không chỉ thân xác và dòng máu, mà cả trí tuệ và tâm hồn nhạy cảm của Người, di sản nhân loại nặng trĩu nhưng kỳ diệu khiến Người trở thành Con Vua Đavít. Tuy nhiên, chỉ có một Chúa Giêsu duy nhất, không thể tách rời vừa là Con Thiên Chúa vừa là Con Đức Maria.

Và tình mẫu tử của Đức Maria bao trùm tất cả những gì cấu thành nên một con người sống động, duy nhất và bất khả phân, do đó ngay cả thần tính của Người. Mẹ có thể được gọi là Mẹ Thiên Chúa vì Mẹ thực sự là Mẹ Ngôi Lời Nhập Thể.

Một tác giả đương thời là Georgette Blaquière, giáo dân, người mẹ gia đình đồng thời là nhà thần học sâu sắc, đã nhận định một cách sâu sắc, điều khá hiếm thấy nên cần được nhấn mạnh, rằng định tín Êphêso ngày

Một chứng từ đương đại từ phía Tin Lành

Đức Maria thành Nadarét là Mẹ Chúa Giêsu, Đấng cũng chính là Ngôi Lời vĩnh cửu, Thiên Chúa Con, với hai bản tính nhân loại và thần linh hiệp nhất trong một Ngôi Vị duy nhất. Như thế, Đức Maria thành Nadarét thực sự là Mẹ Thiên Chúa, để mầu nhiệm Nhập Thể được trọn vẹn chứ không phải là sự nhận làm con sau này. Điều này không hề làm cho Thiên Chúa Ba Ngôi ngừng là Đấng Duy Nhất, Siêu Việt, Tạo Hóa chứ không phải thụ tạo, cũng không khiến Chúa Giêsu thành Nadarét ngừng là con người trọn vẹn như chúng ta, được sinh ra, phải chết, giới hạn và chịu cám dỗ, vâng phục Lễ Luật nhưng loan báo và thực thi Ân Sủng đi trước Lễ Luật, như tổ phụ Abraham đi trước Môsê 430 năm (Galát 3, 17).

André và Francine Dumas, Đức Maria thành Nadarét,
NXB Labor et Fides, Genève, 1989, tr. 97

nay có những hệ quả luân lý quan trọng. Khi lên án thực hành ‘mang thai hộ’, bà viết : ‘Chúng ta hãy hiểu rõ vấn đề ở đây. Khi sinh ra một đứa trẻ, chúng ta không chỉ sinh ra một khối thịt. Chúng ta sinh ra một nhân vị sống động, như Đức Maria đã sinh ra Chúa Giêsu, một Ngôi

Vị vừa là Thiên Chúa thật vừa là người thật. Chân lý thần học mang lại ý nghĩa cho nhân học. Khoa học về Thiên Chúa giúp hiểu rõ khoa học về con người trong những vấn đề thời sự nhất. ⁷

Mẹ các tín hữu

Ngay từ sớm, các Kitô hữu đã hướng về Đức Maria như Đấng có thể bảo vệ và trợ giúp những ai chạy đến cùng Mẹ, như lời kinh cổ xưa *Sub Tuum* đã chứng minh. Trong một bài diễn văn tại Công đồng Êphêsô, một vị Giám mục đã so sánh vai trò của Đức Maria trước mặt Thiên Chúa với vai trò của Giáo Hội hiệp nhất với Đức Kitô, Con của Mẹ.

Bài diễn văn này được trình bày như lời ngợi khen dâng lên Đấng vừa được long trọng tuyên xưng là Mẹ Thiên Chúa. Sau khi kính cẩn chào kính Ba Ngôi Cực Thánh, diễn giả đã triển khai cách thiết tha về sứ mạng của Đức Maria, cũng như của Giáo Hội, tiếp nối sứ mạng Chúa Giêsu qua các thế kỷ :

«Kính chào Maria, Mẹ Thiên Chúa...

Nhờ Mẹ, Ba Ngôi được tôn vinh...

Nhờ Mẹ, loài thụ tạo sa ngã được nâng lên trời cao...

Nhờ Mẹ, toàn thể giới nhận biết chân lý...

⁷ *Tin Mừng về Đức Maria*, NXB Sư Tử Giuđa, 1986, tr. 69.

Nhờ Mẹ, muôn dân được dẫn đưa về với ơn trở lại...»

Như thế, Đức Maria và Giáo Hội hoàn toàn hiệp nhất. Giáo Hội là gia đình nơi tất cả môn đệ Chúa Giêsu nhận nhau là anh em. Sách Công Vụ Tông Đồ nhấn mạnh tình huynh đệ này giữa các Kitô hữu. Nhưng nếu họ đều là anh em trong Đức Kitô Giêsu, như Thánh Phaolô nói, thì họ cũng đều là con cùng một Giáo Hội đã sinh họ trong đức tin nhờ bí tích Rửa Tội. Vậy làm sao không liên kết sứ mạng làm mẹ của Giáo Hội với sứ mạng của Đức Maria ?

Dần dần, lời suy niệm về những lời Chúa Giêsu hấp hối nói với người môn đệ Người yêu mến đã trở nên sâu sắc hơn : ‘Đây là Mẹ của con’. Được kết hợp với mầu nhiệm Thập Giá, Đức Maria là hình ảnh và lời loan báo về Hội Thánh, nhưng chẳng phải Mẹ còn có một sứ mạng riêng đối với từng tín hữu mà người môn đệ Chúa yêu là hình ảnh và dấu chỉ ?

Khi lắng nghe Con mình trên thập giá, Đức Maria chỉ có thể đón nhận lời trần trối cuối cùng với sự ung thuận đầy đau thương nhưng tràn ngập yêu thương. Có thể nghĩ rằng trong những giờ phút bị bỏ rơi đó, đức tin của Mẹ dù không hề nao núng nhưng hẳn đã chìm trong tăm tối. Tuy nhiên, với tư cách là Mẹ Thiên Chúa và được tràn đầy ân sủng Chúa Thánh Thần, Mẹ đã nhận được

sức mạnh cần thiết để đón nhận người môn đệ bằng tình mẫu tử dịu dàng, và sẵn sàng đón nhận tất cả những ai tin vào Chúa Giêsu Kitô như ngài. Như thế, nền tảng Kinh Thánh cho niềm tin vào tình mẫu tử thiêng liêng của Đức Maria đối với tất cả môn đệ Con Mẹ đã được thiết lập.

Sự hiện diện của Mẹ tại Giêrusalem trước Lễ Ngũ Tuần và rất có thể cả sau đó nữa, cũng chứng thực vai trò làm mẹ âm thầm này đối với các môn đệ, những người mà Sách Công Vụ Tông Đồ gọi là ‘các anh em’. Họ là anh em với nhau nhờ cùng chia sẻ một đức tin và một Thánh Thần, cùng là con một Cha, do đó là anh em với Chúa Giêsu ; Thánh Phaolô sẽ gọi họ là những người đồng thừa kế với Đức Kitô, vậy tại sao theo nghĩa rộng hơn, họ không thể là những người con thiêng liêng của Mẹ Ngài ? Thánh Luca đã nhắc đến Mẹ như người chuyên cần cầu nguyện. Sứ mạng chuyển cầu của Mẹ bắt đầu từ đó. Đức Maria không thi hành quyền bính như người mẹ với các con nhỏ. Mẹ hiện diện như một hiền mẫu đầy khôn ngoan giữa những người con trưởng thành, Mẹ khuyên bảo khi họ cầu khẩn, và Mẹ cũng là ký ức sống động của cộng đoàn. Như Thánh Luca đã nói về các biến cố thời thơ ấu của Chúa Giêsu, Mẹ ghi nhớ tất cả những điều ấy trong lòng, có lẽ trước khi ân cần kể lại cho những người thân tín...

Mẹ Chúng Ta

Đức Trinh Nữ Diễm Phúc, được tiền định từ đời đời trong kế hoạch Nhập Thể của Ngôi Lời để trở thành Mẹ Thiên Chúa, đã hiện diện trên trần gian, theo sự an bài của Thiên Chúa quan phòng, như người Mẹ đáng kính của Đấng Cứu Chuộc thần linh, được kết hợp cách độc nhất vô nhị vào công trình cứu độ của Người với tư cách là nữ tỳ khiêm hạ của Chúa. Khi thụ thai Đức Kitô, sinh hạ Người, nuôi dưỡng Người, dâng Người trong Đền Thờ cho Chúa Cha, cùng chịu đau khổ với Người Con đang hấp hối trên thập giá, Mẹ đã cộng tác vào công trình của Đấng Cứu Thế cách vô song nhờ sự vâng phục, đức tin, đức cậy và lòng mến nồng nàn, để sự sống siêu nhiên được ban lại cho các linh hồn. Bởi thế, trong trật tự ân sủng, Mẹ đã trở thành Mẹ chúng ta. Từ sự ưng thuận đức tin trong ngày Truyền Tin và được kiên vững dưới chân thập giá, tình mẫu tử này của Đức Maria trong nền kinh tế cứu độ tiếp diễn không ngừng cho đến khi mọi người được tuyển chọn đạt tới vinh quang. Quả thật, sau khi được đưa về trời cả hồn lẫn xác, vai trò của Mẹ trong công trình cứu độ vẫn không chấm dứt: qua lời chuyển cầu không ngừng, Mẹ tiếp tục đem lại cho chúng ta những ơn phúc bảo đảm phần rỗi đời đời. Tình mẫu tử khiến Mẹ quan tâm đến những người anh em của Con Mẹ đang lữ hành chưa tới đích,

hoặc đang đối diện với hiểm nguy thử thách, cho tới khi họ đạt tới quê hương vĩnh phúc. Vì thế, trong Hội Thánh, Đức Trinh Nữ Diễm Phúc được kêu cầu dưới những tước hiệu như Đấng Bào Chữa, Trợ Giúp, Cứu Giúp, Trung Gian, nhưng tất cả phải được hiểu cách nào không làm giảm bớt hay thêm vào phẩm giá và hiệu quả của Đấng Trung Gian duy nhất là Đức Kitô.

Công đồng Vatican II, Hiến chế Lumen Gentium
về Giáo Hội, số 61-62

Dần dần, các Kitô hữu hiểu rằng Đức Maria, vượt trên cái chết thể lý, vẫn hiện diện bên Thiên Chúa như người Mẹ cầu nguyện không ngừng chuyển cầu để tất cả con cái Mẹ lại nghe được lời Mẹ nhắn nhủ Con mình: ‘Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.’

Vai trò làm mẹ và bảo trợ của Đức Maria đối với các Kitô hữu đã được giải thích cách chậm rãi trong những thế kỷ đầu. Một người đồng thời với Thánh Augustinô, thường bị nhầm lẫn với ngài, đã viết : ‘Maria là Mẹ các chi thể vì là Mẹ Đầu.’ Thượng phụ Constantinople Germainô khẳng định vào đầu thế kỷ VIII : ‘Mẹ Người tràn đầy lòng quan tâm mẫu tử đối với chúng ta và ban cho chúng ta sự nâng đỡ cùng che chở giữa cơn hiểm

nguy.’ Từ thế kỷ X, trước tiên ở phương Đông rồi đến phương Tây, các tín hữu thường xuyên hướng về Mẹ Đức Giêsu, nhìn nhận Mẹ cách thiêng liêng như là Mẹ mình và Mẹ của toàn thể nhân loại.

Năm 1964, Công đồng Vatican II đã dành một chương quan trọng trong Hiến chế về Giáo Hội để bàn về sứ mạng làm mẹ của Đức Maria đối với các tín hữu, điều mà các Giám mục họp tại Rôma đã gọi bằng thuật ngữ chuyên môn là ‘vai trò của Đức Trinh Nữ Diễm Phúc trong nền kinh tế cứu độ’. Bằng cách đặt suy tư về Đức Maria trong bối cảnh rộng lớn hơn về Đức Kitô và Giáo Hội, các ngài đã làm sáng tỏ mối hiệp nhất giữa Đức Maria với Con mình trong lòng Giáo Hội, nhờ đức tin và lòng mến. Khi trình bày giáo lý về Giáo Hội, Dân Thiên Chúa nơi Đức Kitô thực hiện ơn cứu độ, Công đồng muốn nêu bật vai trò của Đức Maria như thành phần của Dân Chúa và là người cộng tác với Con Mẹ, Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người.

Tình mẫu tử này của Đức Maria không hề làm giảm vai trò trung gian của Đức Kitô, trái lại còn biểu lộ quyền năng của Người. Mọi điều Đức Maria thực hiện trong Giáo Hội đều do Thiên Chúa ban cách nhưng không và phát xuất từ sự dư đầy công nghiệp của Đức

Kitô. Vì thế, Đức Maria không đứng giữa Đức Kitô và chúng ta. Mẹ ở về phía chúng ta, trong lòng Giáo Hội, nơi Mẹ giữ vị trí hàng đầu, và Mẹ giúp chúng ta kết hợp với Đức Kitô, Đấng Cứu Độ duy nhất của chúng ta cũng như của chính Mẹ. Trên thiên quốc, nơi Mẹ đã được vinh hiển, Mẹ tiêu biểu cho Giáo Hội trong tình trạng viên mãn, và đối với mọi tín hữu, Mẹ là dấu chỉ hy vọng trong cuộc lữ hành trần thế.

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong Thông điệp *Mẹ Đấng Cứu Chuộc* công bố ngày 25 tháng 3 năm 1987, đã triển khai rộng rãi giáo huấn của Công đồng. Ngài đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò trung gian mẫu tử của Đức Maria trong công trình cứu độ thế giới. Công đồng chỉ sử dụng cách thận trọng và dè dặt thuật ngữ «trung gian» này, vốn bị phía Tin Lành bác bỏ khi áp dụng cho bất cứ ai khác ngoài Đức Kitô. Đức Gioan Phaolô II giải thích rằng đây luôn là một sự trung gian «mẫu tử», vì như ngài nói : «Với tình yêu mẫu tử, Mẹ cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục các người con của Mẹ Giáo Hội [...]. Sự trung gian mẫu tử là đặc điểm của Đức Maria, vì ngay khi còn ở trần gian, Mẹ đã cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục các người con của Giáo Hội, với tư cách là Mẹ của Người Con mà Thiên Chúa đã đặt làm Trưởng Tử giữa đàn em đông đúc.»

Một Ân Ban từ Đức Kitô

Tình mẫu tử có đặc tính là luôn quy chiếu về một ngôi vị. Nó thiết lập một tương quan độc nhất vô nhị giữa hai người : tương quan giữa người mẹ với con mình và người con với mẹ mình. [...] Mỗi đứa trẻ được bao bọc cách duy nhất bởi tình yêu mẫu tử, nền tảng cho sự giáo dục và trưởng thành nhân bản của nó. Có thể nói có sự tương đồng giữa tình mẫu tử ‘trong trật tự ân sủng’ với điều ‘trong trật tự tự nhiên’ đặc trưng cho sự kết hợp giữa mẹ và con. Dưới ánh sáng này, chúng ta hiểu rõ hơn việc trong di chúc trên núi Sọ, Đức Kitô đã diễn tả tình mẫu tử mới của Mẹ Người bằng số ít khi chỉ về một người : ‘Đây là con của Bà.’

Hơn nữa, trong chính lời này đã hàm chứa trọn vẹn lý do cho chiều kích đời sống Đức Maria nơi các môn đệ Đức Kitô : không chỉ với Gioan, người đứng dưới chân Thập Giá cùng Mẹ của Thầy mình, mà với mọi môn đệ Đức Kitô, mọi Kitô hữu. Đáng Cứu Chuộc trao phó Mẹ Người cho môn đệ, đồng thời ban Mẹ như là mẹ của anh. Tình mẫu tử của Đức Maria trở thành gia nghiệp cho con người, một ân ban mà chính Đức Kitô trao tặng cách cá vị cho từng người. Đáng Cứu Chuộc trao Đức Maria cho Gioan bởi Người cũng trao Gioan cho Đức Maria. Dưới chân Thập Giá khởi đầu sự hiến dâng đặc

biệt này của con người dành cho Mẹ Đấng Kitô, sau này được thể hiện và diễn tả bằng nhiều cách khác nhau trong suốt dòng lịch sử Giáo Hội.

Đức Gioan Phaolô II,
Thông điệp Mẹ Đấng Cứu Chuộc, số 45

Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội

Cần thường xuyên nhắc nhở người thời nay về một điểm chính xác trong thuật ngữ. Khi người Công giáo nói về Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, điều này không ám chỉ việc Đức Giêsu được thụ thai cách đồng trinh trong lòng Mẹ Người, nhưng nói về chính sự thụ thai Đức Maria bởi song thân của Mẹ. Việc thụ thai này không có gì kỳ diệu về mặt thể lý, đó là kết quả của sự kết hợp hôn nhân bình thường giữa cha mẹ Mẹ, một sự kết hợp được Thiên Chúa mong muốn và chúc phúc như mọi cuộc hôn nhân khác trong gia đình nhân loại. Nói về Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội có nghĩa là Mẹ đã được gìn giữ khỏi mọi vết nhơ tội lỗi và là đối tượng của tình yêu thương đặc biệt từ Thiên Chúa ngay từ giây phút đầu tiên của sự sống trong lòng mẹ mình.

Từ thế kỷ IV, các Kitô hữu đã tôn vinh Đức Maria là Đấng Toàn Tinh Tuyền, Trinh Nữ Cực Thánh. Các nhà giảng thuyết phương Đông không ngừng ca ngợi vẻ đẹp thiêng liêng của Mẹ Thiên Chúa. Ở phương Tây, ngay cả một người theo lạc giáo như Pelagiô, kẻ chối bỏ giáo lý về tội nguyên tổ, cũng đưa ra lập luận mà ông cho là không thể bác bỏ được với Thánh Augustinô : cần phải công nhận rằng Đức Trinh Nữ hoàn toàn vô tội. Thánh Augustinô chấp nhận lập luận này, nhưng không rút ra cùng kết luận như đối thủ của ngài, kẻ thể hiện cái nhìn lạc quan thái quá về khả năng con người mà coi nhẹ vai trò thiết yếu của ân sủng Thiên Chúa. Nếu Đức Maria thoát khỏi tội lỗi, chính là nhờ Mẹ được gìn giữ bởi một ân sủng đặc biệt từ Thiên Chúa. Thánh Augustinô, với sự điềm đạm, dừng lại ở đó trong sự kín đáo khôn ngoan.

Từ thế kỷ V, nhiều lễ kính Đức Maria được đưa vào phụng vụ, chủ yếu liên quan đến lễ Giáng Sinh. Người ta mừng lễ Sinh Nhật Đức Trinh Nữ vào ngày 8 tháng Chín. Sau đó, dưới ảnh hưởng dai dẳng của dân chúng từ các ngụ thư, việc Mẹ được dâng vào Đền Thờ được kính nhớ vào ngày 21 tháng Mười Một, và lễ Thụ Thai bởi Thánh Anna và Thánh Gioankim vào ngày 8 tháng Mười Hai. Lễ An Giấc (Dormition) hay Lễ Đức Mẹ Lên Trời được cử hành vào ngày 15 tháng Tám tại

Giêrusalem ngay từ thế kỷ V. Về sau, lễ Truyền Tin được ấn định vào ngày 25 tháng Ba, chín tháng trước lễ Giáng Sinh, thay thế cho lễ hội ngoại giáo mừng Đông Chí, nhưng chủ yếu được coi như một lễ kính Chúa.

Khi cử hành lễ Thụ Thai của Đức Maria, không chỉ tưởng nhớ khoảnh khắc đầu tiên của sự sống nhân loại nơi Mẹ, nhưng còn vui mừng về sự thánh thiện nguyên khởi của Mẹ, việc Mẹ không hề bị vướng nhiễm bất cứ tội lỗi nào và không có điều gì nơi Mẹ chống lại Thiên Chúa. Theo lời sứ thần trong ngày Truyền Tin, Mẹ đã được Thiên Chúa sủng ái, tràn đầy ân sủng. Lời này không chỉ được hiểu áp dụng cho giây phút Truyền Tin, mà còn như mặc khải về điều đã hiện hữu từ muôn thuở trong tâm hồn Đức Maria. Chính Mẹ cũng đã phần nào nhận thức được lòng thương xót này của Thiên Chúa khi cất lên trong bài Magnificat : ‘Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, Đấng Cứu Độ tôi ! Người đã đoái nhìn phận hèn tôi tớ Người, vì Người đã làm cho tôi những điều trọng đại !’ Như thế, Mẹ là ngoại lệ của vết thương nguyên tội, giáo lý cho rằng mọi người sinh ra đều thiếu vắng ân sủng Thiên Chúa, thứ ân sủng chỉ được ban cách viên mãn nhờ đức tin vào Đức Giêsu Kitô và bí tích Rửa Tội.

Các nhà thần học Tây phương gọi đặc ân này của Thiên Chúa dành cho Mẹ Con Ngài là Đặc Ân Vô Nhiễm Nguyên Tội. Đa số các Giáo Hội Đông phương tránh dùng cụm từ này, dù về bản chất họ rất gần với quan điểm Công giáo Rôma. Thời Trung Cổ, các nhà thần học Tây phương tranh luận nhiều về vấn đề này. Một số vị thánh lớn như Thánh Bernardô và Thánh Tôma Aquinô phản đối tín điều này vì cho rằng nó không đủ tôn trọng sự thật rằng chính Đức Maria cũng được Đức Kitô cứu chuộc. Nhưng dưới ảnh hưởng của dòng Phanxicô, cùng với sự đào sâu thần học có xét đến những phản biện đó, giáo lý này ngày càng được khẳng định.

Đức Giáo hoàng Sixtô IV năm 1476 đã phê chuẩn Thánh lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Công đồng Trentô năm 1546 cũng bênh vực tín điều này, tương tự Đức Giáo hoàng Phaolô IV năm 1555, rồi Thánh Piô V năm 1567 chống lại quan điểm bi quan của các môn đệ Thánh Augustinô mà Michel de Bay là đại diện tiêu biểu, người sau này đã truyền cảm hứng cho Jansenius. Trước lối giảng dạy của phái Jansenê về việc toàn thể nhân loại bị chìm đắm trong tội lỗi, việc mừng lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vào thế kỷ XVIII đã trở thành lời khẳng định quyền năng tối thượng của ân sủng và kiệt tác của lòng thương xót Thiên Chúa.

Do đó, Đức Alexandrô VII năm 1661 đã chấp thuận sự phát triển của lòng sùng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm và xác định rõ đối tượng tôn kính bằng những từ ngữ sẽ được long trọng lặp lại vào thế kỷ sau. Và Đức Clémentê XI đã nâng lễ mừng ngày 8 tháng Mười Hai thành lễ buộc trong toàn Giáo Hội (1708).

Sau quá trình trưởng thành chậm rãi của đức tin trong lòng Giáo Hội, Đức Giáo hoàng Piô IX đã long trọng xác định đức tin Công giáo qua một định tín chính thức được công bố ngày 8 tháng Mười Hai năm 1854, sau khi tham khảo ý kiến tất cả các Giám mục Công giáo. Đây là đoạn trọng yếu của văn bản : «Giáo lý dạy rằng Đức Trinh Nữ Maria, ngay từ giây phút đầu tiên được thụ thai, nhờ hồng ân và một đặc ân duy nhất của Thiên Chúa toàn năng, nhờ công nghiệp của Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ nhân loại, đã được gìn giữ khỏi mọi vết nhơ nguyên tội, là giáo lý được Thiên Chúa mặc khải...»

Đức Gioan Phaolô II, trong Thông điệp «Mẹ Đấng Cứu Chuộc», nhấn mạnh rằng chính nhờ sự phong phú của ân sủng từ Người Con Thiên Chúa mà Đức Maria đã được cứu chuộc. Nếu Mẹ được gìn giữ khỏi di sản của tội nguyên tổ, đó là do hành động tự do của tình yêu Thiên Chúa, Đấng muốn chọn Mẹ làm Mẹ Ngôi Lời Nhập Thể. Ngay từ giây phút đầu tiên hiện hữu,

Mẹ đã thuộc về Đức Kitô, Đấng mà sau này Mẹ sẽ sinh hạ; Mẹ đã nhận được tình yêu từ Người Con Một Thiên Chúa ngay cả trước khi Mẫu nhiệm Nhập Thể được thực hiện trong thời gian. Vì thế, Đức Maria đón nhận sự sống từ chính Đấng mà Mẹ sẽ trao ban sự sống, Mẹ sẽ trở thành Mẹ của Đấng Tạo Hóa mình. Mẹ đón nhận sự sống trong sự viên mãn của tình yêu thần linh và ân sủng xứng hợp với thiên chức làm Mẹ Thiên Chúa của mình. Tuy nhiên, Đức Maria không đứng ngoài dòng chảy thời gian, Mẹ hiện diện giữa những cuộc chiến làm rạn nứt nhân loại. Mẹ thuộc về hàng ngũ những kẻ khiêm hèn và nghèo khó của Chúa. Nhưng trong thinh lặng và sâu thẳm tâm hồn, Mẹ cư mang sự phong phú vô biên của ân sủng mà, như Thánh Phaolô nói, Thiên Chúa đã tuôn đổ trên chúng ta trong Đức Kitô Giêsu, để chúng ta trở nên thánh thiện và tinh tuyền trước mặt Ngài, trong tình yêu thương (Êphêsô 1, 4). Như vậy, Đức Maria mãi là dấu chỉ tình yêu Thiên Chúa, Đấng trong Đức Giêsu Kitô và nhờ Người, kêu gọi mọi người trở nên nghĩa tử của Ngài. Thiên Chúa ban cho chúng ta được thông phần vào kỳ công ân sủng đã thực hiện nơi Mẹ ngay từ hơi thở sự sống đầu tiên cho đến khi Mẹ về trời vinh hiển. Thành quả trọn vẹn của tình yêu Thiên Chúa nơi Đức Maria Vô Nhiễm trở thành bảo chứng cho chúng ta về quyền năng tha thứ của Thiên Chúa

nhờ Đức Kitô chịu đóng đinh để cứu độ chúng ta. Đức Gioan Phaolô II kết luận chương này trong Thông điệp bằng lời khẳng định rằng trong lịch sử nhân loại đối diện với sự dữ, Đức Maria mãi là dấu chỉ hy vọng vững vàng cho mọi người (số 10 và 11).

Tại đan viện Cát Minh ở Lisieux vào đầu năm 1895, chị Thérèse trẻ lo lắng đôi chút về sự ưu ái mà Chúa Giêsu dành cho các tội nhân. Vị giải tội vừa khẳng định với chị rằng chị chắc chắn chưa từng phạm tội trọng. Vậy chị có được ít ân sủng hơn Maria Mađalêna, người tội lỗi được tha thứ với biết bao yêu thương ? Chị đã có một nhận thức giản dị nhưng sâu sắc : Chúa Giêsu đã tha thứ cho con nhiều hơn cho Mađalêna, vì Ngài đã tha cho con từ trước, Ngài đã ngăn con không sa ngã ! Điều chị Thérèse đã hiểu về bản thân, chẳng phải còn sáng tỏ hơn nữa khi áp dụng cho Đức Maria sao ? Tình yêu Chúa Cha đã gìn giữ Mẹ trước khỏi mọi liên hệ với sự dữ, và chính trong sự tinh tuyền cùng sự thăng tiến của một đức tin và tình yêu không chút khuyết tật mà Mẹ đã có thể đáp lại lời đề nghị từ Thiên Chúa : ‘Này tôi là nữ tỳ của Chúa, xin hãy thực hiện cho tôi như lời Ngài truyền !’ (Lc 1, 38).

Tình yêu tiên liệu của Người Cha

Con chẳng có công trạng gì khi không sa vào tình yêu thụ tạo, vì con chỉ được gìn giữ nhờ lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa !... Con nhận ra rằng không có Ngài, con có thể sa ngã thấp như Thánh nữ Mađalêna, và lời sâu sắc của Chúa chúng ta nói với ông Simon vang lên thật dịu ngọt trong tâm hồn con... Con biết: ‘Ai được tha ít thì yêu mến ít’ (Lc 7, 47), nhưng con cũng biết rằng Chúa Giêsu đã tha cho con nhiều hơn cho Thánh Mađalêna, vì Ngài đã tha cho con từ trước, ngăn con không sa ngã. Ôi ! Ước gì con có thể diễn tả được điều con cảm nhận !... Xin đưa ra một ví dụ để minh họa phần nào tâm tư con. Giả như đưa con trai của một lương y tài ba trên đường đi vấp phải hòn đá ngã gãy chân. Người cha liền chạy đến, âu yếm đỡ con dậy, chữa lành vết thương bằng tất cả y thuật của mình. Đứa con khỏi bệnh sẽ biết ơn cha. Dĩ nhiên, nó có mọi lý do để yêu mến cha ! Nhưng giờ thử hình dung khác : Người cha biết trước trên đường con đi có hòn đá, liền âm thầm dời đi khi không ai hay. Đứa con, đối tượng của tình yêu tiên liệu ấy, KHÔNG BIẾT mối nguy mình thoát khỏi, nên chẳng tỏ lòng biết ơn và yêu cha ít hơn trường hợp được chữa lành... Nhưng nếu một ngày nó nhận ra hiểm nguy mình suýt gặp, chẳng phải nó sẽ yêu cha nhiều hơn sao ? Vâng, chính con là đứa

trẻ ấy, đối tượng của tình yêu tiên liệu từ Người Cha, Đấng không sai Ngồi Lờn đến để cứu chuộc người công chính nhưng là kẻ tội lỗi. Ngài muốn con yêu mến Ngài vì Ngài đã tha thứ cho con, không phải nhiều, mà là TẤT CẢ. Ngài không đợi con yêu Ngài thật nhiều như Thánh Mađalêna, nhưng muốn con BIẾT Ngài đã yêu con bằng tình yêu tiên liệu khôn tả, để giờ đây con yêu Ngài cách cuồng nhiệt !... Con từng nghe nói rằng chưa từng có tâm hồn tinh tuyền nào yêu mến nhiều hơn một tâm hồn sám hối, ôi ! Con ước gì có thể chứng minh lời ấy không đúng !...

Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu (1895)

Toàn bộ mầu nhiệm Vô Nhiễm Nguyên Tội nằm ở đó. Nó biểu lộ tình yêu tiên liệu kỳ diệu của Chúa Cha dành cho những đứa con hoang đàng : như cô thiếu nữ Nadarét, người đầu tiên hoàn toàn vô tội, họ sẽ tìm lại được sự tinh tuyền nhờ hồng ân của Đức Kitô, Con Thiên Chúa Cứu Thế.

Lễ Đức Mẹ Lên Trời

Đức Maria đã kết thúc cuộc đời trần thế như thế nào ? Ngay từ sớm, các Kitô hữu đã đặt ra câu hỏi này. Từ thế kỷ III, người ta đã mừng kính ngày các vị tử đạo chiến thắng vào đúng ngày các ngài qua đời. Khi bắt đầu tôn kính Mẹ Thiên Chúa, lễ tự nhiên cũng muốn cử hành ngày Mẹ về với Chúa Cha. Nhưng Kinh Thánh không đề cập đến điều này.

Các truyền thuyết ngụ thư đã lấp đầy khoảng trống ấy bằng trí tưởng tượng phong phú. Các vị lãnh đạo Giáo Hội bác bỏ những điều đó. Khoảng năm 377, Thánh Êpiphaniô, Giám mục đảo Síp, nổi tiếng với những bài giảng sắc sảo, đã khẳng định rõ ràng chúng ta không biết gì về cái chết của Đức Maria, thậm chí không rõ Mẹ có thực sự qua đời không. Tuy nhiên, dù thiếu cơ sở lịch sử xác thực, các ngụ thư vẫn cố gắng đáp ứng khát vọng chính đáng của tín hữu, và ảnh hưởng của chúng rất lớn trong nghệ thuật tạo hình, từ các bức khảm đến tượng đá và kính màu trong nhà thờ. Ai mà không ngỡ ngàng trước những biểu tượng về sự An Giấc của Đức Maria : Mẹ qua đời trong vòng tay các tông đồ, linh hồn Mẹ, được diễn tả bằng hình ảnh thu nhỏ, được Con Mẹ Phục Sinh âu yếm đón nhận.

Cách nghiêm túc hơn, việc cử hành phụng vụ đã khơi nguồn suy tư thần học. Danh xưng của ngày lễ cũng đa dạng. Người ta nói về *Transitus*, cuộc vượt qua của Mẹ, hoặc Lễ Đức Mẹ An Giác, thuật ngữ vẫn được dùng tại phương Đông cho đến nay, còn ở phương Tây thì gọi là Lễ Đức Mẹ Lên Trời, việc Mẹ được đưa về trời trong vinh quang. Từ thế kỷ V, ngày 15 tháng Tám được cử hành khắp nơi dù không rõ lý do. Các nhà giảng thuyết phải đào sâu ý nghĩa ngày lễ để giải thích cho tín hữu. Một bài giảng của Đức Giám mục Théotéknos xứ Livias trước năm 600 được ghi lại : «Xứng hợp thay khi thân xác đã cưu mang Thiên Chúa, trở nên đền thờ của Ngài, bất hoại, được ánh sáng thần linh chiếu rọi, phải được nâng lên vinh quang cùng với linh hồn đẹp lòng Chúa.» Tại Rôma từ thế kỷ VII, lời nguyện trong Thánh lễ Đức Mẹ An Giác đã ám chỉ việc Mẹ được đưa về trời cả hồn lẫn xác : «Đáng không thể bị sự chết trói buộc.»

Thời Trung Cổ, lòng sùng kính Đức Maria, Nữ Vương Thiên Quốc được Con Mẹ đội triều thiên vinh hiển, phát triển mà không gây tranh luận thần học gay gắt như với tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội. Chỉ có vài do dự xuất phát từ việc bài trừ những yếu tố ngụy thư. Các nhà thần học phải dựa trên luận cứ vững chắc hơn, như Thánh Anselmô và Thánh Bernardô đã làm. Cuối cùng, đức tin vào vai trò làm mẹ của Đức Maria đối với

các anh em của Con Mẹ đương nhiên dẫn đến đức tin vào sự sống mới của Mẹ bên Thiên Chúa. Làm sao Mẹ có thể chuyển cầu nếu chưa được hiệp thông trọn vẹn với sự sống vinh hiển của Con Mẹ ? Sự phát triển của tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội càng củng cố xác tín về việc Mẹ được vinh thăng cả hồn lẫn xác. Lẽ nào Đấng không hề phạm tội lại phải chịu sự chết, hậu quả của tội lỗi ?

Năm 1870, tại Công đồng Vatican I, vấn đề định tín chính thức về tín điều Đức Mẹ Lên Trời được đặt ra. Ủy ban Thần học được giao nghiên cứu vấn đề này đã kết luận không cần thiết phải định tín, vì đây là chân lý đã được toàn thể Giáo Hội tin kính và cử hành ; mặt khác, một cuộc thảo luận công khai có thể gây khó khăn với anh em Tin Lành và về mặt lịch sử. Thực tế, việc Công đồng kết thúc sớm đã hoãn lại vấn đề, và theo yêu cầu của Đức Piô IX, vấn đề này tạm gác lại.

Năm 1946, Đức Piô XII đã đặt lại vấn đề. Ngài tiến hành thăm dò ý kiến các Giám mục toàn cầu về việc có nên ban hành một định tín tín điều hay không. Sau khi nhận được sự đồng thuận gần như tuyệt đối, ngài đã long trọng tuyên bố vào ngày 1 tháng 11 năm 1950 :

«Chúng tôi khẳng định, tuyên bố và xác định như một tín điều được Thiên Chúa mặc khải rằng Đức

Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, Mẹ Thiên Chúa, Đấng Trọn Đồi Đồng Trinh, sau khi hoàn tất hành trình trần thế, đã được đưa cả hồn lẫn xác về vinh quang thiên quốc.» Trong Tông hiến kèm theo bản định tín, Đức Giáo hoàng nhấn mạnh mối liên hệ giữa Đức Maria với Con Mẹ là Đức Kitô Cứu Thế vinh hiển. Hiện diện dưới chân Thập Giá, Đức Maria cũng hiện diện trong vinh quang của Con Mẹ, Mẹ là người đầu tiên được tham dự trọn vẹn vào mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Do đó, việc Đức Mẹ Lên Trời mang ý nghĩa phổ quát sâu xa, vì là hoa quả đầu mùa của sự biến đổi vinh hiển dành cho toàn thể nhân loại được Đức Kitô cứu chuộc.

Công đồng Vatican II đã lặp lại tuyên bố của Đức Piô XII, nhưng nhấn mạnh hơn tầm mức giáo hội của tín điều này. Đức Maria được đưa lên trời vì đã hoàn thành sứ mạng phục vụ Đức Kitô và Giáo Hội sơ khai. Như thế, Mẹ hoàn toàn hiệp nhất với Người Con chiến thắng tội lỗi và sự chết, như Thánh Phaolô nói, là Trưởng Tử giữa đàn em đông đúc. Trên thiên quốc, Mẹ đại diện và khai mở Tin Mừng trong sự viên mãn vinh quang. Cùng với Giáo Hội, Mẹ mời gọi tín hữu bước theo Đức Kitô và kết hợp với hy tế của Người, nhờ đó họ lớn lên trong tình yêu Chúa Cha. Sau khi được đưa về trời, vai trò của Mẹ không chấm dứt : qua lời chuyển cầu không ngừng, Mẹ tiếp tục ban phát các ân sủng đem lại ơn cứu

độ.

Như vậy, Đức Maria hiện lên như người đi đầu trong sự hiệp thông các thánh, bởi Mẹ không đứng ngoài Dân Thiên Chúa nhưng hiện diện trong lòng Dân Chúa và cùng với Dân Chúa. Khi đoàn lữ hành trần thế còn đang bước đi, Mẹ đã về tới đích, nhưng Mẹ không ngừng dẫn dắt những ai chạy đến cùng Mẹ. Đối với toàn thể Giáo Hội, trong mầu nhiệm cao sâu của mình và vượt xa mọi ranh giới hữu hình, Mẹ trở thành dấu chỉ vững vàng của niềm hy vọng giữa những khó khăn đời thường, cùng nguồn sức mạnh trên hành trình nhân loại tiến về Thành Đô Thiên Quốc, nơi Thiên Chúa sẽ là mọi sự trong mọi người. Phải chăng lời kính kính Đức Trinh Nữ vẫn luôn là dấu chỉ sau cùng của đức tin vào Thiên Chúa nơi biết bao người nghèo khổ trong cơn cùng quẫn ?

Trong Thông điệp «Mẹ Đáng Cứu Chuộc», Đức Gioan Phaolô II, hoàn toàn theo tinh thần Công đồng, nhấn mạnh rằng nơi mầu nhiệm Đức Mẹ Lên Trời, mọi hiệu quả của sự trung gian duy nhất nơi Đức Kitô, Đáng Cứu Chuộc trần gian và Chúa Phục Sinh, đã được thể hiện trọn vẹn nơi Đức Maria, vì mọi người sẽ được sống lại trong Đức Kitô khi Người quang lâm. Đức Maria đã tự xưng là «nữ tỳ của Chúa» ; Mẹ đã trung thành với danh xưng ấy suốt cuộc đời trần thế, nên đã được đưa

cả hồn xác về vinh quang thiên quốc và được Chúa tôn vinh làm Nữ Vương Vũ Trụ. Mẹ đạt tới tình trạng tự do vương giả ấy, vì theo gương Đức Kitô, phục vụ chính là hiển trị. Vì thế, vinh quang của sự phục vụ nơi Mẹ không hề chấm dứt : về trời, Mẹ thi hành nơi Con Mẹ vai trò trung gian mẫu tử, dĩ nhiên luôn lệ thuộc vào sự trung gian cứu độ duy nhất của Đức Kitô Cứu Thế. Đức Maria như được bao bọc trong sự hiệp thông các thánh, và sự kết hợp với Con Mẹ trên trời hoàn toàn hướng tới việc thiết lập trọn vẹn Nước Thiên Chúa, cho đến khi mọi sự được quy tụ trong Đức Kitô.

Hành hương và hiện ra

Ngay từ sớm, các Kitô hữu đã có truyền thống hành hương. Cuộc hành hương đầu tiên chính là việc các phụ nữ thánh thiện đến thăm mộ Chúa vào sáng Phục Sinh. Ngay từ buổi sơ khai của Giáo Hội, bất chấp khó khăn giao thông và hiểm nguy đường xa, người ta đã khao khát viếng thăm những nơi Chúa Kitô từng sống.

Liệu ước muốn tìm lại dấu tích lịch sử trần thế của Chúa Giêsu có phù hợp với lời Người khi xưa tiên báo về việc thờ phượng trong tinh thần và chân lý, không bị ràng buộc vào nơi chốn đặc biệt như Đền Thờ Giêrusalem ? Dường như những người hành hương đầu tiên, những người mong ước được nhìn thấy vùng đất

đã được thánh hiến bởi sự hiện diện cụ thể bằng xương bằng thịt của Chúa Giêsu, đã không đặt ra câu hỏi này. Bởi lẽ Chúa Giêsu đã sống kiếp phàm nhân tại một miền đất cụ thể mà Người yêu mến và đã chịu khổ nạn, nên một cách rất tự nhiên, người ta đã tìm kiếm ký ức về Người và những dấu tích nơi Người đi qua. Trước hết, họ tôn kính nơi Người qua đời, và rất sớm, cuộc hành hương lên Núi Sọ đã phát triển rộng rãi. Khi những cuộc bách hại chấm dứt, người ta cố gắng xác định vị trí tất cả những sự kiện trong cuộc đời Người, phải thừa nhận rằng, với nhiều sự ngây thơ và cả tin hơn là óc phê phán.

Những Kitô hữu tiên khởi cũng thích đến những nơi các vị tử đạo đã đổ máu mình, đặc biệt tại Rôma, bên cạnh mộ hai thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, nơi mà vào khoảng năm 330, hoàng đế Constantinô đã cho xây dựng những vương cung thánh đường đồ sộ.

Trong phong trào như thế, Mẹ của Chúa Giêsu không thể bị lãng quên. Tại Giêrusalem vào thế kỷ VI, thánh Gioan Damascênô đã ca ngợi thánh Anna và thánh Gioakim trong vương cung thánh đường Giáng Sinh của Đức Maria, mà người ta khẳng định đã được xây dựng trên nền nhà của song thân Người. Tại Êphêsô, người ta chỉ cho nhau thấy ngôi nhà nơi Mẹ đã kết thúc

cuộc đời trần thế bên cạnh thánh Gioan, và một cuộc hành hương đã được thiết lập ở đó, kéo dài cho đến khi thành phố bị tàn phá.

Ở phương Tây, các đền thờ kính Đức Maria ngày càng nhiều. Gương sáng của Đức Giáo Hoàng Sixtô III sau Công đồng Êphêso, khi ngài dâng hiến vương cung thánh đường lớn Santa Maria Maggiore tại Rôma cho Mẹ Thiên Chúa, đã được noi theo rộng rãi. Đến thế kỷ XIII, nhiều nhà thờ chính tòa lớn được đặt dưới sự bảo trợ của Đức Bà. Các hiệp sĩ Thập tự và những lữ khách đã mang về từ phương Đông vô số thánh tích, trong đó có một số được cho là của Đức Mẹ, như mảnh khăn che mặt của Người được tôn kính tại Chartres. Nhưng niềm tin vào việc Đức Trinh Nữ Maria được đưa về trời đã điều hòa đáng kể lòng sùng mộ đôi khi quá ngây thơ và không phải lúc nào cũng thoát khỏi mê tín. Thường thì các cuộc hành hương được tổ chức xung quanh tượng ảnh Đức Mẹ ; Mẹ Thiên Chúa được tin rằng đã thực hiện nhiều phép lạ và chữa lành cho những ai cầu nguyện trước hình ảnh của Mẹ, những hình ảnh đôi khi được đặt trong những công trình nguy nga, như Đức Bà L'Épine hay Rocamadour. Nhiều tên gọi của các đền thánh cổ xưa nhắc nhớ những nơi cầu nguyện và phó thác vào Mẹ Maria : Đức Bà các Nhân Đức, Đức Bà Giải Thoát, Đức Bà An Ủi, Đức Bà Ban Lời Khôn

Ngoan, Đức Bà Bảo Vệ, v.v.

Ở phương Đông, thái độ tôn kính sâu xa được bày tỏ trước các thánh ảnh, được vẽ với lòng tôn nghiêm và được tôn vinh như mang trong mình sự hiện diện nhiệm mầu của Đức Kitô cùng các thánh mà chúng diễn tả. Do đó, một thánh ảnh Đức Mẹ không chỉ là một bức tranh, mà là một dấu chỉ thánh thiêng, gần như bí tích, biểu lộ sự quan phòng của Mẹ Thiên Chúa đối với con cái mình. Một số thánh ảnh đã trở nên nổi tiếng, như ảnh Đức Mẹ Kazan và Vladimir tại Nga.

Vào thời Trung Cổ, lòng đạo đức bình dân hướng về Đức Trinh Nữ Maria, thường được cổ vũ bởi lòng sùng kính bình dân đối với Đức Trinh Nữ Maria, thường được các giám mục và giáo sĩ khuyến khích, đã phát triển khắp nơi, đôi khi không tránh khỏi một số cực đoan khiến các nhà cải cách Tin Lành thế kỷ XVI phản nộ, vội vã gọi các tượng Đức Mẹ và các thánh là ngẫu tượng. Tuy nhiên, phong trào hành hương không hề dừng lại, cả ở phương Tây lẫn phương Đông. Chẳng hạn, tại Ba Lan, ở Czestochowa, người ta vẫn không ngừng tôn kính tượng Đức Mẹ qua nhiều thế kỷ. Ở Nga, từ thế kỷ XVI, các cuộc hành hương đến Đức Mẹ Kazan chưa bao giờ hoàn toàn gián đoạn dù trải qua những cơn bách hại. Các khách hành hương lên đường

Thánh Ảnh Đức Mẹ Vladimir

Gương mặt Mẹ diễn tả tình yêu mẫu tử, đôi mắt mở rộng hướng về cõi vô biên đồng thời như quay vào nội tâm. Chúng ta cảm thấy mình đang ở trong không gian bao la của Trái Tim Đức Trinh Nữ. Đó là lòng thương xót vô hạn như bầu trời (pokrov của Mẹ) trước đau khổ, một thực tế không thể tránh khỏi của kiếp nhân sinh, và cũng chính điều ấy đã làm nảy sinh Thập Giá, lời đáp duy nhất của Thiên Chúa chịu đau khổ cách khôn tả. Có thể nghe thấy tiếng kêu của vô số linh hồn đã vang lên trước thánh ảnh này qua bao thế kỷ. Đôi mắt Mẹ dõi theo số phận từng con người. Không gì làm gián đoạn ánh nhìn của Mẹ, không gì ngăn được nhịp đập của Trái Tim Mẫu Tử.

Paul Evdokimov, trích dẫn bởi B. Bobrinskoy
trong *Những Cuộc Hiện Ra Thật và Giả trong Giáo Hội*, Bellarmin/Lethielleux, 1976, tr. 121

với một cử chỉ đạo đức đưa họ ra khỏi thói quen thường ngày, đòi hỏi nơi họ sự hy sinh, giúp họ gặp gỡ anh chị em đồng đạo, và diễn tả lời cầu nguyện qua những hình thức mới mẻ. Các vị chủ chăn trong Giáo Hội nhân dịp này loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải cho đông

đảo quần chúng. Đôi khi, một số hình thức đạo đức có vẻ quá thiên về vật chất và cần được xem xét lại dưới ánh sáng giáo lý lành mạnh. Những khía cạnh thương mại khó kiểm soát thường gây phiền toái. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng nhiều đền thánh hành hương cũng chính là nơi đưa con người trở về với Thiên Chúa.

Thời cận đại, động lực thúc đẩy các cuộc hành hương thường bắt nguồn từ những lần Đức Trinh Nữ hiện ra với các thị nhân và trao cho họ sứ điệp. Thật ra, hiện tượng Đức Kitô, Đức Mẹ hay các thánh hiện ra cách nhiệm mầu hoặc siêu nhiên đã có từ lâu trong dân Chúa, đôi khi mang lại hậu quả quan trọng, như trường hợp Thánh Jeanne d'Arc với những tiếng nói từ trời. Tuy nhiên, dường như trước đây những lần hiện ra ấy thường không dẫn đến việc hình thành các trung tâm hành hương như thời gian gần đây. Có lẽ sự kiện xưa nhất thuộc loại này mà chúng ta còn ghi nhận được chính là lần Đức Mẹ hiện ra với một nông dân nghèo khổ người da đỏ tại Mêxicô năm 1531, khởi nguồn cho cuộc hành hương Đức Mẹ Guadalupe.

Tại sao những lần Đức Mẹ hiện ra dường như trở nên thường xuyên hơn từ thế kỷ XIX ? Có lẽ không phải vậy, nhưng ngày nay chúng ta có những phương tiện truyền thông mạnh mẽ hơn hẳn thời cha ông. Cũng có

thể thời đại chúng ta, bị bao vây bởi làn sóng vô thần và thờ ơ tôn giáo, cần đến những dấu chỉ hữu hình từ trời cao hơn ? Việc chấp nhận những sự kiện như thế trong Giáo Hội không phải là điều đương nhiên. Các nhà thần học thường có khuynh hướng xem nhẹ các cuộc hiện ra vì hai lý do : trước hết, họ biết rằng Mạc Khải đã hoàn tất và công việc của họ phải dựa trên duy nhất Kinh Thánh, Truyền Thống và giáo huấn của Huấn Quyền; thứ đến, họ dè dặt trước những sứ điệp thiếu chiều sâu giáo lý thường thấy trong các lần hiện ra. ⁸ Còn lòng nhiệt thành của khách hành hương chưa bao giờ là bằng chứng về tính xác thực của một cuộc hiện ra. Sau cùng, chính Đấng Bản Quyền địa phương có thẩm quyền cho phép các hình thức tôn kính tại nơi Đức Mẹ hiện ra. Khi nhìn lại lịch sử Lộ Đức, ta thấy các vị chủ chăn đương thời đã chu toàn bốn phận thận trọng, dù thông điệp của Bernadette Soubirous toát lên sự giản dị đậm chất Tin Mừng cùng lòng chân thành hiển nhiên. Sự thận trọng chính đáng này không ngăn cản cuộc hành hương phát triển, để rồi trở thành có lẽ là nơi cầu nguyện lớn nhất thế giới. Đáng tiếc là nhiều tín hữu tỏ ra thiếu kiên nhẫn trước những hiện tượng gần đây hơn, khi hàng giáo phẩm chưa có phán quyết, hoặc thậm chí đã bác bỏ

8 xem R. Laurentin, *Khảo Luận Vấn Tắc về Thần Học Đức Maria*, sđd, tr. 156

Các Cuộc Hiện Ra trong Truyền Thống Chính Thống Giáo

Từ Blachernes ở Constantinople đến Pontmain tại Mayenne, qua các thánh địa Radonège hay Sarov, có một sự hiệp nhất sâu xa xuyên suốt các thế kỷ trong các lần Đức Maria biểu lộ tình Mẫu Tử và quyền năng chuyển cầu trước Con Thiên Chúa, cùng những sứ điệp về cầu nguyện, sám hối và thánh thiện mà Mẹ truyền đạt.

Các lần hiện ra và thánh ảnh Đức Mẹ đều có chung sứ mệnh nhắc nhở con người về tình thương dịu hiền của Người Mẹ Thiên Quốc ; đưa họ trở về với đức tin và lòng nhiệt thành với Đức Kitô ; biểu lộ và làm cảm nhận được sự tuôn đổ dồi dào của Chúa Thánh Thần ; từ đó chạm đến những chiều sâu thẳm nhất và khôn tả nhất của đức tin, đức cậy và đức mến trong tâm hồn con người, nơi thâm sâu của tâm hồn, chốn hình thành nên thánh ảnh và là nơi ân sủng ngự trị.

Vậy cùng đích của cả những lần hiện ra lẫn thánh ảnh chính là dẫn đưa con người cùng lúc đến với hồng ân Chúa Thánh Thần, cảm nghiệm được hương vị ngọt ngào của đời sống cầu nguyện, và thấu hiểu mầu nhiệm Đức Giêsu hiện diện mãi luôn trong ta.

B. Bobrinskoy, Giáo sư

Viện Thần học Chính Thống Paris,

trong tác phẩm *Những Cuộc Hiện Ra Thật và Giả trong Giáo Hội* đã dẫn, tr. 121

vì cho rằng chúng mang dấu vết của sự giả dối, nếu không phải là ảo tưởng và lệch lạc giáo lý. Thật đáng buồn khi sự ham chuộng điều lạ lùng đôi khi có nguy cơ thay thế tính vững chắc và nghiêm túc của đức tin chân chính. Xem quả thì biết cây, và cần thời gian để hoa trái được hình thành.

Tuy nhiên, các lần Đức Trinh Nữ hiện ra đều mang một ý nghĩa trong Giáo Hội. Có thể nói Bernadette Soubirous đã lãnh nhận một «đặc sủng,» một hồng ân thiêng liêng để phục vụ Giáo Hội. Đây không chỉ là mặc khải riêng tư, mà đúng hơn là một lời kêu gọi công khai nhằm đánh thức và canh tân Dân Chúa. Cuộc hiện ra của Đức Mẹ tại Lộ Đức đã làm sống động cách mới mẻ và bất ngờ sứ điệp sám hối của Tin Mừng. Tại Lộ Đức, cả Đức Mẹ lẫn Bernadette đều không nói điều gì chưa từng được Chúa Giêsu công bố : lời mời gọi hoán cải và cầu nguyện, sự ưu ái dành cho những người nghèo khó nhất, lòng thương xót đối với tội nhân. Và những ơn lành ấy chính là dấu chỉ, tựa như những điều Chúa Giêsu đã thực hiện xưa kia. Ý nghĩa của biến cố

Lộ Đức là dấu chỉ ân sủng được ban cho những ai sẵn lòng đón nhận, chứ không ép buộc bất cứ ai. Trước thói quen duy lý và lối đạo đức hình thức của nhiều tín hữu thời bấy giờ, Bernadette, cô bé nghèo khó, đã lãnh nhận từ Đức Mẹ một sứ mạng ngôn sứ mà có lẽ chính em, trong sự đơn sơ và khiêm hạ, cũng không ý thức đầy đủ. Thế nhưng, trên thực tế, em đã nhắc nhở về chỗ đứng ưu tiên của người nghèo và bệnh nhân, cùng sự khẩn thiết phải nhận mình là tội nhân, chỉ được cứu độ nhờ lòng thương xót của Đức Kitô.

Phần lớn, các vị hữu trách trong Giáo Hội thường tỏ ra dè dặt trước những ai tự nhận được Đức Trinh Nữ truyền đạt sứ điệp. Tuy nhiên, sau những cuộc điều tra dài ngắn khác nhau, Giáo Hội không chỉ cho phép mà còn khuyến khích rõ ràng các cuộc hành hương cùng những hình thức cầu nguyện và tôn kính tại một số nơi Đức Mẹ hiện ra. Liệu có nên tiếp tục khẳng định như xưa nay rằng những sự kiện này không liên quan gì đến đức tin của người tín hữu, và mỗi người hoàn toàn tự do tin theo hay không ? Điều này dường như không còn phù hợp, và đã khơi lên cuộc tranh luận thần học chưa ngã ngũ. Trong vài trường hợp, Giáo Hội đã long trọng xác nhận, đưa ra những bảo đảm và phê chuẩn chính thức về nội dung cốt yếu, về chính sự kiện và nội dung của mặc khải riêng tư, đặc biệt tại Lộ Đức

và một phần tại Fatima ⁹. Như năm 1958, Đức Gioan XXIII, bằng quyền giáo huấn tối cao trong Giáo Hội, đã khuyên nhủ mọi tín hữu hãy lắng nghe với tâm hồn đơn thành và tinh thần ngay thẳng những lời cảnh tỉnh cứu rỗi của Mẹ Thiên Chúa được truyền đạt tại Lộ Đức qua thị nhân Bernadette.

Thực vậy, Lộ Đức, Fatima, La Salette đã trở thành phần đời sống Giáo Hội như Czestochowa, Guadalupe, Kazan và Vladimir. Thật là kiêu căng nếu người Công giáo khước từ hay coi thường những nơi này, cũng như thật thiếu tinh thần hiệp thông khi từ chối đọc một *Kinh Kính Mừng* tại biết bao đền thờ nhỏ bé khắp thành thị lẫn thôn quê, nơi qua bao thế kỷ, các tín hữu vẫn đến cầu khẩn Mẹ Chúa Giêsu chuyển cầu cùng Con Mẹ.

Kinh Kính Mừng : Lời nguyện dâng Mẹ Maria

Ngay từ thế kỷ III và IV, như đã nói, phụng vụ Kitô giáo đã đón nhận các lễ kính Đức Maria. Những lời cầu nguyện của Kitô hữu trước hết luôn hướng về Thiên Chúa Cha, Con Một Người là Đức Giêsu Kitô và Chúa Thánh Thần. Thế nhưng, các tín hữu vẫn không ngần ngại cầu khẩn sự chuyển cầu của Đức Maria, các thánh Tông Đồ, các thánh Tử Đạo cùng toàn thể các thánh.

9 R. LAURENTIN, *Những cuộc hiện ra thật và giả trong Giáo Hội*, Bellarmin - Lethielleux, 1976, tr. 182.

Ngay từ rất sớm, có lẽ từ thế kỷ III, người ta đã hướng về Mẹ Maria bằng cách dùng lại lời thiên thần chào trong sự kiện Truyền Tin : *Khairé, Ave, Kính chào* và thêm tên Maria vào. Về sau, người ta ghép thêm những lời khác trong lời chào của thiên thần, rồi những lời đầu tiên của bà Êlisabét trong cuộc Thăm Viếng. Các nhà giảng thuyết đã không ngại thêm dệt trên nền tảng Tin Mừng này để diễn tả lòng ngưỡng mộ và lời ca tụng của mình. Như thánh Grêgôriô thành Nyssa khoảng năm 380, nhân dịp lễ Truyền Tin, đã trực tiếp ngỏ lời với Đức Maria :

«Phải, Mẹ thật có phúc hơn mọi người nữ,
vì giữa muôn nghìn nữ, Mẹ đã được chọn,
vì Mẹ đã được xét đáng cưu mang một Đấng Chúa
như thế,

vì Mẹ đã đón nhận Đấng vốn tràn đầy mọi sự...

Vì Mẹ đã trở nên kho tàng chứa viên ngọc thiêng
liêng ¹⁰.»

Ở phương Đông, lời ca tụng Đức Maria đã đạt tới hình thức vừa trang trọng vừa tuyệt mỹ qua bài thánh thi Akathistos. Áng thi ca vĩ đại này, không rõ tác giả, đã được soạn vào thế kỷ VII hoặc VIII; bài thánh thi này

10 Xem René LAURENTIN, *Kính Mừng Maria*, NXB Desclée De Brouwer, 1990, tr. 17.

vẫn được phụng vụ Hy Lạp sử dụng, gồm hai mươi bốn khổ thơ, mỗi khổ bắt đầu bằng một chữ cái trong bảng chữ Hy Lạp và kết thúc bằng lời mời gọi vui mừng: Hãy vui lên, hỡi Hiền Thân không cưới hỏi. Toàn bộ màu nhiệm về Đức Maria được ca ngợi như thế, trước hết theo trình thuật Tin Mừng, sau đó diễn tả trọn vẹn đức tin của Giáo Hội.

Tại phương Tây, trong các đan viện, đặc biệt giữa vô số đệ tử giáo dân của các đại tu viện Biển Đức phát triển mạnh từ thế kỷ VI, người ta thích lặp lại lời chào của thiên thần. Các đệ tử giáo dân không biết đọc, nên trong khi hàng giáo sĩ hát thánh vịnh và thánh thi phụng vụ, họ đọc *Kinh Lạy Cha* và *Kinh Kính Mừng*. Song song với 150 thánh vịnh, họ có thói quen đếm bằng các nút thừng, rồi bằng chuỗi hạt gỗ, cùng số lượng *Kinh Lạy Cha* hoặc *Kinh Kính Mừng*. Hình thức cầu nguyện này dần lan sang giáo dân. Việc lặp lại Kinh Lạy Cha dần mai một, trừ trong vài dòng tu, trong khi Kinh Kính Mừng ngày càng phát triển và được bổ sung nhiều cách. Từ thế kỷ XV xuất hiện nửa sau Kinh Kính Mừng : Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội. Công thức chúng ta biết ngày nay được Đức Thánh Piô V ấn định bằng tiếng Latinh năm 1568.

Kinh Kính Mừng

Ave Maria,	Kính mừng Maria
gratia plena,	đầy ơn phúc,
Dominus tecum;	Chúa ở cùng Bà;
benedicta tu	Bà có phúc lạ
in mulieribus,	hơn mọi người nữ,
et benedictus	và Giêsu
fructus ventris tui Jesus.	Con lòng Bà gồm phúc lạ.

Sancta Maria,	Thánh Maria
Mater Dei,	Đức Mẹ Chúa Trời,
ora pro nobis,	cầu cho chúng con
peccatoribus, nunc	là kẻ có tội,
et in hora mortis nostrae.	khi nay và trong giờ lâm tử.
Amen.	Amen.

Phần đầu của lời nguyện phổ biến nhất dâng lên Đức Maria được trích từ sách Tin Mừng theo thánh Luca. Lời kinh bắt đầu bằng câu chào của thiên thần trong biến cố Truyền Tin, và được bổ sung bằng lời chào mừng của bà Êlisabét khi Đức Maria đến thăm.

Gần đây có đề xuất một phiên bản Kinh Kính Mừng sát với nguyên bản Hy Lạp và Latinh hơn :

«Vui lên đi, hỡi Maria,
đầy tràn ân sủng,
Chúa ở cùng Bà,
Bà được chúc phúc giữa muôn người nữ,
và Giêsu, con lòng Bà, được chúc phúc.
Thánh Maria, Mẹ Thiên Chúa,
cầu cho chúng con là kẻ có tội.»

Bản dịch tiếng Pháp với cụm từ những kẻ tội lỗi «khốn khổ» chỉ được phổ biến rộng rãi từ đầu thế kỷ XIX.

Tại nhiều vùng, đặc biệt trong tháng Năm, từ thời Trung Cổ đã được dành cho các việc sùng kính Đức Mẹ theo lòng đạo đức bình dân, người ta thường đội vòng hoa hồng, biểu tượng của niềm vui và sự thanh khiết nhưng cũng mang ý nghĩa đau khổ vì gai nhọn, lên tượng Đức Trinh Nữ Maria. Dần dần, người ta gọi kinh nguyện lặp lại này là chuỗi Mân Côi (vòng hoa hồng) như dâng lên Mẹ một bó hoa thiêng. Nhiều truyền thuyết phổ biến cho rằng thánh Đa Minh (qua đời năm 1221) là người khởi xướng Kinh Mân Côi do chính Đức Mẹ trao ban. Có thể thánh nhân đã khuyến khích việc cầu nguyện với Đức Mẹ trong cuộc tranh luận với phái Cathares, những người chối bỏ màu nhiệm Nhập Thể, nhưng phải thừa nhận rằng chúng ta không có bằng chứng xác thực nào

hơn, và việc thiết lập cùng phổ biến Kinh Mân Côi thực sự chỉ xuất hiện muộn hơn nhiều.

Giữa thế kỷ XIV, các tu sĩ Dòng Carthusian người Đức, những bậc thầy về chiêm niệm, đã kết hợp việc lặp lại chậm rãi và suy gẫm Kinh Kính Mừng với việc nhớ lại các mẫu nhiệm cuộc đời Chúa, đặt mỗi chục kinh giữa *Kinh Lay Cha* và lời ngợi khen Chúa Ba Ngôi *Sáng danh Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần*. Cùng tinh thần ấy, các tu sĩ Dòng Phanxicô phổ biến Vòng hoa bảy sự vui Đức Mẹ, các tu sĩ Dòng Tô-tô Đức Mẹ truyền bá Chuỗi bảy sự thương khó, các tu sĩ Dòng Camaldoli triều thiên của Đức Chúa chúng ta. Một linh mục Dòng Đa Minh có lòng nhiệt thành tông đồ mãnh liệt và gắn bó mật thiết về mặt thiêng liêng lẫn tình bạn với các tu sĩ Dòng Carthusian vùng Rhein, chân phước Alain de la Roche (+1478), đã rao giảng thành công hình thức cầu nguyện này tại vùng Flandres và Bretagne. Tiếp nối ngài, các tu sĩ Dòng Đa Minh trở thành những người nhiệt thành truyền bá kinh Mân Côi. Năm 1572, Đức Giáo Hoàng Piô V thuộc Dòng Đa Minh đã ấn định cách sắp xếp 15 mẫu nhiệm như hiện nay và chính thức khuyến khích toàn thể Giáo Hội đọc kinh Mân Côi. Ngài xem đây là phương cách đơn giản và phổ thông để chống lại sự lan rộng của phong trào Cải cách Tin Lành.

Mười Lăm Mẫu Nhiệm Mân Côi

Mầu nhiệm Vui : Qua Đức Mẹ, Thiên Chúa ban Đấng Cứu Độ cho nhân loại.

- 1 - Truyền Tin : Thiên Thần báo tin cho Đức Maria.
- 2 - Thăm Viếng : Đức Maria viếng thăm bà Êlisabét.
- 3 - Giáng Sinh : Chúa Giêsu sinh bởi Đức Trinh Nữ

Maria.

4 - Dâng Con trong Đền Thánh : Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu cho Thiên Chúa.

5 - Tìm được Chúa trong Đền Thánh : Đức Mẹ tìm thấy Chúa Giêsu nơi Đền Thờ.

Mầu nhiệm Thương : Đức Mẹ cùng chịu khổ với Con.

1 - Hấp Hối : Chúa Giêsu hấp hối trong vườn Cây Dầu.

2 - Đánh Đòn : Chúa Giêsu bị đánh đòn theo lệnh Philatô.

3 - Đội Mão Gai : Chúa Giêsu bị đội mão gai nhạo cười.

4 - Vác Thánh Giá : Chúa Giêsu vác thập giá lên núi Sọ.

5 - Chịu Đóng Đinh : Chúa Giêsu chịu chết trên thập giá.

Mầu nhiệm Mừng : Đức Mẹ chia sẻ vinh quang Đấng Phục Sinh.

1 - Phục Sinh : Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết.

2 - Lên Trời : Chúa Giêsu về trời ngự bên hữu Chúa Cha.

3 - Hiện Xuống : Đức Mẹ cùng các Tông Đồ đón nhận Chúa Thánh Thần.

4 - Đức Mẹ Lên Trời : Chúa Giêsu đưa Đức Mẹ về trời trong vinh quang.

5 - Đức Mẹ Làm Nữ Vương : Đức Maria trên trời tiếp tục chuyển cầu.

Vào thế kỷ XVII, khắp miền Tây nước Pháp, một nhà giảng thuyết lưu động với phong cách không theo lối mòn, thánh Louis Marie Grignon de Montfort, đã gây ảnh hưởng sâu rộng kéo dài cho đến ngày nay. Ngài kết hợp lòng sùng kính Đức Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể và là Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa, với lòng tôn sùng Đức Maria như mẫu gương của đời sống nội tâm thánh thiện, dịu dàng, kiên trì và vô vị lợi. Ngài đề nghị các tín hữu hiến dâng mình cho Chúa Giêsu qua Đức Maria trong «tình trạng nô lệ thánh thiện vì yêu mến». Ngài tuyên bố : «Điều cốt yếu của lòng sùng kính này hệ tại việc thực hiện mọi hành động cùng với Đức Maria,

nghĩa là lấy Đức Trinh Nữ làm mẫu mực hoàn hảo để noi theo.» Trong một trăm năm mươi năm qua, tác phẩm nổi tiếng của ngài, *Khảo Luận về Lòng Sùng Kính Đức Thực Đối với Đức Trinh Nữ Maria*, không ngừng được tái bản với vô số bản dịch, sau khi được tìm thấy vào năm 1842 sau một thời gian dài bị lãng quên. Dù văn phong có phần cổ xưa, tác phẩm này vẫn thu hút hàng triệu độc giả nhiệt thành, trong đó có chính Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Tại Ý vào thế kỷ sau, thánh Anphongsô Maria Liguori (1696-1787), sáng lập Dòng Chúa Cứu Thế, đã không mệt mỏi rao giảng lòng thương xót Chúa cho những người nông dân nghèo khó và giới bình dân. Là một nhà thần học luân lý nổi tiếng, ngài đã dành 16 năm để biên soạn tác phẩm quan trọng nhất, *Vinh Quang Đức Maria*. Trong đó, ngài nhấn mạnh đến vai trò trung gian phổ quát của Đức Mẹ, đồng thời làm rõ đây là sự chuyển cầu ân sủng chứ không phải công nghiệp cứu chuộc như Đức Kitô : «Dĩ nhiên, mọi ơn Mẹ ban đều nhờ công nghiệp Chúa Giêsu Kitô và vì Mẹ đã cầu xin nhân danh Người ; nhưng cũng thật chắc chắn rằng khi chúng ta kêu xin ơn lành, chúng ta chỉ nhận được nhờ lời chuyển cầu của Mẹ.» Tác phẩm *Vinh Quang Đức Maria* đã đạt được thành công vang dội và trở thành nguồn cảm hứng cho các bài giảng về Đức Mẹ suốt thế

kỷ XIX. Số lần tái bản và dịch thuật lên tới hơn 800 lần kể từ năm 1750. Ngày nay, văn phong của sách có phần khó tiếp cận, và những tiến bộ trong nghiên cứu Kinh Thánh đòi hỏi thận trọng hơn với một số cách giải thích của thánh nhân.

Trong thời hiện đại, cần nhắc đến Tông thư của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI về việc *Tôn sùng Đức Maria*, năm 1974. Trong văn kiện này, Đức Thánh Cha đã trình bày vị trí của Đức Trinh Nữ Maria trong phụng vụ. Ngài nhấn mạnh rằng cuộc cải cách theo tinh thần Công đồng Vatican II, bằng việc triển khai mầu nhiệm Đức Kitô trọn năm phụng vụ, từ mầu nhiệm Nhập Thể cho đến ngày Người lại đến trong vinh quang, đã giúp kính nhớ người Mẹ cách mật thiết hơn trong chu kỳ các mầu nhiệm của Con Mẹ. Đức Maria được tôn vinh là Trinh Nữ lắng nghe Lời Chúa với đức tin, Trinh Nữ cầu nguyện, Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa, mẫu gương cho sự sinh sôi của Giáo Hội, Trinh Nữ dâng hiến với lòng mến nồng nàn và đức tin vững vàng. Cuối thư, Đức Thánh Cha nhắc đến hai hình thức cầu nguyện với Đức Mẹ : Kinh Truyền Tin và Kinh Mân Côi.

Kinh Truyền Tin hình thành dần từ thế kỷ XIII, gồm ba Kinh Kính Mừng đọc vào sáng, trưa và tối, cùng với ba câu Kinh Thánh nhắc lại mầu nhiệm Nhập Thể của

Con Thiên Chúa, và kết thúc bằng lời nguyện xin Chúa Cha dẫn đưa chúng ta nhờ cuộc khổ nạn và thập giá của Con Ngài tới vinh quang phục sinh. Đức Phaolô VI nhận xét rằng chiều kích mầu nhiệm Vượt Qua đã giúp kinh nguyện này trải qua bao thế kỷ vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống tươi mới. Ngài mong ước các tín hữu, ngay giữa bận bịu công việc, vẫn nhận ra lời mời gọi dừng lại để cầu nguyện, bất chấp những đổi thay của thời đại.

Đức Thánh Cha nhắc lại ý nghĩa chân chính của việc lần hạt Mân Côi, «lời kinh mang tính Tin Mừng, quy hướng về mầu nhiệm Nhập Thể cứu độ». Ngài nhấn mạnh yếu tố chiêm niệm : «Không có sự chiêm niệm, Mân Côi chỉ như thân xác không hồn, và việc đọc kinh có nguy cơ trở thành sự lặp lại máy móc những công thức, đi ngược lại lời cảnh báo của Chúa Giêsu : ‘Khi cầu nguyện, anh em đừng làm nhai như dân ngoại ; họ nghĩ rằng cứ nói nhiều là được nhận lời’ (Mt 6, 7). Bản chất của Kinh Mân Côi đòi hỏi nhịp điệu thư thái và thời gian suy gẫm, để người đọc có thể thấm nhuần các mầu nhiệm cuộc đời Chúa...» Cuối thư, Đức Thánh Cha khích lệ mạnh mẽ việc lần hạt chung trong gia đình, tế bào của Giáo Hội, nơi việc cầu nguyện chung cần được duy trì.

Ngài kết luận bằng lời kêu gọi về sự điều độ khôn ngoan, có giá trị không chỉ với Kinh Mân Côi mà mọi hình thức sùng kính Đức Mẹ : «Chúng tôi muốn khuyến nghị rằng khi phổ biến lòng sùng kính đạo đức này, cần giữ đúng mức độ, không trình bày nó với thái độ độc tôn không thích hợp : Mân Côi là lời kinh tuyệt hảo, nhưng tín hữu phải cảm thấy tự do cách thanh thản, được mời gọi đọc kinh trong sự bình an, bởi vẻ đẹp nội tại của chính lời kinh.»

Trong Thông điệp *Mẹ Đáng Cứu Thế*, Đức Thánh Cha không trực tiếp bàn về việc cầu nguyện cùng Đức Maria, nhưng tư tưởng ấy thấm sâu trong toàn bộ nội dung. Khi đề cập đến «Bài *Magnificat* của Giáo Hội lữ hành», ngài khẳng định rằng Giáo Hội, giữa muôn thử thách và gian nan, vẫn tiến bước trong sứ mạng loan báo thập giá và sự chết của Chúa cho tới ngày Người lại đến. Giáo Hội được nâng đỡ bởi ân sủng Thiên Chúa, và Mẹ Thiên Chúa luôn hiện diện trong hành trình đức tin của Dân Chúa hướng về ánh sáng. Bài ca *Magnificat* chính là chứng từ đặc biệt cho điều này. Xuất phát từ chiều sâu đức tin của Đức Maria trong sự kiện Thăm Viếng, bài ca này vang vọng không ngừng trong tâm hồn Giáo Hội qua các thế kỷ, được lặp lại mỗi ngày trong phụng vụ Kinh Chiều cùng nhiều hình thức cầu nguyện cá nhân và cộng đoàn khác.

Đức Gioan Phaolô II kết thúc bằng cách đón nhận trọn vẹn lời kết của chương VIII Hiến chế Ánh Sáng Muôn Dân (số 69) của Công đồng Vatican II về Đức Maria, một đoạn văn tuyệt đẹp cũng xứng đáng làm lời kết cho cuốn sách nhỏ này :

«Mọi tín hữu hãy dâng lên Mẹ Thiên Chúa và Mẹ nhân loại những lời khẩn nguyện thiết tha. Mẹ đã phụ trợ Giáo Hội sơ khai bằng lời chuyển cầu. Giờ đây, được tôn vinh trên trời cao, vượt trên mọi thần thánh và thiên thần, Mẹ vẫn không ngừng chuyển cầu cùng Con Mẹ trong sự hiệp thông với toàn thể các thánh. Mẹ cầu bầu cho mọi gia đình nhân loại, dù đã được mang danh hiệu cao quý là Kitô hữu hay chưa nhận biết Đáng Cứu Độ. Mẹ sẽ không ngừng chuyển cầu cho tới khi muôn dân được sum họp trong an bình và hiệp nhất, thành một Dân Chúa duy nhất, để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi chí thánh và bất khả phân.»

III

TUYỂN TẬP VĂN BẢN

Trong Thình Lặng của Thiên Chúa

Đâu là *người khôn ngoan* ? Đâu là *nhà hùng biện* ? Đâu là vẻ kiêu căng của những kẻ tự xưng là hiểu biết? Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô đã được cửu mang trong lòng Đức Trinh Nữ Maria theo nhiệm cục Thiên Chúa, bởi dòng dõi Đavít và quyền năng Chúa Thánh Thần. Người đã sinh ra và chịu phép rửa để thanh tẩy nước qua cuộc khổ nạn của Người.

Thủ lãnh thế gian đã không nhận biết sự đồng trinh của Đức Maria và việc Mẹ sinh con, cũng như *cái chết của Chúa* : ba mầu nhiệm vang dội đã được thực hiện trong thình lặng của Thiên Chúa. Vậy chúng đã được tỏ bày cho các thế hệ như thế nào ? Một vì sao đã xuất hiện trên trời sáng hơn mọi vì sao khác, khiến các nhà chiêm tinh bối rối, tự hỏi nguồn gốc của điều mới lạ khác thường này. Khi ấy mọi phù phép đều tiêu tan, mọi chthon gian tà bị hủy diệt. Sự mù quáng bị xua đuổi, và vương quốc xưa kia sụp đổ, khi Thiên Chúa tỏ mình ra trong hình hài con người để khai mở sự sống đời đời mới mẻ.

Thánh Ignatiô thành Antiochia (Tử đạo đầu thế kỷ II),

Thư gửi tín hữu Êphêô 18, 1-2,
«Nguồn Sống Kitô Giáo» 10, NXB Cerf, tr. 64-65

Kỳ Diệu Thay !

(Trích văn bản ngụy thư)

Tổng lãnh thiên thần Gabriel hiện ra uy nghiêm đầy quyền năng.

Vị cửu phẩm thiên thần cất tiếng chào Đức Trinh Nữ:

- Hỡi Trinh Nữ, xin hãy đón nhận Thiên Chúa vào lòng tinh tuyền của người.

Thiên Chúa thông ban ân sủng xuống Đức Trinh Nữ.

Nghe lời ấy, Mẹ bàng hoàng kinh hãi,

Tâm thần xao xuyến, tim đập rộn ràng trước lời chưa từng nghe.

Rồi Mẹ lấy lại bình an.

Tiếng thiên thần chữa lành tâm hồn Mẹ.

Nụ cười đồng trinh hé nở,

Đôi má ửng hồng.

Được niềm vui vượt ve, tâm hồn tràn đầy cung kính,
Mẹ vững dạ can trường.

Ngôi Lời bay vào cung lòng Mẹ.

Nhập thể làm người, được cứu mang trong dạ,

Người mặc lấy thân phận phạm nhân,

Thành Hài Nhi bởi cuộc sinh hạ đồng trinh:

Kỳ diệu thay cho nhân thế!
Nhưng chẳng lạ lòng với Chúa Cha và Chúa Con.
Đất nhảy mừng trước Hài Nhi mới sinh.
Ngai thiên quốc mỉm cười, vũ trụ rộn ràng.

Sấm ngôn Sibyl 8, 456-475, Cuối thế kỷ II
Trích dẫn bởi L. Laurentin trong *Maria Mẹ Thiên*
Chúa

NXB Desclée, 1984, trang 69

Thánh Thi Akathistos

Đức Trinh Nữ mang trong dạ Ngôi Lời Thiên Chúa,
vội vã đến nhà bà Êlisabét.

Vừa nghe lời chào của Mẹ,
hài nhi trong lòng bà liền nhảy mừng,
và qua những cử động như điệu múa ca,
đã tung hô Mẹ Thiên Chúa :

Kính chào hỡi cảnh nho tươi tốt !

Kính chào hỡi đất sinh quả trường sinh !

Kính chào hỡi người vun trồng Đấng Chấn Chiên
nhân lành !

Kính chào hỡi người ươm trồng Đấng Ban Sự Sống !

Kính chào hỡi ruộng nảy sinh hoan lạc xót thương !

Kính chào hỡi bàn tiệc dư đầy ơn cứu chuộc !

Kính chào hỡi người làm nở rộng đồng cỏ thiên đàng !

Kính chào hỡi bến bình an cho các linh hồn !

Kính chào hỡi hương trầm tỏa ngát lời cầu !

Kính chào hỡi hy lễ đền tội cho cả vũ trụ !

Kính chào hỡi ân phúc Thiên Chúa dành cho phàm
nhân !

Kính chào hỡi niềm cậy trông phàm nhân nơi Thiên
Chúa !

Kính chào hỡi Hiền Thê trọn đời đồng trinh !

Khổ thơ 5,
trích theo G.G. Meersseman, *Thánh Thi Akathistos*,
NXB Universitaires, Fribourg, 1958

Sao Biển Đường Đời

Và danh hiệu của Đức Trinh Nữ là MARIA.

Người ta dịch là : *Sao Biển*. Danh xưng ấy thật tuyệt vời dành cho Người Mẹ Đồng Trinh. Mẹ được ví như vì sao, một so sánh thật chí lý : như vì sao tỏa ánh sáng mà không hề suy giảm, Đức Trinh Nữ cũng sinh Con mà vẫn nguyên vẹn. Ánh sáng chẳng làm sao giảm bớt, cũng như Người Con chẳng hề tổn hại sự trinh nguyên của Mẹ. Phải, Mẹ chính là vì sao cao quý xuất phát từ nhà Giacóp, có ánh sáng chiếu tỏa khắp địa cầu. Vinh quang Mẹ rực rỡ trên trời cao đồng thời thấu suốt vực thẳm. Hơi ấm Mẹ lan tỏa khắp nơi, sưởi ấm tâm hồn hơn cả thể xác, làm chín muồi nhân đức và thiêu đốt thói hư. Phải, Mẹ chính là vì sao lấp lánh diệu kỳ, vươn lên như điều tất yếu giữa đại dương mênh mông, tỏa sáng bằng công đức và dẫn đường bằng gương lành.

[...]

Trong hiểm nguy, lúc nguy nan, khi bước đường cùng, hãy nghĩ đến Mẹ Maria, hãy kêu cầu Mẹ Maria! Đừng để danh Mẹ rời khỏi môi miệng, đừng để lòng quên nhớ đến Mẹ. Và để được Mẹ chuyển cầu, chớ bỏ qua việc bắt chước đời Mẹ. Nếu theo Mẹ, sẽ không lạc lối ; nếu cầu cùng Mẹ, sẽ không thất vọng ; nếu nghĩ đến Mẹ,

sẽ không sai đường. Được Mẹ nâng đỡ, không còn vấp ngã ; được Mẹ che chở, không còn sợ hãi ; được Mẹ dẫn dắt, không còn mệt nhọc. Có Mẹ đồng hành, người sẽ tới bến bình an, và tự mình nghiệm thấy lời đã phán quả thật chí lý : *Và danh hiệu của Trinh Nữ là Maria.*

Thánh Bernard Clairvaux (1091-1153),
Ca ngợi Đức Maria, Bài giảng 2, số 17

Vô Nhiễm Nguyên Tội

Những ai được Thiên Chúa tuyển chọn cho sứ mạng, Người chuẩn bị và sắp đặt để họ xứng đáng với ơn gọi ấy, như lời thánh Phaolô : «Thiên Chúa đã làm cho chúng tôi đủ khả năng phục vụ Giao Ước Mới» (2 Cr 3, 6). Vậy Đức Trinh Nữ diễm phúc đã được tuyển chọn cách lạ lùng làm Mẹ Thiên Chúa. Nên chẳng thể nghi ngờ rằng Người đã dùng ân sủng chuẩn bị Mẹ xứng đáng với vinh dự ấy, như lời sứ thần : «Bà đẹp lòng Thiên Chúa, này Bà sẽ thụ thai...» (Lc 1, 30-31). Mẹ không thể là Mẹ Thiên Chúa xứng đáng nếu từng phạm tội.

Thứ nhất, vì danh dự cha mẹ ảnh hưởng đến con cái, như sách Châm Ngôn dạy : «Con cái là vinh quang của cha mẹ» (Cn 17, 6). Ngược lại, sự bất xứng của Mẹ sẽ ảnh hưởng đến Người Con.

Thứ hai, Đức Trinh Nữ có mối liên hệ đặc biệt với Đức Kitô, Đấng đã nhận lấy xác phàm từ Mẹ. Kinh Thánh viết : «Đâu có sự hòa hợp giữa Đức Kitô và Bêlial ?» (2 Cr 6, 15).

Sau cùng, Con Thiên Chúa là «Đấng Khôn Ngoan của Thiên Chúa», đã ngự trong Mẹ cách duy nhất, không chỉ trong linh hồn mà cả nơi cung lòng. Như có lời chép: «Đức Khôn Ngoan sẽ không vào được lòng kẻ gian tà, cũng không ở trong thân xác nô lệ tội lỗi» (Kn 1, 4).

Bởi những lẽ ấy, phải tuyên xưng cách vô điều kiện rằng Đức Trinh Nữ diễm phúc không hề phạm tội nào, dù trọng dù nhẹ, khiến lời Diễm Ca ứng nghiệm nơi Mẹ: «Em toàn đẹp, bạn tình của anh, nơi em chẳng có tỳ ố» (Dc 4, 7).

Thánh Tôma Aquinô (1225-1274),
Tổng Luận Thần Học, IIIa, q.27, a.4.
NXB Cerf, Paris, 1984, tập 4, tr. 217

Lạy Mẹ Xin Nhớ

Lạy Mẹ êm ái dịu dàng, xin ghi nhớ rằng Mẹ là Mẹ con, con là con Mẹ ; Mẹ đầy quyền năng, con thân phận khốn khó yếu hèn.

Con khẩn cầu Mẹ hiền, xin cầm lái đời con trong mọi nẻo đường.

Xin đừng nói, lạy Nữ Vương nhân từ, rằng Mẹ không thể ! Vì Con yêu dấu đã trao trọn quyền năng cho Mẹ cả trên trời dưới đất.

Xin đừng nói Mẹ không cần phải giúp, vì Mẹ là Mẹ chung của hết thầy phàm nhân khốn khó, và riêng con là con Mẹ.

Giả như Mẹ không thể giúp, con sẽ thưa rằng : Phải, Mẹ thương con như con ruột, nhưng than ôi, Mẹ nghèo quá, đâu đủ sức.

Hoặc nếu Mẹ chẳng phải là Mẹ con, con sẽ nhủ nài: Mẹ giàu sang thật, nhưng tiếc thay, vì không phải là Mẹ con, nên chẳng đoái hoài.

Nhưng lạy Mẹ êm ái, vì Mẹ vừa là Mẹ con, vừa đầy quyền năng, thì sao con có thể chấp nhận nếu Mẹ không ra tay nâng đỡ ?

Mẹ thấy đó, Mẹ không thể chối từ lời con nguyện xin. Vì vinh quang Con Mẹ, xin nhận con làm con cái, đừng nhìn đến tội lỗi yếu hèn của con. Xin cứu linh hồn và thân xác con khỏi mọi hiểm nguy, và ban cho con mọi nhân đức của Mẹ, nhất là đức khiêm nhường. Sau hết, xin trao cho con mọi ân huệ, ơn lành đẹp lòng Ba Ngôi Cực Thánh, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Amen.

Thánh Phanxicô Salê,
Giám mục Genève (1567-1622)

**Kính Mừng Chúa Giêsu
Ngự Trong Lòng Đức Maria
Nhờ Mầu Nhiệm Nhập Thể**

Chúng con thờ lạy Chúa Giêsu
Đang ngự trong cung lòng Mẹ Maria
Ngắm nhìn trong lặng ngõ ngang
Uy linh Chúa ẩn mình bé nhỏ
Thờ lạy Thiên Chúa Hải Đồng
Vì loài người xuống thế cứu độ

Cung lòng Mẹ là đền thánh
Nơi Thiên Chúa đẹp lòng ngự trị
Là bầu trời rạng ngời chiếu sáng
Ánh Công Chính vĩnh hằng
Là nơi ẩn náu vững bền
Thiên Chúa tỏ lòng xót thương

Nơi đây ngày đêm Chúa ngự
Hài lòng trong tình yêu viên mãn
Đức Maria yêu Chúa hết dạ
Bằng tất cả tâm can
Đây là tình nghĩa vẹn toàn
Giao hòa giữa Mẹ và Con

Ôi ! Chúa Giêsu quảng đại
Ban cho Mẹ tinh tuyền ơn lạ
Đặt vào lòng đồng trinh khôn ví
Ân sủng chẳng hạn lượng
Trái tim Mẹ là ngai vàng
Là nơi Chúa an nghỉ mãi

Thánh Louis-Marie Grignion de Montfort
(1673-1716)

Những Hạt Mân Côi

Kính mừng Maria. Các phẩm thiên thần đã sai vị thủ lãnh đến với thiếu nữ khiêm hạ nhà Đavít để dâng lời chào vinh hiển ấy ; giờ đây khi Mẹ đã được tôn vinh trên các thiên thần và mọi cơ binh thiên quốc, nhân loại, từng được Mẹ làm con và làm chị, lại gửi từ trần gian lên Mẹ lời chào của sứ thần : Kính mừng Maria. Khi xưa nghe lần đầu từ miệng tổng lãnh Gabriel, Mẹ đã cư mang Ngôi Lời trong lòng trinh khiết ; giờ đây, mỗi khi miệng phàm nhân lặp lại lời báo tin ấy, lòng Mẹ lại rạo rực nhớ đến khoảnh khắc vô song trên trời dưới đất, và cả cõi vĩnh hằng tràn ngập niềm hoan lạc Mẹ cảm nghiệm. [...]

Ai chưa từng nghe tiếng đọc kinh trăm hùng của những nông dân đọc xen kẽ Kính Mừng trong nhà thờ làng lúc chiều tà ? Ai chưa thấy những đoàn hành hương lần hạt Mân Côi trên đường trường, làm vui bớt nỗi mỏi mòn bằng lời kinh luân phiên kêu tên Maria ? Khi một điều gì trở nên phổ quát và trường tồn, ắt hẳn nó phải hòa điệu nhiệm mầu với những khát vọng và định mệnh con người. Kể duy lý mỉm cười khi thấy dòng người lặp

đi lặp lại cùng một lời ; nhưng ai được ánh sáng cao hơn soi dẫn sẽ hiểu rằng tình yêu chỉ cần một lời, và dù nói mãi cũng chẳng bao giờ cũ.

Henri-Dominique Lacordaire (1802-1861),
Đời Thánh Đa Minh

Trong Quyền Năng Thánh Thần

Đức Maria hiện lên như hình ảnh góa phụ của Giáo Hội sơ khai «đặt niềm tin nơi Thiên Chúa, ngày đêm chuyên chăm cầu nguyện và phụng thờ» (1 Tm 5, 5). Tuy nhiên, Mẹ không đơn độc, Mẹ có người con nơi môn đệ Chúa Giêsu yêu dấu, và là Mẹ thiêng liêng tuyệt hảo giữa những phụ nữ trung tín đã theo Chúa và vẫn kiên trì ở lại. Đối với vị môn đệ và toàn thể các môn sinh, Mẹ là hiện thân của Giáo Hội-Mẹ, là Mẹ thiêng liêng được tìm thấy trong lòng Giáo Hội. Nhờ quyền năng Thánh Thần, Mẹ có thể truyền lại cho các môn đệ và Giáo Hội tiên khởi tất cả những gì Mẹ am tường về Chúa Giêsu, Con yêu dấu của Mẹ, mà Mẹ đã ân cần ghi nhớ và suy niệm trong lòng (Lc 2, 19.51). Mẹ khiêm tốn trở thành người mang Tin Mừng của Con Mẹ, không theo cách thức của các tông đồ truyền giáo, nhưng theo cung cách của người mẹ âm thầm và yêu thương, vừa là Mẹ theo huyết nhục của Con Thiên Chúa mà không ai thấu hiểu bằng, vừa là Mẹ thiêng liêng giúp các môn đệ ghi nhớ mọi lời giảng và việc làm của Đức Kitô mà Mẹ đã tận mắt chứng kiến. Qua đức tin, đức cậy, đức mến

và lời cầu nguyện, Mẹ trở thành Mẹ thiêng liêng trong lòng Giáo Hội-Mẹ, nơi Mẹ là hình ảnh sống động và khiêm hạ.

Max Thurian, *Maria, Mẹ Đáng Cứu Thế, Mẫu Mực Giáo Hội*, NXB Cerf, 1980, tr. 274

Tinh Túy Của Lối Sống Phạm Thiên Chúa

Chúng ta cần không ngừng học lại lối sống Tin Mừng. Và để được thế, như các môn đệ xưa, chúng ta cần sự hiện diện của một «Người Mẹ Hiền». Cuộc gặp gỡ giữa sự khiêm hạ và sự cao cả thần linh này : Đấng dùng chính những gì nghèo nàn nhất, yếu đuối nhất, thậm chí bất xứng nhất trong đời ta để dẫn ta tới nỗi đau của Thiên Chúa chịu đóng đinh, nỗi đau tưởng chừng không thể chịu nổi. Ở đây, ta đi từ sự dịu dàng của người mẹ, điều đôi khi có vẻ quá phàm trần, đến sự dịu dàng của Thiên Chúa, như thánh Phêrô đã nhận ra khuôn mặt đích thực của Đức Kitô qua sự sụp đổ và vết thương của mình. Những ai khước từ sự dịu dàng của người mẹ vì cho là «thấp kém», cũng dễ không hiểu được sự dịu dàng không phòng thủ của Đức Kitô. Đức Trinh Nữ Maria dạy ta tinh túy của toàn bộ lối sống phạm Thiên Chúa. Trước sự dữ và yếu đuối tấn công, có lẽ chỉ Mẹ mới giúp ta kiên vững và không quên rằng Trái Tim Thiên Chúa đã bị đóng chặt vào chính trung tâm của kiếp người khốn khổ.

Bernard Bro, *Maria Hy Vọng Của Thiên Chúa*,
NXB Cerf, 1987, tr. 49

Khúc Ru Của Mẹ Thiên Chúa

Lạy Chúa con ngủ say, bé bỏng trong tay Mẹ,
Hài Nhi ấm áp trên nhịp tim Mẹ đập,
Mẹ bông ẵm Ngài, lặng ngắm kinh ngạc
Kỳ công Chúa ban, ôi Hồng Ân quá lớn !

Lạy Chúa, con nào có con chi đâu,
Trinh nữ thân này, kiếp hèn mọn dải dẫu,
Vui nào nở được tựa đóa hoa tươi ?
Nhưng Ngài, Đấng Toàn Năng, đã ban Con cho con.

Biết lấy chi dâng, con đây hèn mọn,
Được ân sung Ngài đổ xuống vô ngần ?
Lạy Chúa, con chỉ khẽ mỉm cười,
Vì con cũng có - dù nhỏ bé đơn hèn -
Một ân huệ, nay dâng Chúa trọn.

Lạy Chúa, Ngài đâu cần miệng lưỡi
Để phán cùng nhân thế lạc loài...
Miệng bé bú dòng sữa Mẹ thơm tho,
Con ơi, chính Mẹ đã dâng Ngài đôi môi.

Lạy Chúa, Ngài đâu cần bàn tay
Để chữa lành thân xác hao gầy...
Bàn tay búp măng còn e ấp,
Con ơi, chính Mẹ đã dâng Ngài đôi tay.

Lạy Chúa, Ngài đâu cần xác phàm
Để bẻ bánh chia sẻ dân gian...
Thịt máu xuân thì từ Mẹ kết tạo,
Con ơi, chính Mẹ đã dâng Ngài thân mình.

Lạy Chúa, Ngài đâu cần cái chết
Để cứu chuộc trần gian... Ôi đau đớn thay !
Cái chết phàm nhân, một chiều tăm tối,
Con thơ ơi, chính Mẹ đã dâng Ngài sự chết.

Marie Noël,
Chuỗi Mân Côi Sự Mừng, NXB Stock 1930, tr. 9

Đức Trinh Nữ Maria là một nhân vật cao cả trong Kitô giáo. Mẹ chiếm vị trí đặc biệt trong phụng vụ và kinh nguyện riêng của các tín hữu Công giáo và Chính thống giáo. Họ nhìn nhận nơi Mẹ một vai trò quan trọng trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, trong công trình của Chúa Giêsu Con Mẹ và trong đời sống Giáo Hội. Tuy nhiên, cần phải trình bày về Mẹ cách chính xác.

Cha Marc Joulin thực hiện điều này qua cuốn sách nhỏ, trình bày tinh túy những gì Giáo Hội tin và dạy về Đức Maria, phân biệt rõ với những quan điểm tự do và tránh cẩn thận mọi phóng đại đáng ngờ.

Ngài trước hết dẫn độc giả khám phá hình ảnh Đức Maria trong Kinh Thánh. Tiếp theo, ngài theo dõi sự phát triển của lòng sùng kính và giáo lý về Đức Mẹ trong lòng Giáo Hội qua dòng lịch sử. Tác giả dành nhiều chỗ cho các văn kiện gần đây của Công đồng Vatican II cùng các Đức Giáo Hoàng Phaolô VI và Gioan Phaolô II. Như thế, hành trình đức tin vào Đức Maria hiện lên như một dấu chỉ đẹp đẽ của ý thức sống động nơi Giáo Hội, cả trong huấn quyền lẫn nơi cảm thức của dân Chúa.

Cuốn sách sáng sủa và chân thành này giúp hiểu rằng trên hành trình của Giáo Hội và các tín hữu, Đức Maria là mẫu nhiệm ánh sáng và chiêm niệm.

Cha Marc JOULIN, linh mục Dòng Đa Minh, thành viên nhóm *Ngày Của Chúa* từ 1962 đến 1976, giám đốc văn học của Nhà xuất bản Cerf từ 1976 đến 1985, tác giả nhiều sách và bài báo, thường xuyên giảng thuyết trên truyền hình và đài phát thanh, luôn mang nỗi ưu tư làm cho đức tin hiện diện trong cuộc sống đương thời như nguồn sáng phong phú.

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu	4
I - ĐỨC MARIA TRONG KINH THÁNH	7
II - ĐỨC MARIA TRONG GIÁO HỘI	72
III - TUYỂN TẬP VĂN BẢN	129